

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

PHẨM PHỔ MÔN

LƯỢC GIẢNG



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN

HT. TUYÊN HÓA

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
PHẨM PHỔ MÔN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

PHẦN KINH VĂN

Lúc bấy giờ, ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng: "Thế Tôn! Ngài Quán-Thế-Âm Bồ-Tát do nhân duyên gì mà tên là Quán-Thế-Âm?"

Phật bảo ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát: "Thiện-nam-tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán-Thế-Âm Bồ-Tát này một lòng xưng danh. Quán-Thế-Âm Bồ-Tát tức thì xem xét tiếng tâm kia, đều được giải thoát.

Nếu có người trì danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức uy thần của Bồ-Tát này được như vậy.

Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ-Tát này liền được chỗ cạn.

Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa-cừ, mã-nã, san-hô, hổ-phách, trân châu các thứ báu, vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi ghe thuyền của kia trôi tấp nơi nước qui La-sát, trong ấy nếu có nhĩn đến một người xưng danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, thì các người đó đều được thoát khỏi nạn qui La-sát. Do nhân duyên đó mà tên là Quán-Thế-Âm.

Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xưng danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, thì đao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, người ấy liền được thoát khỏi.

Nếu qui Dạ-xoa cùng La-sát đầy trong cõi tam-thiên đại-thiên muốn đến hại người, nghe người xưng hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, thì các qui dữ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được.

Dầu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát thầy đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi tam-thiên đại-thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều của báu, trải qua nơi đường hiểm trở, trong đó có một người xưng rằng : "Các Thiện-nam-tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, vị Bồ-Tát đó hay đem pháp vô-úy thí cho chúng sanh, các ông nếu xưng danh hiệu thì sẽ được thoát khỏi oán tặc này".

Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: "Nam-Mô Quán-Thế-Âm Bồ-Tát!" vì xưng danh hiệu Bồ-Tát nên liền được thoát khỏi.

Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát sức oai thần to lớn như thế.

Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền được ly dục.

Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền được lìa lòng giận.

Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền được lìa ngu si.

Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát có những sức oai thần lớn, nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sanh thường phải một lòng tưởng nhớ.

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền sanh con trai phúc đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sanh con gái có tướng xinh đẹp, trước đã trồng gốc phước đức, mọi người đều kính mến.

Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát có sức thần như thế.

Nếu có chúng sanh cung kính lễ lạy Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, thì phước đức chẳng lường mất. Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng-hà-sa Bồ-Tát lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn đó có nhiều chăng?

Vô-Tận-Ý thưa: "Bạch Thế-Tôn! Rất nhiều".

Phật nói: "Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, nhẫn đến một thời lễ lạy cúng dường, thì phước của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn ức kiếp không thể cùng tận.

Vô-Tận-Ý! Thọ trì danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-Tát được vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế."

Ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát bạch Phật rằng: "Thế-Tôn! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát dạo đi trong cõi Ta-bà như thế nào? Sức phương tiện đó như thế nào?"

Phật bảo Vô-Tận-Ý Bồ-Tát: "Thiện-nam-tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật được độ thoát thời Quán-Thế-Âm Bồ-Tát liền hiện thân Phật vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Duyên-giác được độ thoát, liền hiện thân Duyên-giác mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thanh-văn được độ thoát, liền hiện thân Thanh-văn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Phạm-vương được độ thoát, liền hiện thân Phạm-vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đế-Thích được độ thoát, liền hiện thân Đế-Thích mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tự-tại-thiên được độ thoát, liền hiện thân Tự-tại-thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đại-tự-tại-thiên được độ thoát, liền hiện thân Đại-tự-tại-thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thiên-đại-tướng-quân được độ thoát, liền hiện thân Thiên-đại-tướng-quân mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ-sa-môn được độ thoát, liền hiện thân Tỳ-sa-môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tiểu-vương được độ thoát, liền hiện thân Tiểu-vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Trưởng-già được độ thoát, liền hiện thân Trưởng-già mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Cư-sĩ được độ thoát, liền hiện thân Cư-sĩ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tề-quan được độ thoát, liền hiện thân Tề-quan mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Bà-la-môn được độ thoát, liền hiện thân Bà-la-môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-ba-di được độ thoát, liền hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-ba-di mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân phụ nữ của Trưởng-già, Cư-Sĩ, Tề-quan, Bà-la-môn được độ thoát, liền hiện thân phụ nữ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân đồng-nam, đồng-nữ được độ thoát, liền hiện thân đồng-nam, đồng-nữ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhơn cùng phi nhơn được độ thoát, liền đều hiện ra mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Cháp-Kim-Cang thần được độ thoát, liền hiện thân Cháp-Kim-Cang thần mà vì đó nói pháp.

Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình, dạo đi trong các cõi nước để độ thoát chúng sanh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

Quán-Thế-Âm đại Bồ-Tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợt sệt hay ban sự vô-úy, cho nên cõi Ta-bà này đều gọi Ngài là vị "Thí-vô-úy".

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật: "Thế-Tôn! Con nay phải cúng dường Quán-Thế-Âm Bồ-Tát". Liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu nơi cổ giá trị trăm nghìn lạng vàng, đem trao cho ngài Quán-Thế-Âm mà nói rằng: "Xin Ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này".

Khi ấy Quán-Thế-Âm Bồ-tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô-Tận-Ý lại thưa cùng Quán-Thế-Âm Bồ-Tát rằng: "Xin Ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này".

Bấy giờ Phật bảo Quán-Thế-Âm Bồ-Tát: "Ông nên thương Vô-Tận-Ý Bồ-Tát này và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhơn và phi-nhơn v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó.

Tức thời Quán-Thế-Âm Bồ-Tát thương hàng tứ chúng và trời, rồng, nhơn, phi-nhơn v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần: Một phần dâng đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật, một phần dâng tháp của Phật Đa-Bảo.

Vô-Tận-Ý! Quán-Thế-Âm Bồ-Tát có sức thần tự tại như thế, dạo đi nơi cõi Ta Bà".

Lúc đó, ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát nói kệ hỏi Phật rằng:

*Thế-Tôn đủ tướng tốt!
Con nay lại hỏi kia
Phật tử nhân duyên gì?
Tên là Quán-Thế-Âm?*

Đấng đầy đủ tướng tốt
Kệ đáp Vô-Tận-Ý:
Ông nghe hạnh Quán-Âm
Khéo ứng các nơi chỗ
Thệ rộng sâu như biển
Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn
Hầu nhiều nghìn đức Phật
Phát nguyện thanh tịnh lớn.
Ta vì ông lược nói
Nghe tên cùng thấy thân
Tâm niệm chẳng luống qua
Hay diệt khổ các cõi.
Giả sử sanh lòng hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Do sức niệm Quán-Âm
Hầm lửa biến thành ao.
Hoặc trôi dạt biển lớn
Các nạn quì, cá, rồng
Do sức niệm Quán-Âm
Sóng mòi chẳng chìm được.
Hoặc ở chót Tu-di
Bị người xô rớt xuống
Do sức niệm Quán-Âm
Như mặt nhật treo không
Hoặc bị người dữ rượt
Rớt xuống núi Kim-Cang
Do sức niệm Quán-Âm
Chẳng tổn đến mây lông.
Hoặc gặp oán tặc vây
Đều cầm dao làm hại
Do sức niệm Quán-Âm
Đều liền sanh lòng lành.

Hoặc bị khổ nạn vua
Khi hành hình sắp chết
Do sức niệm Quán-Âm
Dao liền gãy từng đoạn.
Hoặc tù cầm xiềng xích
Tay chân bị gông cùm
Do sức niệm Quán-Âm
Tháo rã được giải thoát
Nguyên rửa các thuốc độc
muốn hại đến thân đồ
Do sức niệm Quán-Âm
Trở hại nơi bốn-nhân.
Hoặc gặp La-sát dữ
Rồng độc các loài qui
Do sức niệm Quán-Âm
Liền đều không dám hại.
Hoặc thú dữ vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Do sức niệm Quán-Âm
Vội vàng bỏ chạy thẳng.
Rắn độc cùng bò cạp
Hơi độc khói lửa đốt
Do sức niệm Quán-Âm
Theo tiếng tự bỏ đi.
Mây sấm nổ sét đánh
Tuôn giá, xối mưa lớn
Do sức niệm Quán-Âm
Liền được tiêu tan cả.
Chúng sanh bị khổ ách
Vô lượng khổ bức thân
Quán-Âm sức trí diệu
Hay cứu khổ thế gian

Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Các cõi nước mười phương
Không cõi nào chẳng hiện.
Các loài trong đường dữ:
Địa-ngục, quỷ, súc sanh
Sanh, già, bệnh, chết khổ
Lần đều khiến dứt hết.
Chơn-quán thanh tịnh quán
Trí-huệ quán rộng lớn
Bi-quán và từ-quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng
Sáng thanh tịnh không nhơ
Tuệ nhật phá các tối
Hay phục tai khỏi lửa
Khắp soi sáng thế gian.
Lòng bị rắn như sấm
Ý tứ diệu đường mây
Xối mưa pháp cam lồ
Dứt trừ lửa phiền não
Cải kiện qua chỗ quan
Trong quân trận sợ sệt
Do sức niệm Quán-Âm
Cừu oán đều lui tan.
Diệu-Âm, Quán-Thế-Âm
Phạm-âm, Hải-triều-âm
Tiếng hơn thế gian kia,
Cho nên thường phải niệm.
Niệm niệm chớ sanh nghi
Quán Âm bậc tịnh thánh
Nơi khổ não nạn chết
Hay vì làm nương cậy.

*Đủ tất cả công đức
Mất lành trông chúng sanh
Biển phước lớn không lường
Cho nên phải đành lễ.*

Bấy giờ, ngài Tri-Địa Bồ-Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng: "Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán-Thế-Âm Bồ-Tát Đạo-nghiệp Tự-Tại, Phổ-Môn Thị-Hiện sức thần thông này, thì phải biết công đức người đó chẳng ít".

Lúc Phật nói phẩm Phổ-Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sanh đều phát tâm vô-đẳng-đẳng vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác.

Hán dịch: Dao Tần, Tam-tạng
Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

Giảng thuật: Hòa Thượng TUYÊN HÓA

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA gồm có bảy quyển, chia thành hai mươi tám phẩm. Phẩm Phổ Môn là phẩm thứ hai mươi lăm, nhưng trong bản kinh văn xưa thì là thứ hai mươi bốn, vì trong đó thiếu một phẩm Đề-Bà-Đạt-Đa (phẩm thứ mười hai). Phẩm Phổ Môn diễn bày công đức thần thông diệu dụng và cảnh giới không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Có mười nhân duyên nói phẩm Phổ Môn này; đó là 1) Nhân Pháp, 2) Từ Bi, 3) Phước Huệ, 4) Chơn Ứng, 5) Dục Châu, 6) Hiện Mật, 7) Quyền Thật, 8) Bản Tích, 9) Duyên Liễu, và 10) Trí Đoạn.

1. *Nhân Pháp:* "Nhân" có nghĩa là người, và ở đây chính là Bồ Tát Quán Thế Âm; còn "Pháp" chính là pháp môn Phổ Môn Thị Hiện.

Bồ Tát Quán Thế Âm có thể cứu chúng sanh thoát khỏi bảy thứ tai nạn, giải trừ ba thứ độc, và đáp ứng hai điều mong cầu của chúng sanh; cho nên Ngài là một nhân vật không thể nghĩ bàn. Ngài lại nói pháp Phổ Môn Thị hiện, có cầu tất ứng, vô cảm bất thông.

"Pháp" này là một pháp môn không thể nghĩ bàn; vì không thể nghĩ bàn nên gọi là Diệu-pháp. Vì Nhân (người) ở đây cũng không thể nghĩ bàn, cho nên cũng có thể gọi là Diệu nhân. Là Diệu nhân, Diệu-pháp mới đáng gọi là Phổ Môn, mới có thể xưng là Thật-tướng-phù. Vậy, do nhân duyên của Nhân và Pháp, nên nói Phẩm Phổ Môn.

2. Từ Bi: do nhân duyên của Từ và Bi nên Bồ Tát Quán Thế Âm nói Phẩm Phổ Môn này. Sao gọi là "Từ?" Từ hay ban vui. Sao gọi là "Bi?" Bi hay cứu khổ.

Bồ Tát Quán Thế Âm cứu bảy thứ nạn, giải trừ ba thứ độc và đáp ứng hai thứ mong cầu của chúng sanh.

Bảy thứ nạn này trong kinh văn nói rất tỉ mỉ; đó là nạn lửa, nạn nước, nạn quỷ La-sát (gió bão), nạn đao gậy, nạn ác quỷ, nạn gông cùm (lao tù), và nạn oán tặc.

Ba thứ độc là gồm những thứ nào? Đó là ba độc tham, sân, si.

Hai điều cầu mong tức là cầu mong sanh con trai và cầu mong sanh con gái.

Trong mọi chúng sanh đều có ba thứ độc tham, sân, si. Tuy nhiên, nếu người nhiều tham, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì được lìa tham. Nếu người nhiều sân, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì được lìa sân. Nếu người nhiều si, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì được lìa si.

Thứ tham này nếu kể hết ra thì rất nhiều, sân cũng không ít, còn si thì không nhiều mà cũng chẳng ít. Nói nó nhiều thì cũng không hẳn là nhiều, nói nó ít thì cũng không phải là ít. Sao gọi là si, hoặc ngu si? Do thiếu trí huệ, không am hiểu sâu xa, không lãnh hội được hàm ý, thấy lý mà thấy không đúng (kiến lý bất chân), nên gọi là ngu si. Vì ngu si, dầu thấy được lý luận ấy không chính xác, biết nó là thế mà không biết tại sao như thế.

Căn cứ vào học thuyết của Vương Dương Minh, một học giả người Trung Hoa, thì người ngu si là người không thể *tri hành hợp nhất*. Theo ông, người ấy sờ dĩ không làm là bởi người ấy không biết; nếu biết, thì người ấy sẽ làm ngay. Ông lại cho rằng, kẻ biết mà không làm, đó là do chưa thật biết; nếu kẻ ấy biết thật, thì nhất định sẽ làm ngay.

Vương Dương Minh là một học giả rất nổi tiếng ở Trung Quốc, học thuyết của ông là *Tri hành hợp nhất*- biết và làm là một-nếu người thật biết thì nhất định sẽ thật hành; chỉ vì không biết, người ấy mới không làm. Điều này cũng có nghĩa là kẻ chân chánh hiểu biết, thì không làm những việc ngu si. Tại sao có người làm việc ngu si? Bởi vì người ấy không hiểu, không biết rõ. Cho nên tôi nói đây là thấy không đúng lý.

Có bài thơ về người ngu si như sau:

*Hoa đẹp sáng sáng đều xinh tươi,
Trăng sáng ngại gì mỗi đêm tròn,*

*Đại địa có suối đều thành rượu,
Rừng già không cây chẳng lay tiền.*

Người ham thích hoa sanh tâm ngu si nói: "Tôi muốn đóa hoa này mãi mãi xinh tươi, chẳng tàn phai; sáng sáng đều đẹp như thế này."

Người tham trăng tròn thì nói: "Trăng sáng nào ngai mỗi đêm tròn? Tôi hôm qua trăng tròn thật đẹp, nếu trăng mỗi đêm đều tròn như thế cả thì tốt biết bao! Mỗi đêm ra ngoài trời ngắm trăng, ánh trăng sáng ngời cũng đủ, không cần phải dùng đèn điện, vừa bớt tốn tiền, mà dùng ánh sáng thiên nhiên còn tốt nữa!"

Như thế không phải là ngu si sao? Trăng có tròn có khuyết, hoa có nở có tàn. Hoa nở thì phải có lúc hoa tàn, trăng tròn thì phải có lúc trăng khuyết, đó là luật tuần hoàn của trời đất.

Người thích uống rượu lại nghĩ: "Mỗi ngày tôi đều đi mua rượu, mà whisky hoặc brandy thì rất đắt. Nếu tất cả ao nước trên trái đất này đều biến thành ao rượu, để khi nào tôi thèm rượu thì chỉ việc đến ao múc lên uống, thật tiện lợi biết bao!"

Còn kẻ tham tiền thì mơ mộng: "Minh bây giờ phải đi làm kiếm tiền, thật là quá sức vất vả. Ước gì tất cả cây cối đều biến thành 'cây tiền,' trên cây kết toàn những đỉnh vàng đỉnh bạc và tiền đô-la, để khi mình cần tiền thì chỉ việc hái xuống tiêu xài, thật tiện lợi biết bao!"

Những ước muốn không thể thực hiện được ấy đều là những ảo tưởng ngu si. Lại lấy một ví dụ dễ hiểu nhất. Như có người không có đi học, thậm chí cũng chưa học tiểu học-trung học thì khỏi nói rồi-nhưng lại muốn được một học vị Tiến sĩ ở đại học. Quý vị nói việc này có hợp lý không? Chưa học qua tiểu học, thì học vị Tiến sĩ làm sao cấp cho anh ta được?

Lại còn có những người, không làm ruộng bao giờ, song đến vụ mùa lại muốn thu hoạch như thiên hạ! Đó đều là ngu si! Thậm chí có người không mua vé số mà lại mong trúng lô độc đắc, quả là một ý tưởng quá ngu si! Thế nhưng, đa số người đời đều mắc phải chứng bệnh vọng tưởng "không làm mà muốn có ăn." Vậy thì phải làm sao? Có thứ bệnh này thì cần phải sửa đổi đi mới được.

Bồ Tát Quán Thế Âm cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai điều mong cầu, đó là đại bi. Ngài lại làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh, khiến cho chúng sanh lìa khổ được vui, đó là Đại từ. Vì nhân duyên đại từ đại bi, nên Ngài nói phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn này.

3) *Phước Huệ*: Bồ Tát Quán Thế Âm sở dĩ có thể "tâm thanh cứu khổ," phân biệt được mọi âm thanh khác nhau của thế gian-tiếng thiện, tiếng ác, tiếng khổ, tiếng vui, tiếng phải, tiếng quấy-là vì Ngài có trí huệ chơn chánh.

Trí huệ của Ngài do đâu mà có? Là vì Ngài bố thí Phổ Môn, nhờ đem pháp ấy ban phát cho chúng sanh, cho nên Ngài được phước báo này-phước đức

trang nghiêm. Vì thế nói là do nhân duyên Phước Huệ mà nói Phẩm Phổ Môn.

4) *Chơn Ưng*: "Chơn" là Bồ Tát Quán Thế Âm dùng diệu lực của chơn thân Ngài để giải cứu bảy nạn, giải trừ ba độc, thỏa mãn hai điều mong cầu của chúng sanh. Ngài lại thị hiện ba mươi hai Ứng hóa thân-cũng gọi là Ứng thân-để giáo hóa chúng sanh; vì thế nên có nhân duyên Chơn Ưng này.

5) *Dược Châu*: Tại sao gọi là "Dược?" "Dược" đây chính là Dược-vương-thọ. Sao lại gọi là Dược-vương-thọ? Cách đây thật lâu xa, có một người lên núi đốn củi gánh về bán ở chợ. Một vị thầy thuốc nọ thấy trong gánh củi của anh ta phát ra ánh sáng, bèn mua hết gánh củi đó. Về nhà, vị ấy dỡ củi ra xem thì thấy bên trong có một khúc cây Dược-vương. Sau khi vị thầy thuốc được Dược-vương-thọ rồi, gặp bất cứ bệnh gì, chỉ cần lấy Dược-vương-thọ gõ nhẹ nhẹ trên thân người bệnh, hoặc đánh nhẹ một cái thì bệnh liền hết, cứu được không biết bao nhiêu người. Chính vì thế mà gọi là Dược-vương-thọ.

Tại sao gọi là "Châu?" "Châu" đây chính là Như Ý bảo châu. Sao gọi là Như Ý bảo châu? "Như ý" là vừa lòng toại ý, cũng chính là khiến cho quý vị vui thích vừa ý, thỏa mãn sự yêu cầu của quý vị, đáp ứng mọi ước muốn của quý vị.

Nếu quý vị muốn ăn món chi thì Như Ý châu liền hiện ra món ấy, quý vị chẳng cần phải đi mua. Nếu muốn mặc bộ đồ đẹp, chỉ cần đối với Như Ý

châu mà nghĩ rằng: "Tôi muốn có một bộ đồ thật đẹp, ít có trên đời," bấy giờ Như Ý châu liền hiện ra bộ đồ đúng như ý quý vị mong muốn. Thậm chí quý vị muốn có nhà ở, nó cũng có thể hiện ra được. Quý vị ao ước: "Tôi nay tôi muốn ở một căn nhà thật sang trọng" thì bảo châu này liền hiện ra căn nhà như ý quý vị muốn. Sau khi ở một đêm, sang ngày thứ hai, căn nhà tự động trở về lại trong Như Ý châu.

Quý vị muốn ăn thức gì. Như Ý châu liền hiện ra thức ấy, phân lượng vừa đủ, không thừa không thiếu. Về y phục, quý vị cũng không cần phải sắm giá áo, chỉ cần cởi ra thì y phục ấy tự động trở về trong Như Ý châu. Vì thế, hạt châu ấy được gọi là "Như Ý," toại lòng vừa ý, thật là mầu nhiệm. Như Ý châu bao lớn? Hạt châu này rất nhỏ, có thể tùy tiện đem theo bên mình; nó lại không nặng và không choán chỗ.

Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm cũng giống như Dược-vương-thọ và Như Ý châu vậy, có thể làm cho mọi người được toại nguyện, vừa lòng. Chỉ cần quý vị đọc tụng Phẩm Phổ Môn thì cầu mong việc chi cũng sẽ được mãn nguyện. Nhưng không phải là hôm nay tụng niệm, ngày mai liền có hiệu quả. Cần phải trước tiên sửa soạn một cơ sở thật ổn định, giống như cất nhà lâu, trước tiên phải làm nền móng cho thật chắc chắn; nền móng không vững chắc thì nhà lâu không có cách gì xây lên được.

Phổ Môn Phẩm tuy có cảm ứng linh thiêng chẳng khác gì Dược-vương-thọ và Như Ý châu, cũng mầu nhiệm không thể nghĩ bàn như thế, nhưng trước

tiên quý vị cần phải trì tụng Phẩm Phổ Môn. Quý vị phải mỗi ngày mỗi tụng niệm, tụng niệm cho đến chừng nào Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn nhận là quý vị hợp cách, có lòng thành, thì sau đó quý vị cầu điều chi cũng đều được như ý mãn nguyện. Không thể nào lúc bình thường chẳng hề tụng niệm, đến khi muốn cầu cảm ứng thì tức khắc có cảm ứng ngay được. Do vậy, lúc bình thường quý vị cũng phải nhất định dụng công tu hành, để đến khi cần thì Phẩm Phổ Môn sẽ thị hiện những sự vi diệu không thể nghĩ bàn giống như cây Dược-vương và ngọc Như Ý vậy. Nhưng trước hết, chính bản thân quý vị cần phải thường xuyên trì tụng mới được!

Có người nói: "Trong Phật giáo có quá nhiều điều phải học! Đã tụng chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, bây giờ lại phải tụng thêm Phẩm Phổ Môn nữa. Thế thì nhiều thời khóa quá, chúng tôi làm sao có đủ thời giờ?"

Quý vị không cần quá nhiều thời gian, chỉ cần mỗi ngày quý vị ngủ ít đi một tiếng đồng hồ, bớt nói chuyện một tí, thì công khóa này có thể thực hiện được ngay. Nếu quý vị không muốn được toại lòng vừa ý, nói rằng: "Tôi không mong cầu điều chi cả. Tôi không có tâm tham, cũng không có tâm sân hoặc tâm si!" Với những lý do đó, quý vị chẳng cần phải tụng niệm và như thế thì không còn gì để nói nữa!

Tuy nhiên, nếu quý vị cảm thấy trong tương lai, mình có thể sẽ gặp một biến cố nào đó, muốn cầu Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc Phật giúp đỡ cho, thì quý vị phải học nhiều Phật-pháp hơn một tí nữa. Phật-

pháp ví như biển cả mênh mông, quý vị một giọt cũng chưa uống mà vội sợ nhiều, thì tương lai nhất định không thể nào uống hết nước trong biển cả ấy được. Nhưng chỉ cần quý vị cố gắng hết sức mình, cần bao nhiêu thì cứ uống bấy nhiêu. Phật-pháp là kho báu vô tận, dùng hoài không hết, cho nên quý vị hãy cố đem hết sức mình mà vận dụng Phật-pháp.

Vậy, do ý nghĩa Dược Châu nên nói Phẩm Phổ Môn.

6) *Hiển Mật*: "Hiển" là hiển lộ rõ ràng; "Mật" là bí mật kín đáo. Quý vị trì tụng Quán Thế Âm Bồ Tát Phẩm Phổ Môn Phẩm thì có lúc được sự cảm ứng rõ ràng, và cũng có lúc được sự cảm ứng âm thầm.

Cảm ứng rõ ràng tức là sự cảm ứng mà mọi người đều có thể nhìn thấy, đều biết được. Ví như việc Quán Thế Âm Bồ Tát cứu giúp chúng sanh, trong Phẩm Phổ Môn có nói: "Dầu vào lửa lớn, lửa chẳng đốt được."

Trong Kinh Lăng Nghiêm, khi Quán Thế Âm Bồ Tát thuật về Nhĩ căn Viên thông, có nói: "Lửa không thể đốt vì tánh lửa là chơn không, tánh không là chơn hòa."

Ví dụ như quý vị đang ngồi trong phòng, nhất tâm nhất ý niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, bất ngờ có hỏa hoạn xảy ra. Lúc ấy, chỉ cần quý vị có thể thành tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thì dù cho nhà bên cạnh có bị cháy, nhà của quý vị vẫn được vô sự. Nhưng đó phải là vô ý chứ không phải cố ý!

Nếu quý vị cố ý nổi lửa đốt thử để xem nhà mình có bị cháy không, thì nhất định phải cháy rồi! Tại sao thế? Vì quý vị vốn có ý muốn thử Quán Thế Âm Bồ Tát! Bởi quý vị không có lòng tin chắc chắn nên mới thử Ngài như thế. Giống như quý vị có một người bạn chẳng hạn, vì muốn biết người bạn ấy có thật tâm với mình không, có phải là hạng người tốt, "gặp vàng không chóa mắt" hay chẳng, bèn đợi khi người bạn đến chơi rồi cố ý đánh rơi dưới đất năm trăm đô-la và tự nhủ: "Nếu anh ấy là người tốt thì dù biết mình không trông thấy, anh ấy cũng sẽ không lấy số tiền kia."

Tại sao quý vị lại muốn thử thách bạn của mình? Chính là vì quý vị chưa có được sự nhận định đúng đắn về người bạn ấy, không biết anh ta có phải thật là người tốt không, cho nên mới thử nghiệm như vậy.

Trong kinh, Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn, có nói rằng: *Dầu vào lửa lớn, lửa chẳng đốt được*. Về việc này, nếu quý vị không tin chút nào, thì Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng để ý đến những chuyện không đâu của quý vị. Quý vị muốn nhảy xuống biển tự tử, nói rằng: "Tôi nhảy vào trong biển lớn để xem có gặp chỗ cạn hay không?" Quý vị muốn thử nghiệm để xem thần thông diệu dụng của Quán Thế Âm Bồ Tát, điều đó chứng tỏ rằng quý vị không có lòng tin đối với Ngài. Nếu đối với Bồ-tát mà quý vị không có lòng tin, thì Ngài có thể cũng chẳng muốn để ý đến những việc không đâu của quý vị.

Quý vị nguy hiểm: "Nếu không thử nghiệm, làm sao tôi biết được việc ấy là thật hay giả?" Quý vị biết việc ấy là thật, thì thế nào? Mà không biết việc ấy là thật, thì đã làm sao? Quý vị biết rồi, thì ngày ngày cũng vẫn phải ăn cơm, mặc quần áo, mới có thể sống được; thế thì quý vị cần gì phải làm thêm một việc thừa nữa?

Sự cảm ứng hiển lộ rõ ràng thì mọi người đều biết. Như nhà kẻ bên cháy mà nhà mình không cháy; đó không phải là hiển lộ rõ ràng sao? Ai nấy đều biết rõ: "A! Người ấy nhờ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát nên được sự cảm ứng đây! Tin Phật thật là có sự mầu nhiệm." Đó là sự cảm ứng hiển lộ.

Lại còn có sự cảm ứng bí mật nữa. Ví dụ đáng lẽ quý vị phải gặp tai nạn hoặc té xuống biển bị nước cuốn, nhưng trong vô hình, được sự cảm ứng từ Quán Thế Âm Bồ Tát, quý vị không phải gặp sự nguy hiểm ấy nữa. Trong thầm kín, Ngài làm cho tai nạn của quý vị tiêu mất đi, mà ngay cả quý vị cũng hoàn toàn không hay biết; đó gọi là sự cảm ứng bí mật.

Như có người đáng lẽ bị chết thiêu trong trận hỏa hoạn, nhưng nhờ người ấy tin tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài bèn âm thầm giải trừ tai nạn cho. Đó cũng là sự cảm ứng bí mật.

Thậm chí quý vị đang ngồi trên phi cơ, lẽ ra phi cơ bị trục trặc-giao thông hiện nay tuy rất tiện lợi, song số người tử vong do phi cơ, xe lửa, xe taxi... gây ra cũng rất nhiều-nhưng quý vị nhờ tụng phẩm Phổ Môn, nhờ niệm chú Đại Bi, nhờ tin tưởng ở Quán Thế

Âm Bồ Tát, nên Ngài âm thầm, không để cho ai biết, lặng lẽ giúp quý vị "chuyển rủi thành may." Đó gọi là "gặp hung hóa kiết, biến nguy thành an."

Nhân có sự quan hệ Hiển Mật cho nên nói Phẩm Phổ Môn. Phẩm này có Hiển Mật Viên thông-Hiển cũng viên thông mà Mật cũng viên thông; bởi Hiển Mật đều viên thông cả, nên công đức của Phẩm Phổ Môn là không thể nghĩ bàn.

Phẩm Phổ Môn có vô số diệu dụng, chú Đại Bi cũng có những diệu dụng như thế. Bây giờ tôi kể một việc cảm ứng xảy ra ở quê tôi cho quý vị nghe.

Ở Đông Bắc (Mãn Châu) quê tôi, có một người nông dân rất giàu có. Mùa thu năm ấy, ông chất nông phẩm lên xe đem ra chợ bán; bán xong mang tiền về nhà. Khi còn cách nhà độ ba dặm đường, bất ngờ gặp phải đám thổ phỉ chặn đường đánh cướp. Người nông dân này thấy phía trước có cướp thì hết hoảng than thảm: "Phải làm sao đây? Chạy trốn ư?" Nhưng bọn thổ phỉ nhìn thấy rồi, muốn trốn cũng không được; nếu không trốn thoát thì nhất định phải bị cướp. Ngay lúc ấy, ông ta niệm chú Đại Bi, và chiếc xe ngựa của ông ta cứ thẳng đường tiến tới trước.

Khi xe ông tiến gần đến chỗ bọn thổ phỉ, thì từ trong đám thổ phỉ có một người bước ra, đi đến trước xe và nói: "Ông đưa roi cho tôi để tôi đánh xe cho!"

Ông nghe lời, đưa roi đánh xe cho người kia. Xe ông đi ngang qua chỗ đám thổ phỉ mà bọn họ dường như không thấy không nghe gì cả, cho nên ông không

bị cướp. Đợi xe chạy tới chỗ bọn thổ phi không còn thấy được nữa, người đánh xe giùm ấy trả roi lại cho ông và nói: "Bây giờ ông hãy đi đi, không có việc gì nữa đâu."

Ông nông dân ấy vì nhìn thấy người đánh xe giúp mình vốn từ trong đám thổ phi đi ra, nên cứ đinh ninh anh ta cũng là thổ phi, mới nói: "Thưa tiên sinh, hôm nay nhờ tiên sinh cứu giúp mà tôi khỏi bị nạn cướp, dám hỏi quý danh tiên sinh là chi? Hiện ở đâu? Tương lai tôi sẽ đến quý phủ hầu bái tạ."

Người kia đáp: "Tôi tên là A Thệ Dựng."

Quý vị niệm chú Đại Bi ắt đều biết rõ, trong chú Đại Bi không phải có một vị Hộ pháp tên là A Thệ Dựng sao? Trong đồ hình, vị Hộ pháp ở phía sau vai có hai cánh, tên là A Thệ Dựng. Nhưng đương lúc ấy, người nông dân lại tự hỏi: "Ồ, A Thệ Dựng là ai vậy kia?" Bây giờ ông ta quên hẳn rằng "A Thệ Dựng" chính là một câu trong chú Đại Bi và là tên của một vị Hộ pháp.

Tới chừng vị A Thệ Dựng ấy đi rồi, không còn nhìn thấy nữa, người nông dân mới sực nhớ ra: "À, đây không phải là vị Hộ pháp A Thệ Dựng trong chú Đại Bi hay sao?" Song, khi ông nhớ ra thì tìm không thấy "A Thệ Dựng" nữa, chẳng biết là đã đi về đâu!

Trên đây là một trong những cảnh giới không thể nghĩ bàn của chú Đại Bi. Nếu như người nông dân ấy nghĩ: "Để mình thử niệm chú Đại Bi xem có linh nghiệm không," tất A Thệ Dựng sẽ không hiện thân

đến cứu ông ta. Chính nhờ ông ta không có ý muốn thử nghiệm, mà chỉ một lòng tin tưởng: "Tri niệm chú Đại Bi thì sẽ có thể gặp hung hóa kiết, đổi nguy thành an"; và quả nhiên ông ta được toại ý nguyện, không bị thô phi cướp bóc.

7) *Quyền Thật*: Bồ Tát Quán Thế Âm dùng sức của Pháp thân mà lặng lẽ, bí mật cứu giúp chúng sanh, ấy là "Thật." Ngài lại dùng ba mươi hai Ứng hóa thân để giáo hóa chúng sanh, ấy là "Quyền." "Quyền" là phương tiện quyền xảo, cũng là phương pháp tạm thời, không phải là vĩnh viễn. Lại vì Bồ Tát Quán Thế Âm dùng nhân duyên Quyền Thật này, nên mới nói Phẩm Phổ Môn.

8) *Bản Tích*: Sao gọi là "Bản?" "Bản" là căn bản, "Tích" là dấu tích. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng một Pháp thân mà độ khắp tất cả chúng sanh; Pháp thân ấy chính là "Bản." Ngài lại dùng Ứng hóa thân để giáo hóa chúng sanh; các thân đó chính là "Tích."

Pháp thân của Bồ Tát Quán Thế Âm ví như vầng trăng sáng; còn "tích" của Ngài ví như bóng trăng soi trên ngàn sông nước. Ấy gọi là: "Nước đầy ngàn sông ngàn ánh trăng." Chỉ có một vầng trăng sáng chiếu soi các dòng sông, mà tất cả những bóng trăng trong các dòng sông đều là từ bản thân của một mặt trăng duy nhất này huyền hiện ra. Trăng trong nước chính là nước, là "tích;" còn mặt trăng trên trời chính là "bản."

Do nhân duyên Bản Tích mà nói Phẩm Phổ Môn.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng một Pháp thân mà thị hiện khắp trong tâm của tất cả chúng sanh, khiến cho họ đều cải quá tự tâm, hồi tâm hướng thượng, lìa khổ được vui, rốt ráo thành Phật.

Giảng đến đây có người nói: "Hèn gì! Sở dĩ tôi không cải quá tự tâm là vì Bồ Tát Quán Thế Âm không thị hiện ở tâm tôi, khiến tôi gây ra biết bao lỗi lầm, lại còn không chịu sửa đổi nữa."

Người nghiện thuốc lá thì nghĩ rằng: "Có lẽ là vì Bồ Tát Quán Thế Âm không gia bị tôi, không muốn giúp tôi cai thuốc."

Người thích uống rượu thì nói: "Tôi muốn học Phật pháp, nhưng đáng tiếc là tôi cai rượu không được. Đó là lỗi của Bồ Tát Quán Thế Âm, vì Ngài không chịu giúp đỡ tôi."

Họ nghĩ như thế rồi sanh lòng oán trách Bồ Tát Quán Thế Âm: "Bồ Tát Quán Thế Âm thật bất công! Tại sao Ngài giúp đỡ người ta mà không giúp đỡ tôi?"

Điều này thật là ngu lại càng ngu, thành ra hai cái ngu si chồng chất lên nhau. Tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm lại không gia bị quý vị? Đó là do quý vị không chịu nghe lời giáo hóa của Ngài đây thôi. Quý vị nghe thấy danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì phải cải quá tự tâm, phải thanh lọc đầu óc của mình đi. Đồng thời, cần phải hiểu rằng:

*Hiểu dĩ vãng là không kể đến,
Biết vị lai có thể truy tìm.*

Mọi người đều phải biết rằng việc quá khứ thì đã qua rồi, kể như xong; còn tương lai thì sắp đến, chúng ta có thể sửa đổi để đi theo con đường chân thiện. Nhưng quý vị rõ biết mà cố phạm thì tội ấy càng chồng chất thêm. Vì thế, oán trách Bồ Tát Quán Thế Âm không bảo hộ quý vị là một điều quá lắm! Bồ Tát Quán Thế Âm lúc nào cũng muốn bảo hộ quý vị, nhưng tiếc thay, cửa lòng quý vị đóng chặt, không để cho Ngài tiến vào. Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ có nước thờ dài: "Ôi! Chúng sanh này thật là đáng thương biết bao!" Vì thế quý vị không nên trách Bồ Tát Quán Thế Âm, mà phải tự trách mình đã thiếu nhiệt tâm.

9) *Duyên Liễu*: "Duyên" là duyên nhân, "Liễu" là liễu nhân. Sao gọi là "Liễu nhân?" Ấy là cái nhân này đã kết liễu, đã dứt hết. Cũng có thể nói "liễu nhân" tức là hiểu rõ nguyên nhân.

Trong khóa tu học mùa hè năm nay (1968), mọi người đều thức dậy rất sớm và tận dụng từng giây từng phút để học Phật-pháp. Những người ở xa thì thức dậy từ lúc bốn giờ khuya để có thể đến đây tham Thiền và nghiên cứu kinh điển. Có những người đang theo học Cử nhân, Tiến sĩ tại trường Đại học Washington ở Seattle, cũng đến tham gia khóa tu học này. Điều đó chứng tỏ rằng họ đã nhận thức được tầm quan trọng của Phật-pháp. Tại sao họ từ những nơi quá xa xôi như vậy mà chịu khó đến tận đây (San Francisco) để tham Thiền, học tập kinh tạng, nghiên cứu Phật-pháp? Chính là vì họ muốn "liễu" cái "nhân"

ấy. Nghe kinh chính là chủng tử của "liễu nhân;" quý vị có nhân duyên nghe kinh, đó là "duyên" của nhân. Vậy, vì nhân duyên Duyên Liễu nên nói Phẩm Phổ Môn này.

10) *Trí Đoạn*: Bồ Tát Quán Thế Âm dùng trí huệ, trí đức trang nghiêm của Ngài để giáo hóa chúng sanh, quả vị của Ngài là trang nghiêm trí huệ.

"Trí" là Trí đức của Huệ, tức là đức hạnh của trí. "Đoạn" là Đoạn đức, tức là đoạn trừ, cắt đứt tất cả vô minh. Đoạn đức còn được gọi là Phước đức. Nhân vì Ngài đoạn trừ được vô minh, nên có được phước đức trang nghiêm chân chánh.

Đức Phật thì đầy đủ cả phước lẫn huệ; Bồ Tát Quán Thế Âm mặc dù là Bồ-tát, nhưng Ngài có phước đức trang nghiêm và cũng có huệ đức trang nghiêm. Cho nên, "Trí huệ" cũng gọi là "Phước huệ."

Trên đây là mười nhân duyên nói phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn, phẩm thứ hai mươi lăm của bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Trước khi nghiên cứu phần kinh văn, chúng ta hãy tìm hiểu về danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi tin rằng Quán Thế Âm Bồ Tát rất quen thuộc đối với tất cả quý vị, bởi Ngài là một vị Bồ-tát đại từ đại bi và rất có nhân duyên với chúng sanh chúng ta.

Quán là "năng quán chi trí"- trí huệ năng quán, trí huệ dùng để quán xét. Thế Âm là cảnh giới sở quán-các âm thanh của thế gian chính là cảnh giới được quán xét.

Bất luận âm thanh nào của thế gian, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng đều nghe biết cả. Ngài biết rõ từng âm thanh một của mỗi chúng sanh; vì sao? Vì Ngài không ngừng quán sát các âm thanh đó. Suốt ngày, Ngài hết xem xét nơi này lại xem xét nơi khác, tìm xem có âm thanh gì hay không.

Âm thanh vốn phải lắng nghe mới phải, vì sao ở đây lại nói là "xem?" Âm thanh mà có thể "xem," có thể "thấy" được ư? Chúng ta thì không thể, song Quán Thế Âm Bồ Tát thì có thể "thấy" được âm thanh. Ngài nhìn thấy âm thanh như thể chúng được ghi nhận trên màn ra-đa, và mỗi chúng sanh được ký hiệu bằng một ánh chớp nhỏ (blip) trên màn ảnh ra-đa. Ngài có thể theo dõi từng âm thanh của quý vị. Đó là một cách giải thích.

Lại có thể giải thích rằng: Quán Thế Âm Bồ Tát có khả năng nghe bằng mắt và thấy bằng tai! Mặc dầu chúng ta nói là Ngài quán sát các âm thanh của thế gian, Ngài cũng có thể nghe bằng mắt được! Ngài không chỉ dùng mắt để nhìn mà còn có thể dùng mắt để nghe nữa. Vì sao ư? Bởi vì Ngài có thần thông Lục căn Hổ dụng. Những người tu hành theo Kinh Pháp Hoa, đạt được cảnh giới Pháp Hoa Tam Muội, hoặc Lục căn Thanh tịnh, đều có được khả năng Lục căn Hổ dụng; huống hồ là Quán Thế Âm Bồ Tát!

Cho nên, tai của Quán Thế Âm Bồ Tát có thể nói chuyện, có thể ăn uống; mắt của Ngài có thể nghe và cũng có thể suy nghĩ được nữa. Đó là cảnh giới Lục căn Hổ dụng mà Quán Thế Âm Bồ Tát đã chứng

được từ lâu xa về trước; và nhờ vậy, Ngài có thể quán xét âm thanh của thể gian.

Có lẽ có người thắc mắc: "Tại sao Quán Thế Âm Bồ Tát lại đa sự, muốn ôm đồm nhiều việc quá vậy? Từ sáng đến tối nhọc lòng quán xét âm thanh? Để làm gì kia chứ?"

Quán Thế Âm Bồ Tát làm như thế là vì Ngài không thể bỏ mặc chúng sanh - quý vị, tôi, và bao người khác nữa. Ngài xem tất cả chúng sanh như con vậy. Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng khác nào một người mẹ luôn quan tâm đến con cái - luôn để ý xem đứa này có khóc không, đứa kia có đói không, đứa nọ có lạnh không..., suốt ngày Ngài bận rộn trông nom chúng sanh chúng ta.

Có người thắc mắc: "Như thế thì Ngài giống như baby-sitter sao?"

Dùng, cũng gần như là vậy. Có điều là Ngài không được trả lương! Đó là điều thiệt thòi nhất cho Quán Thế Âm Bồ Tát! Chính vì không thể bỏ mặc chúng sanh, nên Ngài muốn quán xét các âm thanh của thể gian, để xem có chúng sanh nào đang chịu khổ sở thì Ngài giải trừ sự thống khổ cho chúng sanh đó, hoặc có loài chúng sanh nào gặp nạn thì Ngài giải trừ tai nạn cho loài chúng sanh đó.

Quán Thế Âm Bồ Tát "tầm thanh cứu khổ"- Ngài lắng nghe tiếng kêu của chúng sanh mà đến cứu họ thoát khỏi khổ nạn. Nếu quý vị đang chịu khổ sở, thì chỉ cần niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, tất

quý vị sẽ được "gặp rui hóa may," và mọi sự được thuận lợi đúng như quý vị mong muốn. Đa số người đời không biết đến diệu pháp này, cho nên khi gặp chuyện nguy hiểm, bất trắc, họ không biết niệm danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nếu lúc gặp hiểm nguy mà quý vị có thể nhớ niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, quý vị sẽ được bình yên vô sự. Nếu quý vị ở trong đám cháy, lửa sẽ không thiêu đốt quý vị. Nếu quý vị té xuống chỗ nước sâu, nước không nhận chìm quý vị. Nếu quý vị không biết bơi, quý vị sẽ thấy mình tự nhiên được tấp vào chỗ cạn. Đó là do sức cảm ứng của Quán Thế Âm Bồ Tát. Lúc nguy cấp, chỉ cần quý vị có thể niệm danh hiệu của Ngài, chắc chắn sẽ được sự cảm ứng và được cứu thoát. Tuy nhiên, quý vị cần phải thật sự có lòng tin; không thể lưỡng lự, bán tín bán nghi được.

Giả sử quý vị bị ở trong đám cháy và vừa niệm danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát vừa hoài nghi: "Có thật là Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ đến cứu mình không? Không có đâu! Làm gì có chuyện mầu nhiệm linh thiêng như thế được!" Vì một niệm nghi ngờ đó, Ngài không thể đến giải nguy cho quý vị được. Tại sao vậy? Bởi vì quý vị không tin, không có tín tâm đối với Ngài! Quý vị cần phải một lòng một dạ thiết tha tin tưởng: "Mình niệm danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài chắc chắn sẽ đến cứu mình!" Hoặc nếu sắp bị cọp dữ vồ bắt ăn thịt, quý vị liền nhắm nghiền hai mắt và niệm "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát..."; bỗng nhiên

cọp sẽ không thể há miệng ra được nữa. Đó chính là nhờ thần lực của Quán Thế Âm Bồ Tát vậy.

Bồ-tát là "giác hữu tình," kẻ đi giác ngộ chúng hữu tình, giúp họ trở nên giác ngộ. Các ngài cũng là "hữu tình giác," những chúng hữu tình đã giác ngộ. Bồ-tát cũng còn được gọi là "Đại Đạo tâm chúng sanh, Khai sĩ, hoặc Hữu thượng sĩ. "

Lúc bấy giờ ngài Vô Tận Ý Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai phải, chấp tay hướng về Đức Phật mà thưa rằng: "Thế Tôn! Bồ Tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?"

Lúc bấy giờ chính là đương lúc ấy. Đương lúc ấy là lúc nào? Chính là lúc Bồ Tát Vô Tận Ý ở trên hội Pháp Hoa hỏi về nhân duyên có tên gọi Quán Thế Âm Bồ Tát; cũng chính là lúc này, khi nói xong phẩm Diệu Âm Bồ Tát Bản Sự, giờ đây là lúc nói Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn. Có vị Vô Tận Ý Bồ Tát. Sao gọi là Vô Tận Ý? Nói chung, có ba thứ vô tận:

1. Thế giới vô biên trần nhiều nhiều: Thế giới thì vô lượng vô biên, chúng ta không nên cho rằng thế giới này là cái mà chúng ta mắt thấy tai nghe được, đó là một thứ giới hạn của thế giới thôi. Không phải thế đâu! Thế giới này nhiều đến vô lượng vô biên, có thể giới này, thế giới khác, vô lượng thế giới; cõi nước này, cõi nước khác, vô lượng cõi nước, vô cùng vô tận, cho nên gọi là Thế giới vô biên trần nhiều nhiều.

Sao gọi là nhiều nhiều? Nhiều là nhiều loạn; nhiều loạn là bất định; bất định cũng có nghĩa là động. Trần có nghĩa là không thanh tịnh, trên thế giới có rất nhiều vi trần. Thử nhìn khi mặt trời mới mọc, trong ánh dương quang thấy vô số vi trần đang lên lên xuống xuống trong không trung, lăng xăng lay động, chợt cao chợt thấp. Những vi trần này từ đâu đến? Bao nhiêu đất bụi ở thế giới này từ đâu có? Xét tận cội nguồn, truy cứu căn nguyên của vi trần này là vấn đề thật quan trọng. Tất cả vi trần này đều từ trong tâm của mỗi chúng sanh hiện ra. Tại sao? Vì trong tâm chúng sanh quá nhiều vọng tưởng. Vọng tưởng giống như vi trần lăng xăng không an, luôn luôn biến động. Chúng ta thử quan sát vọng tưởng nhiều vô số, chúng nhiều đến nỗi không thể tính đếm được. Có đếm cũng không biết là bao nhiêu! Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: "Trong một niệm có chín mươi sát-na." Sát-na là một khoảng thời gian rất ngắn, mà trong một sát-na lại có chín trăm lần sanh diệt, cho nên nói là "Thế giới vô biên trần nhiều nhiều."

2. *Chúng sanh vô tận nghiệp mang mang*: Thế giới là vô biên, nhân vì có thế giới cho nên cũng có chúng sanh. Chúng sanh là do các duyên hòa hợp mà sanh ra. Có rất nhiều thứ do nhân duyên hòa hợp mà sanh, đại khái có bốn thứ: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh. Tại sao có thai sanh? Thai nhân nơi tình mà có, thai sanh là vì có ái tình, nhân đó mà có ra sanh mạng mới. Noãn nhân tướng mà sanh, đó là do tướng mà thành hình. Thấp sanh là nương nơi ẩm ướt

mà sanh, ở nơi chỗ có khí ẩm ướt cũng có thể sanh ra. Hóa sanh tức là biến hóa mà sanh ra, đó là sanh mạng tự nhiên biến hóa mà sanh ra chứ không nương vào duyên của cha mẹ. Nói kỹ hơn, có mười hai loại chúng sanh không ngoài tám thứ: Có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng phải có sắc, chẳng phải không sắc, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng. Chúng sanh nhiều như vậy, cứu cánh là từ đâu mà có? Chúng sanh là từ Phật tánh mà ra. Vì thế mới nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật." Nhưng chẳng phải là nói chúng sanh chính là Phật, không cần tu hành cũng thành Phật. Nhưng nhất định phải dụng công tu hành tham thiền, học Phật-pháp... thì mới có thể phản bản hoàn nguyên mới thành Phật được; không phải là nói chúng sanh hiện tại chính là Phật mà chẳng cần phải tu hành. Hiểu một cách đơn giản như thế chính là thứ tà tri tà kiến! Mà là cần phải tu học Phật-pháp, y giáo phụng hành mới có thể thành Phật được.

3. *Ái hà vô để lãng thao thao*: Ái hà là chỉ tình yêu nam nữ; chẳng những ở nhân loại nói yêu, mà ở dị loại như súc sanh cũng chấp mê không ngộ vì chữ "yêu" này, nhất là súc sanh lại càng không rõ lý hơn, cho nên tâm dâm dục của chúng nặng phi thường. Chúng nó từng giờ từng khắc đều nghĩ tưởng đến việc dâm dục. Nếu có thể sanh tâm quả dục, tự trong sạch tâm mình, cắt bỏ ái dục thì cách việc thành Phật không xa. "Ái hà" này thật không có đáy, càng chìm càng sâu, càng sâu càng chìm xuống nữa, nên là "vô để" (không

có đáy). "Lãng thao thao" là thứ sóng dập dồn liên miên không dứt cũng như sóng nước vậy. Tại sao trong nước biển lại có sóng? Bởi vì trong tâm chúng sanh có sóng. Trong tâm chúng sanh có sóng là vì ái hà có sóng. Tâm ái này muốn bứt cũng bứt không dứt. Lại dùng dao bén muốn chặt đứt tình ái cũng không dễ gì. Nhưng nếu quý vị có trí huệ chân chánh thì giải quyết vấn đề này không khó, ấy gọi là "Giơm trí huệ đứt dây tình ái." Người không có trí huệ thì rớt trong biển ái, càng quây càng sâu. Phải quây đến bao giờ? Đó là vì nó không có đáy, càng quây càng sâu, càng sâu càng quây, càng quây càng chìm.

Do ba lý do nói trên nên Bồ Tát Vô Tận Ý muốn biến vô lượng thế giới này thành thế giới Cực Lạc, muốn giáo hóa vô tận chúng sanh đều được thành Phật, lại muốn lấp ái hà không đáy kia thành bằng phẳng. Cho nên Bồ-tát này gọi là Vô Tận Ý.

Bồ-tát là tiếng Phạn nói gọn, nói đủ là Bồ-đề Tát-đỏa. Theo nghĩa Trung Quốc thì "Bồ" là giác, "Tát" là tình. Bồ-đề là giác đạo, Tát-đỏa là hữu tình. Bồ-tát dùng đạo lý giác ngộ để giác ngộ tất cả hữu tình. Đó là chính mình được khai ngộ, rồi muốn tìm cách dạy bảo mọi người cùng khai ngộ, ấy gọi là tự giác, giác tha. Những vị Bồ-tát này từ đâu đến? Bồ-tát là từ chúng sanh mà đến. Bồ-tát trước kia cũng là chúng sanh, cũng đủ tất cả tánh chúng sanh như chúng ta hiện nay, không có gì khác cả. Nhưng các ngài là người giác ngộ trong chúng sanh, là bậc giác ngộ trong chúng hữu tình, còn chúng ta đây lại là kẻ

mê muội trong chúng sanh, hãy còn chưa giác ngộ. Nếu như hôm nay quý vị giác ngộ thì hôm nay là Bồ-tát, ngày mai quý vị giác ngộ thì ngày mai là Bồ-tát. Mà giác ngộ cái gì? Giác ngộ cái vô minh. Nếu quý vị biết vô minh từ đâu đến thì có thể phá trừ nó được ngay, đó là "giác" đấy. Nếu không phá được vô minh thì là "bất giác." Phá được vô minh thì Pháp tánh tự hiện bày, ái hà cũng khô cạn; ái hà khô cạn thì trí huệ hiện tiền. Đó là giác ngộ đấy. Bồ-tát là giác ngộ hữu tình, mà cũng là hữu tình giác ngộ. Bồ-tát còn gọi là chúng sanh "đại đạo tâm," vì đạo tâm của các ngài rất lớn; còn gọi là Khai sĩ, vì các ngài có thể khai mở tâm ngu si của chúng sanh để hiển bày Phật tánh sẵn có.

Liên từ chỗ ngồi đứng dậy. Ở trên hội Pháp Hoa, Vô Tận Ý Bồ Tát nghe Phật nói Phẩm Diệu Âm Bồ Tát Bồn Sự đã xong, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi của mình. Tại sao phải đứng dậy? Bất luận ở trong một hội trường lớn nào, khi quý vị muốn nói cần phải đứng dậy trước đã, chớ không thể ngồi tại chỗ rồi đưa tay lên hỏi. Như vậy là quá tùy tiện! Lúc ấy ngài Vô Tận Ý Bồ Tát muốn nói, Ngài chẳng những là đứng dậy mà còn *trịch áo bày vai phải* nữa. Tại sao phải để lộ vai phải? Đó là để biểu lộ sự cung kính.

Chấp tay hướng về Đức Phật. Tiếp theo, ngài Vô Tận Ý chấp hai tay lại mà thưa rằng:

Từ đoạn *Lúc bấy giờ Bồ-tát Vô Tận Ý liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, chấp tay hướng về Phật mà thưa thưa rằng* là do Tôn giả A Nan khi kiết tập kinh điển viết ra. Đoạn này dùng để miêu tả

nhân duyên của pháp hội này. Bắt đầu từ "Thế Tôn" là lời của Bồ Tát Vô Tận Ý nói.

Thế Tôn! Thế Tôn là bậc tôn quý của thế gian và xuất thế gian. Thế gian và xuất thế gian đều tôn kính Ngài.

Bồ Tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm? Bồ Tát Vô Tận Ý sau khi bạch Thế Tôn, rồi nói: "Bồ Tát Quán Thế Âm có sức oai thần to lớn như thế, có nguyện lực từ bi to lớn như thế - Ngài có thể cứu được bảy nạn, giải ba độc, ứng hai thứ cầu, có mười bốn vô úy, mười chín lần thuyết pháp, thị hiện ba mươi hai ứng thân - do nhân duyên gì mà Ngài được gọi là Quán Thế Âm?" Do nhân duyên gì, cũng chính là hỏi rằng Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong quá khứ đã tu pháp môn gì mà tên của Ngài là Quán Thế Âm?

Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý: "Này thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Bồ Tát Quán Thế Âm này nhất tâm xưng danh. Quán Thế Âm tức thời quán xét tiếng tăm kia, đều đặng giải thoát."

Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý: Câu này là Tôn giả A Nan khi kiết tập kinh tạng y chiếu theo văn nghĩa mà viết ra. Thiện nam tử là tiếng Phật Thích-ca xưng gọi Bồ Tát Vô Tận Ý. Phật bảo: "*Này Thiện-nam-tử! Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh.*" "Nếu có," là lời giả thiết, là sẽ có mà chưa có, hiện

nay chưa có, tương lai có thể sẽ có. Tương lai hoặc là có trăm ngàn vạn ức chúng sanh. Những chúng sanh này gồm có mười hai loại chúng sanh: noãn, thai, thấp, hóa, có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng.

Thọ chư khổ não. "Thọ" là gặp phải, thọ chịu. Chữ "chư," nếu hiểu như một trợ động từ, có nghĩa là nhiều và cũng để chỉ các thứ khổ não mà họ phải thọ. Nếu không coi như là một ngữ trợ từ, thì có nghĩa là mỗi một chúng sanh thọ lấy thứ khổ não nào đó.

Những "khổ não" này có nhiều hay ít? Đại khái có bốn loại:

1. *Một người thọ một khổ:* Như là cầm, người ấy có khổ thì chính người ấy biết, cũng không thể nói cho người khác biết; đó gọi là "người cầm nhai hoàng liên" (một loại cây thuốc rất đắng).

2. *Một người thọ nhiều khổ:* Ví như một người đi đến bất cứ chỗ nào cũng đều gặp phải khổ não, nếu chẳng thiên tai thì cũng nhân họa, nếu chẳng bị giặc cướp thì lại bị hỏa tai. Tất cả những khổ não ở thế gian, người ấy đều gặp phải, đó gọi là "một người thọ nhiều khổ."

3. *Nhiều người thọ một khổ:* Giống như Việt Nam bây giờ (1968) hiện đang chiến tranh, khi tác chiến, phi cơ oanh tạc, đạn pháo rầm trời, sanh linh đồ thân, thương vong vô số kể, thật là kinh khủng. Nhiều người trong một quốc gia thọ nhận một thứ khổ, đó gọi là "nhiều người thọ khổ." Lại có một thứ nữa, như bệnh

dịch lan tràn, rất nhiều người bị thứ bệnh truyền nhiễm ấy uy hiếp làm chết đi sống lại. Thứ khổ não ấy dù chưa phải chết, nhưng mắc phải tật bệnh thì đau khổ phi thường. Đó cũng là "nhiều người thọ một khổ."

4. *Nhiều người thọ nhiều khổ*: Ngoài ra lại còn có rất nhiều thứ khổ não khác, nói mãi cũng không hết. Thế giới này là thế giới khổ não, chúng sanh cũng nhiều, khổ não cũng không kém, vậy thì có bao nhiêu thứ khổ não? Thật ra, không thể nào tính đếm được, nói chung là có tám vạn bốn ngàn thứ.

Thế thì khi thọ khổ phải làm sao? Ai cũng có khổ não hết. Đương lúc chúng ta thọ khổ, luôn luôn phải nhớ kỹ, đừng nên quên Bồ Tát Quán Thế Âm. Đương lúc chúng ta thọ khổ, nghe Bồ Tát Quán Thế Âm này thì phải nên nhất tâm xưng danh.

Nghe tức là xưa nay mình vốn không biết. Như tại Mỹ đây, cứ cánh là có bao nhiêu người nghe qua danh hiệu của Đức *Bồ Tát Quán Thế Âm*? Tìm thử xem? Tôi tin rằng toàn cả nước không có đến 1%! Quý vị nghĩ xem, có biết bao nhiêu người không được nghe danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, mà quý vị hiện tại được nghe. "*Nghe*" cũng có nghĩa là mình bạch hay biết được. Như biết được Quán Thế Âm Bồ Tát với Nhĩ căn viên thông, có ba mươi hai Ứng thân... thần lực tự tại như thế.

Nhất tâm xưng danh: Quan trọng là ở chỗ nhất tâm. Quý vị chớ nhị tâm, tam tâm và lại càng không nên tứ tâm. Quý vị càng nhiều tâm, nhưng không giống với làm việc công đức đâu, càng nhiều càng tốt.

Tâm càng nhiều lại càng không tốt. Tại sao? Vì tâm một khi nhiều tức sẽ tán loạn, tán loạn tức là không chuyên nhất, không chuyên nhất thì bất linh, không có công hiệu. Nếu quý vị nhị tâm xung danh thì không linh ứng, mà tam tâm xung niệm lại càng không có tác dụng.

Bồ Tát Quán Thế Âm. "Quán" là quán thấy, "Thế" là thế gian, "Âm" là âm thanh. Đó là vị Bồ-tát quán thấy tất cả âm thanh của thế gian. *Tức thời quán xét tiếng tâm kia.* Tức khắc quán xét âm thanh của chúng sanh ấy. *Đều được giải thoát.* Bao nhiêu khổ não đều được giải thoát. Giải thoát có nghĩa là không còn nữa. Không còn khổ não nữa thì thế nào? Thì được an vui. Sự giải thoát này cũng là đạt đến tự do thực sự, không còn bị bó buộc, vô quái vô ngại.

Nếu có người trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức oai thần của Bồ-tát này đáng như vậy. Nếu có người bị nước xiết cuốn trôi, xưng danh hiệu Bồ-tát này liền gặp chỗ cạn.

Đoạn văn kinh này nói về Bồ Tát Quán Thế Âm cứu độ chúng sanh thoát khỏi nạn lửa và nạn nước, hai nạn đầu trong bảy nạn. *Nếu có người trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm này.* "Nếu có," là bây giờ chưa có, tương lai có thể có. Giả sử có một người ở tình huống ấy mà trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. "Trì" là nắm chắc, nghĩa là không quên, cũng tức là tâm tâm niệm niệm đều chấp trì câu: "Nam mô

Quán Thế Âm Bồ Tát." Thì dầu vào trong đám lửa lớn, lửa chẳng cháyặng. Song, đây ý là nói người ấy bình thường niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, mà không phải là nói đợi đến khi bị vây hãm trong đám lửa lớn mới niệm danh hiệu Ngài, không phải là bảo bây giờ mới đốt hương, bây giờ mới niệm Phật, cũng không phải là nói hôm nay có tai nạn, hôm nay mới niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Có câu là: "Bình thường chẳng đốt hương, gặp việc ôm chân Phật." Lúc rảnh, một cây hương cũng không đốt, gặp việc gấp mới chạy ôm chân Phật cầu xin cứu nạn cho. Lúc ấy dù cho quý vị ôm bấp vế của Phật, nhưng Phật cũng không có để mắt tới đâu. Tại sao thế? Vì lúc bình thường quý vị không chịu tu hành, đến chừng gặp nạn mới cầu cứu với Phật, đó gọi là "bây giờ mới đốt hương, bây giờ mới niệm Phật." Lại còn có một hạng người, lúc bình thường cũng chưa đốt hương chưa niệm Phật, nhưng lúc có nạn gấp, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng cứu giúp họ, khiến họ lìa khổ được vui. Thế nghĩa là sao? Quý vị biết rằng, mỗi người chúng ta đều có nhân trước quả sau. Ở đời trước, có thể người ấy đã từng dũng mãnh tinh tiến tu hành, gắng sức dụng công niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. thậm chí đã từng tạo ra các thứ công đức, đời này dù không có niệm mà nhờ đời trước đã trì niệm, đã từng gieo trồng căn lành, nên ở đời này dù người ấy không niệm mà Quán Thế Âm Bồ Tát vẫn đến cứu giúp cho. Ấy là nhờ có nhân xa mà được. Về nhân, có nhân xa mà cũng có nhân gần. Nhân xa là nhân gieo trồng từ đời trước, nhân gần là nhân gieo trồng ở đời này.

Có người nói: "Đời trước có thể tôi đã gieo nhân rồi, bây giờ không cần phải niệm nữa. Tương lai tôi có mắc nạn, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng sẽ đến cứu tôi." Điều đó không lấy gì chắc lắm. Quý vị yêu cầu tôi bảo đảm, tôi cũng không dám! Nếu như quý vị ngay từ bây giờ bắt đầu thành tâm thành ý niệm đi, thì tôi có thể bảo đảm với quý vị, chắc chắn có thể được cảm ứng, tương lai nếu quý vị có tai nạn chi, Bồ Tát Quán Thế Âm nhất định sẽ đến cứu quý vị. Vì bởi quý vị không phải là "bây giờ đốt hương, bây giờ cảm ứng" thì tuyệt đối sẽ có cảm ứng.

Trước kia có một người nhất tâm mong muốn đi Phở Đà Sơn ở Nam Hải để triều bái Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng mà trong thiên hạ lại có lắm chuyện trở trêu! Ngày ông ta lên thuyền để đi Phở Đà Sơn triều bái Bồ Tát Quán Thế Âm thì nhà kế bên phát hỏa, bốc cháy. Người nhà ông ta chạy đến báo tin: "Không xong rồi! Anh phải về mau! Đừng đi Phở Đà Sơn nữa. Nhà kế bên chúng ta bị cháy rồi, anh phải về lo thu xếp mới được."

Người ấy nói: "Tôi vì muốn triều bái Bồ Tát Quán Thế Âm nên đã trường chay ba năm rồi, bây giờ đã lên thuyền sắp đi. Nhà nếu phải cháy, thì dầu tôi có rời thuyền thì nhà cũng vẫn cháy. Nếu không đáng cháy, nhờ sức bảo hộ của Bồ-tát, dầu tôi không xuống thuyền nhà cũng không cháy được. Với thành tâm này, tôi đâu có thể vì nhà cháy mà không đi lễ Bồ-tát Quán Thế Âm!"

Đối với ông ta lúc đó, việc nhà cháy cũng mặc kệ, chỉ quyết định nhất tâm đi lễ Bồ Tát Quán Thế Âm mà thôi. Sau khi ông ta đi triều bái Bồ Tát Quán Thế Âm ở Phổ Đà Sơn trở về, nhìn thấy làng xóm hai bên đều trống không vì bị lửa ngốn, chỉ còn độc ngôi nhà mình nguyên vẹn. Vì thế có người hỏi: "Tại sao mấy nhà xung quanh bị cháy hết mà nhà anh không bị cháy?" Anh ta đáp: "Nhờ tôi thành tâm đi lễ Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi đi, thứ gì tôi cũng buông xả hết, cái gì cháy cứ cháy, tôi cho cháy tuốt, đều không màng đến. Đó là nhờ Bồ Tát Quán Thế Âm bảo hộ cho đấy! Nhờ oai lực của Ngài cứu giúp nên nhà của tôi mới được nguyên vẹn như thế!"

Đó là bằng chứng: "Giả sử vào trong đám lửa lớn, lửa không thể cháy được."

Do nhờ sức oai thần của Bồ-tát này. Tại sao lửa không thể cháy được? Vì Bồ Tát Quán Thế Âm có oai thần lực lớn nên lửa không thể cháy được.

Nếu bị nước xiết cuốn trôi. Nếu bình thường quý vị niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, hoặc là vô ý - chớ không phải muốn thử nghiệm Bồ Tát Quán Thế Âm mà nhảy xuống biển xem có linh nghiệm chẳng bị chìm hay không? Nếu quý vị có ý muốn thử, không phải thật lòng tin thì tuyệt đối không linh nghiệm đâu. Quý vị nhảy xuống biển chắc chắn sẽ chìm ngay. Tại sao? Tại quý vị có tâm muốn thử Bồ-tát. Bồ Tát Quán Thế Âm đâu phải học trò, quý vị cũng không phải là thầy giáo, tại sao quý vị lại muốn thử nghiệm Bồ Tát Quán Thế Âm? Tại vì quý vị

không tin Bồ Tát Quán Thế Âm có những thần thông như thế nên mới thử nghiệm xem. Sự thử nghiệm đó không sao, nhưng lại là đem sinh mạng của mình làm vật hy sinh đây! Không nên đem sinh mạng làm trò cười, để đánh cuộc như vậy!

Xung danh hiệu Bồ-tát này liền gặp chỗ cạn. Quý vị xưng niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm thì bất ngờ gặp được chỗ cạn. Ở trong biển lớn thì làm sao đến được bờ kia? Đó là nhờ oai lực của Bồ Tát Quán Thế Âm mới có sự cảm ứng như thế. Bất cứ là người nào, nếu muốn giải trừ các khổ não của bảy nạn, thì trước phải thường thường cung kính xưng niệm danh hiệu Ngài.

Nếu có trăm ngàn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, các thứ báu... mà vào biển lớn. Giả sử gió bão thổi lật thuyền bè của họ trôi tấp nơi nước quỷ La-sát. Trong ấy nếu có nhân đến một người xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thời các người đó đều thoát khỏi nạn quỷ La-sát. Do nhân duyên đó mà tên là Quán Thế Âm.

Đoạn văn này là nói về nạn quỷ La-sát, nạn thứ ba trong bảy nạn, cũng có thể gọi là nạn gió bão. *Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, các thứ báu...*

Con người trong thế gian tham muốn những thứ này vì cho đó là quý báu. Kỳ thật nó là vật ở ngoài thân. Quý vị không rõ vật báu của Tự-tánh mình mà lại đi tham đắm của báu bên ngoài để được những thứ không có tác dụng gì cả, không quan hệ gì với Tự-tánh của mình. Nhưng đa số người lại thích tìm vàng. Quốc gia nào cũng đều thích vàng. Vì mọi người đều cho nó là một thứ báu vật hy hữu nên ngày đêm nghĩ cách kiếm tìm, thậm chí các quốc gia giao chiến với nhau cũng là vì thứ vàng này. Tại sao người ta lại quý vàng như thế? Vì nó rất ít, vì ít cho nên trở thành quý. Nếu như vàng nhiều như đất thì người ta cũng không coi nó có giá trị là bao.

Ấy là: "Vật do ít thành ra quý!"

Bởi vì ít cho nên ai cũng thích, thậm chí nằm mơ cũng thấy vàng, có người đến Phi châu để đào vàng, có người đến Mỹ châu để đào vàng. Trước đây nghe nói ở Cự Kim Sơn có rất nhiều vàng, cho nên có nhiều người đổ dồn đến nước Mỹ, nhất là người Trung Hoa đến Mỹ cốt để đào vàng. Đào vàng ở nước Mỹ xong lại chạy đến nước Úc. Nước Mỹ có Cự Kim Sơn, nước Úc có Tân Kim Sơn. Những người chuyên môn đãi vàng, vì muốn đến nước Mỹ để tìm vàng mà bị chôn thân trong biển không ít. Tôi nghĩ rằng số người chết rất nhiều, vì trước đây sự giao thông không tiện lợi như bây giờ, tin tức loan truyền cũng không được thông suốt, cho nên số người chết cũng không biết là bao nhiêu. Những người ấy muốn đi tìm vàng trên đường thì gặp gió bão, đang đi trên

biển lại bị gió bão thổi mạnh, người và thuyền đều chìm cả. Vàng là vật quý báu bậc nhất, bạc được kể bậc nhì.

Ngoài ra còn có lưu ly, mà người Trung Hoa gọi là Thanh sắc bảo, bửu bối màu xanh. Xa cừ là một loại đá quý, ở trên mặt có lộ ra những đường vân giống như vết xe lăn trên bùn, cứ cách một đường trắng lại có một đường sáng ánh giống như một đường rãnh, cho nên gọi là Xa cừ. Tuy nhìn thấy hình như có đường rãnh mà dùng tay sờ lên mặt đá lại bằng phẳng trơn láng, không có dấu vết. Đá này là một trong bảy loại báu vật. Mã não là một thứ ngọc đá. Thứ đá này giống như óc ngựa, trên màu đá sặc trắng lộ ra từng đường từng đường vân li ti màu đỏ giống như gân máu, cho nên gọi là Mã não. San hô là loại cây san hô dưới biển, có cây cao tới một thước, tôi đã thấy có cây cao hơn ba tấc. San hô là một loại hóa thạch, do loài trùng ở dưới nước biến thành thực vật có hình dạng giống như cây. Chất liệu của nó giống như ngọc đá cho nên thật là quý giá.

Ở Trung Quốc có một người nhà giàu tên là Thạch Sùng, ông ta rất thích so sánh sự giàu sang với người khác. Một hôm ông ta đến dự yến tiệc ở nhà một vị Hoàng thân bà con với Vua. Lúc ấy Vua ban cho vị Hoàng thân một cây san hô cao độ hơn sáu tấc. Vì là của Vua ban nên tự nhiên phải là quý trọng đặc biệt. Vị Hoàng thân mời Thạch Sùng đến nhà mình, sau bữa cơm, mới đưa cây san hô ra khoe. Nào ngờ Thạch Sùng lấy tay bẻ vụn cây ấy, khiến cho vị

Hoàng thân lo sợ quá, mới nói: "Cây này là của Hoàng thượng ban cho, sao ông lại bẻ gãy đến nỗi không còn giá trị gì nữa thế!"

Thạch Sùng nói: "Ngài đừng lo! Tôi sẽ đổi cho ngài một cây san hô khác, ngày mai ngài đến nhà tôi tùy ý lựa chọn, thích cây nào tôi sẽ biếu ngài cây đó."

Hôm sau vị Hoàng thân đến nhà Thạch Sùng để xem thử, thì thấy lộ lộ ở phòng khách một dãy san hô cao một thước! Hoàng thân nhìn thấy nghĩ bụng: "A! Mình dù là Hoàng thân, nhưng giàu chưa bằng một góc anh Thạch Sùng này!" Nghĩ rồi bèn lựa một cây san hô vừa ý đem về. Về sau, Thạch Sùng rút cuộc nhân vì quá giàu mà phải chết. Ấy gọi là "chết vì của." Người ta tại sao mà chết? Chính là vì chữ tài ấy! "Chim chết vì ăn, người chết vì của." Chim tại sao mà chết? Chính vì chữ thực mà ra. Chúng sanh điên đảo như vậy đây!

Hồ phách là một loại khoáng chất màu vàng thẫm, trong suốt, do nhựa cây tùng biến thành. Trân châu (ngọc trai) là vật thể hình tròn sản xuất từ con trai, lung linh trong suốt, sáng lấp lánh thật đáng yêu.

Mà vào biển lớn. Người ta vì muốn tìm của báu mà vào biển cả để kiếm tìm, vì ở đó có rất nhiều của báu. Giả sử gió bão, gió bão là hắc phong, vì gió màu đen. Thứ gió màu đen này ai cũng có. Tại sao gọi là gió màu đen? Vì khi nổi nó lên gương mặt biển thành xạm đen. Người ta vì tức giận nên mới có gió đen, nếu không tức giận thì gió đen không nổi lên.

Biển cả này là gì? Là tánh hải - biển Tự tánh của chúng ta! Gió đen ví như vô minh của chúng sanh. Thứ vô minh này còn gọi là phiền não. Nếu quý vị sanh phiền não, là có gió đen đây; nếu không còn phiền não thì biển cả tự tánh của quý vị sẽ gió lặng sóng êm. Thế nào mới có thể tìm được của báu? Phải vào ngay trong tự tánh của quý vị đào bới của báu của chính mình. Đương khi quý vị đào bới của báu của chính mình ấy thì có thể gặp phải ma chướng. Tại sao có ma chướng? Do vì đức hạnh của mình không đủ, đức tánh không đủ, đạo đức không đủ. Vì không có gây tạo công đức nên đức hạnh chưa tròn, vì đức hạnh không tròn đủ nên mới có gió đen, mới bị ma chướng. Nếu đức quý vị lớn thì gió đen sẽ hóa ngay. Hóa thành cái gì? Hóa thành mây lành, điềm lành. Ngạn ngữ có câu: Đạo cao rộng cạp nê, đức trọng quỳ thần theo là gì? - Đạo cao thần cạp nê nghĩa là người có đạo hạnh cao thì rồng gặp cũng phải khoanh mình lại không nhúc nhích. Rồng xưa nay là một loại rất lợi hại, có thể làm kinh thiên động địa, dời non lấp biển như không, thế lực rất là to lớn. Nhưng nếu quý vị có đạo lực thì tuy rồng có thần thông to lớn cũng không dám thị uy trước mặt quý vị, mà ngoan ngoãn khoanh tròn lại. Còn loài cạp dù hung hãn cách mấy, nếu quý vị không có tâm sân hận thì nó lại biến thành một loại chó mèo thuần dưỡng, khi gặp quý vị sẽ lắc đầu vẫy đuôi mừng rỡ mà không dám ăn thịt. Nhưng quý vị phải có đạo hạnh mới được cảnh giới như vậy, nếu không thì rồng không khoanh, cạp không quỳ đâu!

Đức trọng quý thân theo: Một khi đức hạnh quý vị đã đủ, đã tròn đầy, thì quý thân gặp quý vị sẽ cung kính tôn trọng, cúi đầu đánh lễ. Cho nên điều quan trọng nhất là đôn phẩm lập đức.

Thôi giạt thuyền bè của họ trôi tấp nơi nước quý La-sát. Quý La-sát là loài quý ăn tinh khí của người, và đều là phái nữ, chuyên môn ăn tinh khí người ta. Nếu thuyền bị gió bão trôi giạt vào nước quý La-sát, chỉ cần trên thuyền có một người phát tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì tất cả người trên thuyền, cho đến trăm ngàn vạn ức chúng sanh, đều được thoát nạn La-sát. Do nhân duyên đó mà tên vị Bồ-tát này là Quán Thế Âm.

Đạo đức là điều mọi người đều nên phải chú trọng. Con người sở dĩ khác với cầm thú là do có đạo đức. Nếu không trọng đạo đức, không biết đạo đức, thì có khác chi cầm thú? Hơn nữa, đạo đức cần phải hành, phải có biểu hiện thực tiễn; nếu không thì căn bản còn gì để nói.

Tôi có một người bạn rất thân ở Đông Bắc (Mãn Châu). Tại sao anh ấy lại trở thành bạn thân? Vì anh cùng tôi là bạn đồng tu, đồng hạnh. Lúc tôi còn tại gia từng để tang thủ hiếu bên cạnh mộ mẹ, anh ta cũng có thủ hiếu bên mộ phần cha mẹ anh. Điểm khác biệt là lúc còn tại gia anh ta là thổ phỉ. Trước khi thủ hiếu để tang mẹ anh từng là đạo tặc, đánh cướp khắp nơi, tổng tiền người khác. Trong một chuyến "ăn hàng" thất bại, anh bị người đánh trọng thương. Sau đó, về

dương thương hơn nửa năm trời mà vẫn chưa lành, lúc đó anh mới tỉnh ngộ, nghĩ rằng:

- "Lâu nay làm nhiều việc sai quấy nên vết thương mới lâu lành như thế này."

Anh bèn hạ quyết tâm phát nguyện: "Nếu vết thương tôi được lành thì từ nay về sau tôi không làm thỗ phi nữa."

Anh lại còn nguyện đích thân đến ở bên phần mộ cha mẹ để thủ hiếu. Sau khi phát nguyện, quả nhiên không đầy mấy ngày vết thương tự nhiên kéo da non. Dĩ nhiên anh vẫn tiếp tục thủ hiếu bên mộ phần. Trong thời gian anh để tang có rất nhiều hiện tượng kỳ diệu phát sanh. Đơn cử một việc "Cắt thịt tế trời cầu trời tạnh" cho mọi người.

Trong thời gian anh thủ hiếu, liên tục mấy tháng trời mưa tầm tã, không ngày nào tạnh. Anh ngẫm nghĩ: "Trời mưa như thế này thì ngũ cốc của mọi người sẽ ngập và chết hết!"

Nghĩ thế, anh quyết tâm cầu tạnh mưa giúp cho mọi người, mới ngửa mặt lên trời phát thệ: "Nếu nội trong ba ngày trời tạnh thì tôi sẽ cắt thịt trên người để cúng Phật, cúng trời."

Anh vừa phát nguyện xong thì, kỳ lạ thay, không đầy ba ngày trời tạnh mưa hẳn. Anh giữ lời nguyện bằng cách đứng ở trước bàn Phật, cầm dao cắt một miếng thịt độ hai lượng trên cánh tay mình. Sau khi cắt thịt xong, vì đau nhức quá anh ngất đi. Khi

vừa tỉnh lại, chợt có quan huyện đi tới, nhìn thấy máu rơi đầy đất, tự nghĩ:

- "Người này cắt thịt mình để làm gì kia? Chắc đang nổi cơn điên." Ông ta bước tới hỏi mới biết anh ta cắt thịt để cúng Phật cúng trời vì cầu tạnh mưa cho mọi người.

Quan huyện nghe xong hết lời khen ngợi: "Anh thật là người quá tốt!" Và đối với anh ta có một ấn tượng thật tốt. Về sau không biết từ đâu bay đến một con chim có tiếng kêu rất đặc biệt.

Nó kêu: "Làm nhiều phước, làm nhiều phước, tốt lắm." Suốt ngày nó chỉ kêu như thế, ý bảo hãy làm nhiều việc lành đi. Làm việc thiện càng nhiều càng tốt.

Cho nên làm việc gì tôi cũng không sợ khổ, cả ngày làm việc không rảnh để xem kinh mà tôi lại còn giảng kinh cho quý vị nghe nữa sao? Đó là vì muốn bố thí thêm một ít, đem pháp ra bố thí. Tại Mỹ, có thể nói là "pháp" quá ít! Nhân đó tôi phát nguyện bố thí Phật-pháp cho quý vị, dù cực khổ thân tôi cũng không dừng nghỉ hay bỏ cuộc.

Nếu lại có người sắp sửa bị hại, xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì dao gậy của người cầm liền gãy từng đoạn mà đừng thoát khỏi.

Đoạn văn kinh này là nói về nạn dao gậy. Nếu có người sắp sửa bị hại, mà có thể xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm thì dao gậy của người cầm, người cầm là nói về người muốn giết hại, cầm dao

bén và gãy gộc trong tay, sắp sửa muốn ra tay. *Liên giây từng đoạn*. Đúng lúc quý vị niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, tự nhiên cổ của quý vị cứng hơn dao thép của người kia. Xưa nay dao bao giờ cũng cứng hơn cổ, nhưng bây giờ lúc dao chém đến cổ, tự nhiên bị gãy vụn. Nếu không tin, quý vị cứ thử xem cổ mình có cứng bằng dao không? Con dao có bị gãy từng khúc không? Đó là nhờ sức đại oai thần của Bồ Tát Quán Thế Âm nên mới khiến cho cổ cứng như đá tảng đến nỗi dao của người ấy tự nhiên bị gãy vụn. *Mà đừng thoát khỏi*. Nhờ đó mà được giải thoát nạn dao gãy. Vì lẽ gì được thoát khỏi? Do vì người ấy phát tâm niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Có người hoài nghi: "Niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm mà được linh cảm như thế sao?" Chẳng những được như thế mà còn linh cảm hơn thế nữa! Chỉ cần quý vị thành tâm tin tưởng, thành tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì sẽ được sự cảm ứng theo ý mong cầu.

Nếu quý Dạ-xoa cùng La-sát đầy trong cõi tam thiên đại thiên muốn đến hại người, nghe người xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thời những ác quỷ ấy còn không dám lấy mắt dữ mà nhìn người huống lại làm hại đặng. Giả sử lại có người, hoặc có tội hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thầy đều đứt rã, liền được giải thoát.

Đoạn kinh này nói về việc giải trừ nạn quý Dạ-xoa, La-sát và nạn gông cùm xiềng xích. *Nếu quý Dạ-xoa cùng La-sát đầy trong cõi tam thiên đại thiên.* Sao gọi là cõi nước tam thiên đại thiên? Nhân vì ba ngàn (thiên) nên gọi là cõi nước tam thiên đại thiên. Thế giới chúng ta ở đây gồm có một mặt trời, một mặt trăng, một núi Tu Di, một tứ thiên hạ. Một tứ thiên hạ gồm bốn châu lớn: Nam Thiệm Bộ châu, Bắc Câu Lô châu, Tây Ngưu Hóa châu và Đông Thắng Thần châu. Bốn bộ châu lớn này thành một tứ thiên hạ. "Một" đây là chỉ một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng và bốn châu. Một ngàn núi Tu Di, một ngàn mặt trời mặt trăng, một ngàn tứ thiên hạ, gọi là một tiểu thiên thế giới; một ngàn tiểu thiên thế giới thành một trung thiên thế giới; một ngàn trung thiên thế giới mới tính là một đại thiên thế giới. Vì có ba chữ ngàn nên gọi là Tam thiên (ba ngàn) đại thiên thế giới.

Nếu trong Tam thiên đại thiên thế giới đầy đầy cả quý Dạ-xoa cùng La-sát. Quý Dạ-xoa bao gồm: Phi hành dạ-xoa, Địa hành dạ-xoa và Không hành dạ-xoa. Quý Dạ-xoa chạy rất nhanh, hỏa tiễn bây giờ cũng chạy không kịp tốc độ của nó, vì thế nó còn có tên là Tốc tạt quý hay Tiệp tạt quý. La-sát là quý ăn tinh khí, nó chuyên môn ăn tinh khí của người. *Muốn đến hại người.* Loại quý Dạ-xoa, La-sát này chuyên môn hại người, đến đâu cũng tìm cách quấy rầy người. Như quý vị muốn phát tâm Bồ-đề, chúng nhất định không bao giờ thích, cố ý gây rắc rối cho quý vị, nghĩ ra mọi cách ngăn cản khiến quý vị không thể tu hành

được rồi thôi thất đạo tâm. Từ trước quý vị đã phát tâm Bồ-đề một cách mạnh mẽ, nhưng nó lại lén vào thân tâm quý vị làm cho quý vị tự nhiên khởi lên vọng tưởng: "Tu hành làm chi! Học Phật-pháp để làm gì! Thôi đừng nên học Phật-pháp nữa! Đi chỗ khác chơi, mọi việc đều tự do theo ý mình, thích nhảy đầm thì nhảy, thích nghe âm nhạc thì nghe. Còn học Phật ư! Cái này không được làm, cái kia không được làm, có biết bao cái không được làm! Lại không được xem hát, không được uống rượu, không được hút thuốc nữa, cả khối việc phải kiêng cử! Phật-pháp quả là càng học càng rắc rối!" Ai có ý nghĩ đó tức là bị quý Dạ-xoa, La-sát đến xúi bẩy đó. Có người muốn xuất gia. Nó xúi vị ấy nghĩ: "A, xuất gia cực lắm! Cả ngày làm việc quần quật, lại ăn không ngon, mặc không đẹp, cực khổ quá mức! Đi tu để làm gì?" Nghĩ thế rồi thôi tâm đi. Lại có vị muốn làm Tỳ-kheo-ni, quý Dạ-xoa, La-sát sẽ đến giục vị ấy nghĩ: "Ồi chào! Nên đi lấy chồng đi! Lấy chồng mỗi ngày có chồng bầu bạn, vừa lòng thích ý hơn." Làm cho quý vị đừng phát tâm Bồ-đề nữa, chính là công việc của quý Dạ-xoa La-sát đây. Chúng chuyên môn làm tổn hại đạo tâm Bồ-đề, phá hoại việc tu hành của người. Vì thế nói: "Muốn đến hại người."

Nghe người xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm. Cho dù có rất nhiều quý Dạ-xoa, La-sát muốn đến làm hại, gây phiền phức cho người. Nhưng một khi chúng nghe quý vị niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" thì *những ác quỷ ấy còn không dám lấy*

mắt dử để nhìn. Một khi quý vị niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, tự nhiên hào quang tỏa sáng, bọn quỷ ấy muốn nhìn quý vị cũng không nhìn thấy được. Vì chúng thấy quý vị có ánh sáng chói lòa như đèn điện, mở mắt không ra. Cho nên nói là: Còn không thể lấy mắt dử tợn để nhìn. *Hướng lại làm hại đặng.* Cả đến mắt cũng không thể mở thì làm sao gia hại được? Tự nhiên nó phải chạy xa thôi. Vì thế quý vị phải luôn luôn niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì sẽ được Ngài bảo hộ cho.

Giả sử lại có người, là giả sử còn có một người. *Hoặc có tội hoặc không tội.* Không luận là có tội hay không. *Bị gông cùm xiềng xích trói buộc thân mình.* Người có tội tất nhiên bị chính phủ bắt giữ, bị còng tay, chân mang gông. Người "có tội" là chỉ người phạm tội; còn người "không tội" là chỉ người bị oan uổng, bị vu cáo, bản thân không phạm phải tội lỗi mà bị chính phủ bắt giữ cầm tù trong ngục, tay mang còng, chân mang gông. Gông cùm xiềng xích là những hình cụ xử phạt mà tội nhân phải mang, nó dùng để trói buộc người. *Nếu xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.* Nếu ngay lúc đó người ấy có thể xưng niệm "Nam-mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát." *Thì thấy đều đứt lìa.* Những thứ hình cụ gông cùm xiềng xích này bèn tự nhiên bị gãy đứt. *Liền được giải thoát.* Tức thời được giải thoát ngay vì còng tự động đứt, gông tự nhiên mở.

Nói tóm lại, bất cứ hình cụ nào đang ở trên thân đều tự nhiên rơi xuống. Việc này tôi đã chứng kiến rất

hiều. Có lần đó, tôi ở chùa Nam Hoa, vào thời kỳ Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, tôi gặp một vị Sư bị quân Nhật bắt giam vào ngục, tay chân đều bị xiềng xích cả. Vị Sư ấy ở trong ngục suốt ngày đều niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm miên mật không dứt. Vào một buổi chiều, bỗng nhiên những gông cùm trên thân Sư đều bị gãy đứt, cửa ngục cũng tự động mở ra nên trốn thoát được.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi nước tam thiên đại thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo hàng quý báu đi qua nơi đường hiểm trở. Trong đó có một người xưng rằng: "Các thiện nam tử! Chớ nên sợ hãi, các ông nên nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, vị Bồ-tát đó hay ban cho chúng sanh niềm không lo sợ. Các ông nếu xưng danh hiệu Ngài thì sẽ được thoát khỏi oán tặc này."

Các người buôn nghe rồi, đều cất tiếng niệm: "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát," vì xưng niệm danh hiệu Bồ-tát mà được giải thoát.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi nước tam thiên đại thiên. Giả sử bất cứ chỗ nào trong cõi nước tam thiên đại thiên này đều có oán tặc. "Oán tặc" là ngày xưa họ có oan trái với quý vị nên đời này làm giặc để cướp của cải của quý vị. Có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo hàng hóa đi qua nơi hiểm trở.

Có một người thương chủ dẫn theo rất nhiều người lái buôn, lại có mang theo rất nhiều vật quý giá trị phi thường, đi qua một nơi có nhiều giặc cướp thổ phỉ. Trong đó có một người xưng rằng: "Các thiện nam tử! Chớ nên sợ hãi, các ông nên nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, vì Bồ-tát đó hay ban cho chúng sanh niềm không lo sợ. Các ông nếu xưng danh hiệu Ngài thì sẽặng thoát khỏi oán tặc này." Nhưng trong số những người lái buôn đó có một người đề nghị với mọi người như thế này: "Thưa quý ông, quý anh em, quý bạn! Các vị đừng nên sợ hãi. Mọi người chúng ta nên nhất tâm chuyên niệm 'Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát' đi, vì vị Bồ-tát này hay dùng tinh thần vô úy bảo hộ cho tất cả chúng sanh. Chúng ta nếu nhất tâm niệm danh hiệu Ngài thì tuy hiện tại chúng ta gặp bọn oán tặc, chúng ta tự nhiên sẽ được thoát nạn, sẽ không phải bị chúng cướp giựt hay giết hại." Các người buôn nghe rồi, đều cất tiếng niệm: "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát." Vì xưng niệm danh hiệu Bồ-tát mà được giải thoát. Những người lái buôn kia nghe nói rồi đều đồng loạt cất tiếng niệm: "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát." Nhờ niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm nên được thoát khỏi nạn oán tặc, không bị thổ phỉ cướp giựt. Nhon vì có sự linh cảm không thể nghĩ bàn ấy nên mỗi người đều phải thành tâm thật ý xưng niệm danh hiệu Ngài, chớ có hoài nghi.

Này Vô Tận Ý! Đại Bồ Tát Quán Thế Âm có sức oai thần cao lớn như thế.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sau khi giảng giải lý lẽ như trên xong, lại gọi tiếp: "Này Vô Tận Ý! Sức oai thần của Bồ Tát Quán Thế Âm thật là rộng lớn cao tột!" Nói mãi không rồi, giảng hoài không hết.

**Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm
dục thường cung kính niệm Quán Thế
Âm Bồ Tát, liền diệt ly dục.**

Giả như có những chúng sanh nào, lòng đặc biệt dâm dục quá nhiều. Có người vừa học Phật vừa sanh tâm dâm dục, học Phật-pháp càng nhiều, tâm dâm dục càng phát triển mạnh. Cả ngày từ sáng đến tối khởi lên vọng tưởng dâm dục cuộn cuộn như giòng nước chảy tràn. Đó là một thứ tư tưởng, hành vi cùng biểu hiện rất xấu xa! Vậy thì phải làm sao? Quý vị đừng buồn, cũng đừng lo! Chỉ cần *thường cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm là được*. Nhưng chỉ đơn thuần tụng niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm vẫn chưa đủ, mà phải đem lòng cung kính chân thành đánh lễ Bồ Tát Quán Thế Âm thật nhiều nữa.

Đánh lễ Phật và Bồ-tát là một biểu hiện rất cung kính. Nhưng có một số người không biết lý lẽ này, nhất là những người ngoại đạo, nhìn thấy người ta lạy Phật rồi phê bình một cách mù quáng rằng: "Đó đều là ngẫu tượng, là thứ gỗ khắc hay tô đắp mà thành, lạy làm chi?" Tại vì chính mình không có huệ nhãn, không thấy được cảnh giới Phật quang chiếu khắp mới sanh ra đại ngã mạn như thế, thậm chí coi mình còn hơn Phật cho nên mới nói cần gì phải lạy Phật! Đó chính là kẻ ngu si mắc phải sai lầm quá lớn! Nếu

thường cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì tâm dâm dục của quý vị tự nhiên lìa khỏi. Có người nói: "Thật là bậy quá! Tôi thích dâm dục mà bây giờ không có nữa, phải làm sao đây?" Nếu quý vị thích có, cũng không cần phải lo, rồi sẽ có. Nếu quý vị không thích có rồi sẽ được không có.

**Hoặc người nhiều giận hờn, thường
cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm,
liền dặt lìa lòng giận.**

Giận hờn là gì? Chính là nổi nóng, chính là phiền não, cũng là vô minh. Giận hờn lợi hại giống như lửa vậy.

Áy là: "Một đóm lửa giận, có thể đốt tiêu cả rừng công đức."

Người xưa cũng nói: "Ngàn ngày gánh củi một mồi lửa."

Ý nói quý vị đốn củi một ngàn ngày chỉ cần một đóm lửa châm vào có thể đốt cháy sạch. Đó là hình dung bình thường chúng ta tích tạo bao công đức thiện nghiệp, dù tu hành bao lâu mà một khi quý vị nổi cáu lên, phùng lửa vô minh, thì bao nhiêu công đức tích tụ được đều đốt sạch cả. Hạng người nào thích nổi lửa vô minh thế? Chính là A-tu-la đấy. Mỗi cá nhân đều có một xu hướng riêng. Người thuộc Phật đạo, tính cách đa số là từ bi; người thuộc Tiên đạo thì ưa thích thanh nhàn, thuộc Nhân đạo thì đều có nhân duyên với mọi người; thuộc Quỷ đạo thì tánh hay giảo hoạt, không muốn thua thiệt, là người không thành

thật, lén lén lút lút, và cũng giống như quý La-sát đã nói ở trước, đều có ý "muốn đến hại người." Người thuộc Súc sanh đạo thì nặng về tham dục, bất luận thứ gì họ đều không sợ nhiều, càng nhiều càng tốt, tham mãi không chán. Người thuộc Tu-la đạo thì hay phát cáu, những người này hễ động đến thì nổi giận ngay, cáu gắt om sòm. Những người như thế thì phải làm sao? Có cách gì có thể sửa đổi được? Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã đem pháp môn này dạy bảo cho quý vị kỹ càng, đó là phải thường niệm: "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát." Hơn nữa, phải tiếp tục luôn luôn không gián đoạn.

"Thường" nghĩa là không dứt. Mỗi khi lên chùa, gặp chỗ nào có thờ Phật, hoặc thờ Bồ Tát Quán Thế Âm thì phải cung kính cúi đầu đánh lễ. Cũng không nên hôm nay lạy, rồi ngày mai không lạy; sáng nay đánh lễ, chiều tối lại không đánh lễ. Nếu chịu kiên thành hằng thường kính lễ chư Phật Bồ-tát, lâu dần rồi bệnh nổi cáu ấy sẽ không còn nữa, mà chính mình cũng không biết vì sao? Nếu quý vị không tin, tôi sẽ đem kinh nghiệm của chính mình nói cho quý vị nghe. Tôi trước kia là người rất dễ nổi giận, hễ nói đánh là đánh, nói mắng là mắng ngay. Năm tôi 12, 13 tuổi rất thích đánh nhau. Bất luận là người lớn bao nhiêu, đến với tôi thì phải nghe tôi chỉ huy, nếu không nghe tôi chỉ huy thì tôi đánh! Dù chết cũng phải đánh, đánh đến chừng nào chịu hàng phục mới thôi. Thế gọi là gì? Đó chính là một thứ hành động của A-tu-la. Về sau tôi học Phật, mới biết thói giận bướng như thế là

không tốt, phải cải hóa tự tâm mới được, nên thường cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Cho nên bây giờ làm sư phụ, tôi phải tu hạnh nhẫn nhục. Có lúc đồ đệ đến hiếp đáp, trước hết tôi nổi cáu, nhưng rồi nhờ ôn hòa, nhẫn nhục cho đến khi người ấy từ từ hiểu ra, tự nhận biết lỗi mình. Vì trước đây tôi chọc người khác giận nên bây giờ tôi bị đồ đệ từ đến hiếp đáp. Có thể nói đây là một thứ quả báo! Có người hỏi: "Đồ đệ nào dám hiếp đáp thầy vậy?" Người nào hiếp đáp tôi thì người đó tự biết.

Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, liền đặng lìa ngu si.

Trước đã nói về tham và sân, bây giờ nói về si. Tham sân si được gọi là ba độc. Ba độc này làm hại Phật tánh của chúng ta hôn mê như say ngủ. Tại sao chúng ta chưa giác ngộ? Cả đời sống say chết mộng? Đó là bởi ba độc này. Tham là tham dục. Xưa nay tham dục này tác hại rất lớn đối với tự tánh, nhưng có một số người lại cho nó là một thứ hưởng thụ tối cao, cho nên đã gây ra biết bao hành vi điên đảo, đem tự tánh của mình vùi chôn dưới lớp trần cấu. Thứ trần cấu này càng ngày càng nhiều, vì thế mà ánh sáng Phật tánh của quý vị không hiển lộ được. Đó là sự tệ hại của tham độc. Tác hại của sân độc cũng rất lớn không kém gì tham độc.

Còn thế nào là si độc? Si là ngu si. Ngu si mà chẳng biết mình ngu si, đó là ngu si đây. Có kẻ cho mình là người rất thông minh, có trí huệ; nhưng trên

thực tế, nếu quý vị hỏi anh ta: "Anh từ đâu đến đây? Tương lai anh sẽ về đâu?" thì anh ta không biết. Đến không biết mình từ đâu đến, đi không biết mình đi về đâu, quý vị thử nghĩ xem người như thế có phải là thông minh không? Nhưng chính anh ta lại không thừa nhận mình là người ngu si. Ấy là:

*Việc nhỏ lợi danh người người thích,
Việc lớn sanh tử chẳng ai lo.*

Trên thế gian này, việc tìm cầu danh lợi tuy là nhỏ, nhưng người ta suốt ngày quần quật bôn ba, thậm chí hại bạn, giết người, phóng hỏa đều là vì lợi cả. Nếu không vì "lợi" cũng vì "danh"! Trên thế gian này, số quốc gia cùng con người không đếm kể hết, song tựu trung lại có hai hạng người: Một là cầu danh, hai là cầu lợi. Danh lợi nó chi phối, làm điên điên đảo đảo biết bao nhiêu người vẫn chưa giác ngộ được. Từ khi sanh ra đến lúc chết, đều ở trong tình trạng bon chen, giành giật, có người ham làm quan, có người ham phát tài, có người ham được con cái, cho đến những ham muốn nghiêng về khoái lạc. Khát vọng một đời, chờ đợi mọi thứ khoái lạc, nhưng mà chưa hưởng thụ được bao nhiêu rồi phải chết. Chết rồi đi về đâu cũng không biết! Lúc sống đều tự cho mình là phi thường, cảm thấy chính mình thật là không ai bằng.

- "Ta là người có trí huệ thông minh nhất. Lúc còn đi học, ta mỗi năm đều được hạng nhất, bất cứ làm việc gì ta cũng đều dẫn đầu, trên người một bực."

Tự cho mình là thông minh khác thường, mà kỳ thật cả bản lai diện mục của mình cũng không nhận biết! Sự thông minh như thế đều là giả cả, đó là thứ "thông minh giả." Người thật sự có thông minh thì không cảm thấy chính mình có trí huệ. Vậy thì thấy mình là ngu si sao? Cũng không tự thấy mình là ngu si, lại càng không tự thấy mình có trí huệ. Tuy rằng, ngoài mặt xem ra cũng cùng một thân thể hình trạng như mọi người, nhưng mà những tư tưởng quan niệm của họ thật thấu suốt rõ ràng. Rõ ràng là thế nào? Thấu suốt rõ ràng rằng tất cả đều như huyền như hóa. Biết rằng tất cả mọi thứ đều là giả, họ không tham đắm vinh hoa phú quý trong mộng, ham giành sắc đẹp, tranh nhân ngã, tranh thị phi, tranh đứng đầu, tranh danh đoạt lợi, mà hiểu rõ tất cả đều là vô thường. Vì thế Kinh Kim Cang nói:

*"Tất cả pháp hữu vi
Như chiêm bao, bóng nước,
Như điện chớp, mù sương,
Hãy quán cho thật tường."*

Tất cả pháp hữu vi như chiêm bao, bóng nước. Pháp hữu vi là gì? Tất cả những gì có hình tướng, có thể nhìn thấy, đều là pháp hữu vi. Nó giống như chiêm bao, bọt nước. Bọt nước trong biển cả, quý vị cho là thật hay giả? Nói là thật, thì sao nó lại hóa ra không có? Nói là giả, thì sao lại có cái bọt nước? Tuy có bọt nước, nhưng không phải thật tại, không có thể tánh chơn thật. Bóng, cũng là hư ảo. Lại giống như mù sương; sáng sớm có mù sương, nhưng khi mặt trời

mọc lên nó lại tan biến hết. Điện, cũng là có; nhưng lửa điện, lửa đá chớp mắt tan đi, cũng không phải là chơn thật. Nếu có thể quán tưởng tất cả sự vật như thế thì còn có gì phải chấp trước? Không có chấp trước mới là thật hiểu rõ. Bây giờ, quý vị sẽ không tưởng Đông tướng Tây, càng không tưởng Nam tướng Bắc, tất cả vọng tưởng trần lao đều bị vắt bỏ. Bỏ hết những vọng tưởng trần lao rồi, lúc ấy quý vị không muốn thành Phật cũng không được, muốn không có trí huệ cũng không được, sẽ tự nhiên có thôi.

Cho nên đương lúc tự mình không có trí huệ, không nên cho là mình có trí huệ. Trí huệ không phải tìm cầu ở bên ngoài mà có. Không nên sanh tâm kiêu ngạo, cho là:

- "Giữa mọi người, ta là kẻ thông minh nhất, đẹp đẽ nhất, kiệt xuất đối với mọi người, siêu quần bạt tụy, trên tất cả."

Nếu quý vị có tư tưởng này là quý vị còn chấp tướng. "Tướng" vốn là cái dẫy da hôi, nó như là chiêm bao, bóng nước. Quý vị suốt ngày cho nó ăn ngon mặc đẹp, hết lòng cho nó hưởng thụ. Nhưng đến lúc nó bỏ đi, nó cũng không thèm để ý tới quý vị. Có người lại chăm chút cho dẫy da hôi này, vừa hút thuốc, vừa uống rượu, vừa ăn thịt, suốt ngày lo lấp cái hố sâu không đáy này, lấp rồi lại chảy, chảy rồi lại lấp, lấp mãi vẫn không đầy. Nhưng người ta cứ bỏ củ thay mới, mới củ thay nhau, vì bản thân mà bận rộn, vất vả.

Tại sao mỗi ngày ăn một bữa cơm? Tại vì sợ phiền phức cho nên ăn ít một chút để bớt đi phiền rộn. Có một số người cho rằng ăn ngon là cách hưởng thụ tốt nhất, tôi lại cho rằng đó là việc phiền rộn nhất. Giải thích như thế nào đây? Nếu ăn nhiều vào thì bụng sẽ khó chịu. Ăn ít vào, lại sanh ra tâm tham:

- "Đồ ăn ngon như thế này, nên ăn nhiều một ít!"

Nếu đồ ăn không ngon thì không thể sanh tâm tham. Bao tử cũng không bị khổ sở. Cho nên đó đều là những việc phiền phức. Tại sao người ta lại có những phiền phức này? Tại vì mình quá ngu si mới tham hưởng thụ, cầu giàu sang, cầu danh lợi, cầu vui sướng, các thứ ấy thấy đều là điên đảo cả. Quý vị tham cái này cái nọ, thì kết quả sẽ ra sao? Kết cuộc rồi cũng phải chết thôi. Đến lúc chết, không đem theo được tí gì. Đó không phải là ngu si sao? Ngu si như thế thì phải làm sao? Theo phương pháp của Kinh Pháp Hoa dạy: "Thường cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm." Sự ngu si của quý vị sẽ mất đi và trí huệ sẽ hiện lên. Ai có thể biết mình ngu si? Đó mới là nhận thức đúng đắn về mình. Đã có trí huệ, mới biết mình là ngu si. Nếu quý vị tự mình không có trí huệ thì rốt cuộc không thể biết tự mình là ngu si đâu, càng nghĩ càng xa thôi. Chính mình vốn là ngu si, mà tự cho là rất thông minh thì há không phải là trên ngu si lại thêm ngu si hay sao? Trước là một kẻ ngu si còn chưa đủ, lại muốn biến thành kẻ ngu si gấp đôi. Hiện tại chúng ta nếu muốn mình không ngu si thì phải thường cung kính niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Đó là một

phương pháp hay nhất, linh diệu nhất. Tuyệt đối bảo đảm mẫu nhiệm không thể nói được.

Nói về ngu si và trí huệ, thì thế nào là ngu si? Thế nào là trí huệ? Tôi sẽ nói một đạo lý mà quý vị sẽ không tin đâu, đó là :

- "Ngu si chính là trí huệ, trí huệ chính là ngu si."

Tại sao nói thế? Ở Tâm Kinh có câu: "Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc." Cảnh giới này nói lên chơn sắc từ chơn không mà sanh, chơn không từ chơn sắc mà có, cho nên hai mà không hai. Ngu si và trí huệ cũng cùng một đạo lý ấy. Khi quý vị biết dùng thì đó là trí huệ, nếu không biết dùng thì đó là ngu si. Ngu si và trí huệ không phải là hai mà phải xem quý vị có biết dùng hay không! Nếu quý vị biết dùng thì ngu si cũng biến thành trí huệ; nếu không biết dùng thì trí huệ biến thành ngu si. Nếu thấu triệt được đạo lý này thì quý vị sẽ không còn điên đảo nữa.

Này Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm có sức oai thần lớn như thế, làm lợi ích rất nhiều. Cho nên chúng sanh thường phải tâm niệm Ngài.

Nếu có người nữ nào, hoặc cầu con trai, lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, bèn sanh được bé trai phước đức trí huệ; hoặc cầu con gái, bèn sanh bé gái có tướng đẹp đẽ, do gieo trồng gốc phước đời trước, được mọi người kính mến.

Đức Phật sau khi nói những việc trên xong, lại bảo Bồ Tát Vô Tận Ý: "Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng những có sức oai thần cứu được bảy nạn, giải được ba độc như vừa nói, mà lại còn có rất nhiều thần thông diệu dụng làm lợi ích cho chúng sanh, vì thế chúng sanh phải nên thường thường tâm niệm Bồ-tát này." Điều này mọi người phải đặc biệt chú ý! *Thường phải tâm niệm*, là không phải chỉ niệm ở đầu môi mà tâm không niệm. Tóm lại, phải niệm niệm nhớ tưởng, luôn luôn ghi nhớ danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

Nếu có người nữ nào hoặc cầu con trai. Giả như có một người nữ muốn cầu có một đứa con trai. Cầu như thế nào mới được như nguyện? Phải theo đúng như Phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa đã dạy, tức là phải lễ bái, đồng thời dùng hương hoa trái cây... cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, tự nhiên có thể được một đứa bé trai đầy đủ phước đức trí huệ. Nếu cầu con gái, thì có thể sanh một đứa bé gái tướng mạo đoan chánh, mắt mũi tai miệng đều cân đối xinh đẹp cả. Gốc phước do trồng đời trước, được mọi người kính mến. Tại sao lại được tướng mạo đoan chánh trang nghiêm đẹp đẽ như thế? Đó đều là do đời trước, hoặc mua hương hoa, dùng các thứ trang nghiêm để cúng dường Phật, Bồ-tát. Do chứa nhóm công đức cúng Phật thuở xưa kia nên được đời đời tướng mạo đầy đủ, trang nghiêm tốt đẹp, ai thấy cũng kính mến.

**Này Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm
có oai lực như thế! Nếu có chúng sanh**

cung kính lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm thì phước đức chẳng lường mất. Cho nên chúng sanh phải nên thọ trì danh hiệu của Ngài.

Này Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ-tát, lại suốt đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc men... Ông nghĩ thế nào? Công đức của thiện nam tử, thiện nữ nhưn đó có nhiều chăng?

Vô Tận Ý đáp: "Rất nhiều, thừa Thế Tôn!"

Phật nói: "Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, cho đến chỉ một lần lễ bái cúng dường, thì phước đức của hai người này đồng nhau không khác, trong trăm ngàn muôn ức kiếp không thể cùng tận."

Đức Phật sau khi nói những việc cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai điều cầu mong của Bồ Tát Quán Thế Âm vừa xong, lại nói: "Này Vô Tận Ý! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này có oai lực như vừa nói ở trên, nếu có chúng sanh nào hay cung kính và phát tâm lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm thì phước đức của người ấy nhất định tồn tại không uổng phí. Vì lý do ấy, các chúng sanh đều phải nên thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm." Nếu quý vị có thể trong tâm thường

tri niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì được phước báo công đức không thể nghĩ bàn, vì diệu khó lường.

Phật lại bảo: "Này Vô Tận Ý! Giả sử có người thọ trì danh hiệu của rất nhiều Bồ-tát, nhiều như số cát trong sáu mươi hai ức sông Hằng, và chẳng những chỉ niệm tụng mà còn suốt đời dùng hương hoa đèn quả, hoặc bốn thứ: thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc men... để cúng dường Tam Bảo. Ý ông như thế nào? Những thiện nam tín nữ ấy có được công đức nhiều hay không?"

Sau khi Phật nói xong, Bồ Tát Vô Tận Ý đáp: "Công đức này rất nhiều." Phật lại bảo: "Giả sử còn có người hay niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Chẳng cần nói người ấy có suốt đời cúng dường, mà chỉ có thể trong một thời gian rất ít lễ lạy cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phước đức của hai người này như nhau. Trong trăm ngàn muôn ức kiếp phước đức này cũng không cùng tận."

Này Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm được vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế.

Bồ Tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Quán Thế Âm như thế nào đi khắp thế giới Ta-bà này? Như thế nào nói pháp cho chúng sanh nghe? Sức phương tiện của những việc đó như thế nào?"

Đức Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý: "Nếu Ông hay thọ trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì có thể được lợi ích phước đức nhiều vô số vô lượng như đã nói ở trước." Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Phật nói thế lại bạch hỏi Phật: "Bạch Thế Tôn! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này làm thế nào để giáo hóa chúng sanh ở thế giới Ta Bà? Làm thế nào để thuyết pháp cho họ nghe? Nhân duyên phương tiện giáo hóa chúng sanh, sức phương tiện và những sự việc ấy như thế nào?"

Thế nào gọi là thế giới Ta-bà? "Ta-bà" là tiếng Ấn Độ (Saha), dịch là "kham nhẫn," cũng chính là kham năng nhẫn thọ, là nói thế giới này rất khổ, không dễ gì chịu đựng nổi.

Phật bảo Bồ Tát Vô Tận Ý: Nay thiện nam tử, nếu có chúng sanh trong cõi nước nào, đáng dùng thân Phật để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật nói pháp độ họ.

Đáng dùng thân Bích-chi Phật để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Bích-chi Phật nói pháp độ họ.

Đáng dùng thân Thanh-văn để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Thanh-văn nói pháp độ họ.

Đáng dùng thân Phạm vương để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phạm vương nói pháp độ họ.

Đáng dùng thân Đê Thích để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Đê Thích nói pháp độ họ.

Đáng dùng thân Tự Tại Thiên để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Tự Tại Thiên nói pháp độ họ.

Đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên nói pháp độ họ.

Đức Phật nghe Bồ Tát Vô Tận Ý hỏi như thế, mới đáp: "Này thiện nam tử! Giả sử như trong các cõi nước ở ba ngàn đại thiên thế giới có chúng sanh nào *đáng dùng thân Phật* mới có thể độ cho họ thành Phật thì Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ thị hiện thân Phật đến nói pháp cho chúng sanh ấy nghe."

Đến đây có người hỏi: "Bồ Tát Quán Thế Âm chỉ là Bồ-tát chứ chưa thành Phật mà sao có thể hiện thân Phật để nói pháp được! Đó chẳng phải mạo xưng là Phật sao?"

-Không phải đâu! Nhân vì Bồ Tát Quán Thế Âm trong vô lượng kiếp về quá khứ đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh. Sau khi thành Phật, Ngài vì không quên chúng sanh nên mới trở lại thế giới này, ẩn giấu thân Phật mà hiện thân Bồ-tát để cứu giúp chúng sanh. Đó gọi là "ẩn lớn hiện nhỏ." La-hán là "hồi Tiểu hướng Đại;" Bồ Tát Quán Thế Âm là "hồi Đại hướng Tiểu." Ngài từ thân Phật lại "quay ngược thuyền Từ,"

cũng như người ta nói: "Quay xe trở lại," mục đích là để cứu vớt chúng ta là những chúng sanh đau khổ.

Cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm tuy bề ngoài hiện thân Bồ-tát, kỳ thật bên trong ngầm chứa Phật hạnh. Ẩn bên trong là hạnh nguyện của chư Phật, hành vi của chư Phật. Đó là lý do tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm có thể hóa hiện thân Phật để thuyết pháp cho chúng sanh, chứ không phải mạo xưng là Phật để dối gạt chúng sanh.

Tiếp đó Đức Phật lại bảo:

**"Đáng dùng thân Bích-chi Phật để
được độ thoát, liền hiện thân Bích-chi
Phật để nói pháp độ họ."**

Bích-chi Phật là tiếng Phạn (Pratyekabuddha), nói đủ là "Bích-chi-ca-la," dịch là Duyên-giác. Duyên-giác lại có hai thứ: Những vị sanh vào thời có Phật ra đời thì gọi là Duyên-giác; những vị sanh vào thời không có Phật gọi là Độc giác. Khi có Phật ra đời, do tu Thập Nhị Nhân Duyên mà ngộ đạo. Vị ấy quan sát tại sao có Vô minh? Vô minh tại sao lại có Hành? Tại sao có Thức? Có Danh sắc? Có Lục nhập? Làm sao lại có Xúc? Rồi có Thọ? Sau Thọ lại có Ái? Có Ái lại có Thủ? Nhân vì có Hữu cũng lại có Sanh? Có Sanh rồi lại có Lão, Tử? Cả ngày quán sát tới lui mười hai nhân duyên như vậy, biết rằng tất cả đều là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, nên tất cả đều buông bỏ, và do đó mà khai ngộ. Do quán mười hai nhân duyên mà ngộ đạo nên gọi là Duyên-giác. Vào

thời không có Phật, vị ấy cũng tu mười hai nhân duyên này; mùa Xuân quán thấy trăm hoa đua nở, mùa Thu vạn vật héo tàn, quán xét các trạng thái biến hóa tự nhiên nên giác ngộ được Sanh, Trụ, Di, Diệt, Thành, Trụ, Hoại, Không; các thứ hình sắc thấy đều là vô thường, cũng nhân đó mà được giác ngộ, gọi là Độc-giác. Do vì sanh ra vào thời có Phật hay không Phật mà gọi là Duyên-giác hay Độc-giác mà thôi.

Bồ Tát Quán Thế Âm nhờ có Thiên nhãn Chiếu thấy, Thiên nhĩ nghe xa, biết được chúng sanh nào đáng dùng thân Bích-chi Phật để được độ thoát thì hiện ra thân Bích-chi Phật để nói pháp Thập Nhị Nhân Duyên cho họ nghe, như là: "Anh có biết Vô minh là từ đâu mà có không? Chính là từ chỗ một niệm bắt giác của anh mà có. Do một niệm bắt giác, cho nên trong Như Lai Tạng Tánh của anh phát sanh ra Vô minh. Đã có Vô minh thì sanh tiếp ra Hành, ..." Đối với chúng sanh như thế, Ngài dùng thân Bích-chi Phật để nói pháp độ họ thì khiến cho họ khai ngộ giác đạo. Sau đó mới dạy họ phát tâm Bồ-đề, hồi Tiểu hướng Đại.

Đáng dùng thân Thanh-văn để được độ thoát, liền hiện thân Thanh-văn nói pháp độ họ.

Thế nào gọi là Thanh-văn? Thanh-văn cũng là một vị La-hán, Duyên-giác cũng là một vị La-hán, thuộc về hàng Nhị thừa. Thanh-văn, thì "Thanh" là tiếng tăm, "Văn" là nghe thấy, có nghĩa là nghe thấy lời Phật nói mà ngộ đạo. Phật nói những lời gì? Nói

pháp Tứ đế, do nghe những lời này mà ngộ đạo, nên gọi là Thanh-văn.

Tứ đế là gì? Là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đức Phật Thích-ca đầu tiên ba lần chuyển pháp luân Tứ đế cho năm vị Tỳ-kheo nghe. Bấy giờ các vị Kiều Trần Như, hãy còn chưa xuất gia, sau khi được Phật nói pháp cho nghe, mới xuất gia làm Tỳ-kheo. Tại vườn Nai Phật nói với họ: "Đây là Khổ có tánh bức bách, đây là Tập có tánh chiêu cảm, đây là Diệt có tánh khả chứng, đây là Đạo có tánh khả tu."

- Đây là Khổ có tánh bức bách: Là nói Khổ này có tính bức bách mạnh mẽ, khiến người chịu không nổi. Khổ có Khổ khổ, Hoại khổ, Hành khổ. Lại có tám thứ: Sanh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ, Ái biệt ly khổ, Cầu bất đắc khổ, Oán tắng hội khổ, Ngũ ấm xí thanh khổ. Những thứ khổ ấy bức bách con người xoay chuyển không nổi, thở không ra hơi, suốt ngày bức bối. Tất cả vấn đề đó đều do khổ sanh ra, cho nên nói Khổ có tánh bức bách.

- Đây là Tập có tánh chiêu cảm: Tập là chứa nhóm tích tụ. Cái gì tích tụ với nhau? Phiền não tích tụ với nhau. Tại sao có phiền não? Tại vì có "Khổ." Trước hết có khổ, khi bị khổ áp bức chịu không nổi mới sanh ra phiền não, phát sinh ra giận dữ. Vì thế nói phiền não này có tánh chiêu cảm, là do chứa nhóm mà thành. Đó cũng là từ Khổ mà có Tập.

- Đây là Diệt có tánh khả chứng: Diệt là tịch diệt, tịch diệt cả vô minh phiền não. Thứ an lạc của

tịch diệt này là diệu quả của Niết-bàn, là thứ có thể chứng đắc được.

- Đây là Đạo có tánh khả tu: Thứ Đạo này mọi người đều có thể tu, không một ai nói là không thể tu được. Bất cứ người nào cũng đều có thể tu đạo, bất cứ người nào cũng đều có thể chứng được lý thể Niết-bàn. Đó là lần Chuyển pháp luân thứ nhất.

Đức Phật chỉ là hiện thân thuyết pháp giảng nói pháp Tứ đế cho năm vị Tỳ-kheo ấy nghe, tiếp theo Phật lại chuyển pháp luân lần thứ hai: "Đây là Khổ các ông nên biết, đây là Tập các ông nên đoạn, đây là Diệt các ông nên chứng, đây là Đạo các ông nên tu." Nói rằng "Khổ này không phải chỉ riêng ta thành Phật mới biết, mà các ông cũng phải biết nó là Khổ. Các ông cũng phải dứt trừ Tập đế, phải nên cầu chứng diệu quả Niết-bàn, cũng phải nên tu hành thứ Bồ-đề giác đạo này."

Đức Phật chuyển pháp luân lần thứ ba: "Đây là Khổ ta đã biết, đây là Tập ta đã đoạn, đây là Diệt ta đã chứng, đây là Đạo ta đã tu." Những Khổ này ta đã biết, Tập này ta đã dứt trừ. Ta đã biết Khổ này nên không bị Khổ làm mê. Ta đã dứt hết phiền não, cũng không còn Tập đế nữa. Diệt này ta đã chứng đắc rồi, ta đã được niềm vui tịch diệt chân chánh. Đạo này ta đã tu xong."

Năm vị Tỳ-kheo ấy nghe Phật diễn nói ba lần chuyển pháp luân Tứ đế xong, tức thì được khai ngộ. Nhân nghe tiếng Phật thuyết pháp mà ngộ đạo nên gọi là Thanh-văn. Thanh-văn và Duyên-giác gọi là Nhị-

thừa, cũng gọi là Tiểu-thừa. Có Tiểu thừa cũng có Đại-thừa. Sao gọi là Đại, sao gọi là Tiểu? Thật ra không có Đại mà cũng không có Tiểu, chỉ vì tâm chúng sanh có Đại có Tiểu mà thôi. Xưa nay tâm lượng rộng lớn khắp hư không pháp giới, nhưng phàm phu chúng ta không biết dùng Như Lai Tạng tánh sẵn có của chính mình. Có người chỉ dùng một phần nhỏ, có người dùng được phần lớn, có người dùng cả toàn bộ. Chư Phật thì có thể dùng được toàn bộ, vì đã phản bôn hoàn nguyên rồi. Bồ-tát có thể dùng được một phần lớn, vì các ngài có trí huệ rộng lớn nên có thể dùng được số nhiều của báu trong gia tài Như Lai Tạng tánh sẵn có của chính mình. Sự hiểu biết của hàng Tiểu thừa rất ít cho nên dùng được ít. Vì thế nên Bồ Tát Quán Thế Âm gặp được cơ duyên người đáng dùng thân Thanh-văn để được độ thoát, thì hiện ra thân Thanh văn đến nói pháp Tứ đế cho họ nghe.

Đáng dùng thân Phạm vương để được độ thoát, liền hiện thân Phạm vương đến nói pháp độ họ.

Phạm vương chính là Đại Phạm Thiên Vương, Hoàng đế của trời Đại Phạm. Phạm có nghĩa là thanh tịnh. Vị ấy làm vua trên trời cảm thấy rất tự tại. Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân Đại Phạm Thiên Vương đến để nói pháp cho nghe.

Đáng dùng thân Đế Thích để được độ thoát thì hiện thân Đế Thích đến nói pháp độ họ.

Đế Thích (Shakra), mà trong Kinh Di Đà gọi là Thích-đề-hoàn-nhơn (Shakra Devanam Indrah), trong Đạo giáo gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Vị Đế Thích này không phải chỉ có một mà có rất nhiều. Chúng ta biết rằng có một cõi trời tên là Tam thập tam (hay Đạo Lợi). Đế Thích của cõi trời Tam thập tam cũng chính là Thiên chúa (God) của một số người tín ngưỡng.

Trong chú Lăng Nghiêm có câu: "Nam mô Nhân-đà-ra-da." Nhân-đà-ra-da cũng là tên gọi của Thiên chúa. Những sự việc ở trên trời đều do vị Đế Thích này thống lãnh và quản lý, vì thế năng lực của vị này rộng lớn phi thường, quyền lực và thần thông cũng to lớn; nhưng vị này chỉ có thể ở trên trời, mà mạng sống của trời rồi có lúc cũng chấm dứt. Bồ Tát Quán Thế Âm thấy có vị Đế Thích nào cơ duyên đã thành thực, bấy giờ Ngài mới hóa hiện thân Đế Thích đến nói pháp cho họ nghe. Tại sao phải hóa làm thân Đế Thích để nói pháp cho họ nghe? Vì là đồng loại sẽ dễ dàng tiếp nhận sự khuyến hóa hơn. Cũng giống như nhân loại chúng ta vậy, bất luận là người ở giai cấp nào thì đối với giai cấp đó dễ dàng kết thân hơn. Người buôn bán thì kết thân với người buôn bán, người đi học thì kiếm người đi học mà kết thân, người học Phật thì kết thân với người học Phật, người cờ bạc thì kết thân với người cờ bạc, kẻ cướp thì kết thân với kẻ cướp. Ấy gọi là:

- "Vật cùng loại dễ hợp, người cùng việc dễ quen."

Vì những quan hệ ấy nên Bồ Tát Quán Thế Âm thường hiện ra thân đồng loại với chúng sanh, thị hiện

các phương tiện khiến cho các chúng sanh ấy dễ dàng được hóa độ. Nhưng Bồ Tát Quán Thế Âm không những chỉ dùng thần thông biến hóa để hiện thân thuyết pháp và không nhất định theo tiếng kêu cứu mới ứng hóa, mà thậm chí còn phân thân đến cõi này để làm người, cũng tu học Phật pháp rồi mới giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh. Ví như đối với hạng học sĩ, Bồ Tát Quán Thế Âm hóa thân làm một vị giáo sư diễn nói Phật-pháp cho họ nghe, từ từ dẫn dụ khiến cho một số học giả lần lần có cảm tình hướng đến Phật-pháp, bỏ nghi thêm tin, rồi phát tâm quy y, thọ trì một giới, hai giới, năm giới, cho đến mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh của Bồ-tát. Sau đó họ lại nương theo pháp môn của Bồ Tát Quán Thế Âm để tu hành, biến thành một Bồ Tát Quán Thế Âm, thế là Bồ Tát Quán Thế Âm lại có thêm một Hóa thân nữa.

Làm sao lại có được ngàn trăm ức Hóa thân? Đó chính là quý vị mô phỏng theo Ngài, học tập theo Ngài, thì sẽ biến thành Hóa thân của Ngài đó. Cũng như nói "Pháp không định pháp," là pháp không nhất định, không nên chấp trước. Nếu quý vị chấp trước là nhất định, thử hỏi chính quý vị có nhất định là mình có thể không chết không? Nếu quý vị có thể nhất định không chết thì mọi sự việc đều có thể nhất định rồi.

Nếu quý vị nói: "Không thể được, tôi chắc chắn là phải chết!"

Thế thì không có pháp nhất định rồi. Cho nên Phật-pháp cũng là pháp không nhất định. Vì thế, lý lẽ "Thiên bá ức hóa thân" không phải là khó hiểu, chỉ

cần quý vị có hăng tâm, nghị lực để học tập theo Bồ Tát Quán Thế Âm, hoằng dương Phật-pháp, cứu độ chúng sanh thì quý vị cũng là Hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Có một trăm người học theo Ngài thì có một trăm Hóa thân, có một ngàn người học theo Ngài thì có một ngàn Hóa thân. Chừng nào có số người chịu bắt chước theo Ngài hoằng dương Phật-pháp thì chừng ấy cũng sẽ có vô lượng vô biên Hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Đó là nói theo sự, còn nói theo lý thì khi quý vị thành Phật rồi cũng thực sự có đầy đủ ngàn trăm ức Hóa thân.

**Đáng dùng thân Tự Tại Thiên để được
độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền
hiện thân Tự Tại Thiên nói pháp độ họ.**

**Đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên để
được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm
liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên nói
pháp độ họ.**

Tự Tại Thiên là gì? Là thiên ma ngoại đạo. Tôi ngày thường nói với quý vị Tự Tại Thiên chính là Thiên chúa của Thiên Chúa giáo và Cơ Đốc giáo. Đại Tự Tại Thiên Vương cũng thuộc về loại tôn giáo này. Sự cống cao ngã mạn của họ thật không thể nghĩ bàn, họ nói không có Phật, không có Pháp, không có Tăng, phỉ báng Tam Bảo. Tự Tại Thiên tự cho mình là tối cao vô thượng bậc nhất trên đời. Tại sao lại như thế? Vì y quá tự tại, quá khoái lạc! Nhưng Bồ Tát Quán Thế Âm không lạ gì với hạng chúng sanh này, khi cơ duyên của họ thành thực thì Bồ-tát cũng đến giảng

giải Phật-pháp, khiến họ chuyển mê thành ngộ, phản bổn hoàn nguyên.

Đáng dùng thân Thiên Đại Tướng Quân để được độ thoát thì hiện thân Thiên Đại Tướng Quân đến nói pháp độ họ.

Thiên Đại Tướng Quân đây có hai nghĩa, một nghĩa là làm Đại Tướng Quân ở nhân gian, còn có một nghĩa nữa là vị thiên thần trên trời. Vị ấy đã hưởng hết phước trời và chuyển xuống nhân gian làm vị Đại Tướng Quân. Bồ Tát Quán Thế Âm biết nhân duyên của họ đáng được hóa độ thì hiện thân Tướng quân nói pháp cho họ để phá trừ bến mê, giác ngộ vô thường, bỏ hết tất cả lạc thú của thế gian, phát tâm tu hành, cầu chứng được sự an lạc chân chánh vô thượng.

Đáng dùng thân Tỳ-sa-môn để được độ thoát thì hiện thân Tỳ-sa-môn đến nói pháp độ họ.

Tỳ-sa-môn là tên của một vị trong Tứ Đại Thiên Vương, cũng chính là vị Thiên vương ở Bắc Câu Lô châu tại phương Bắc. Mỗi đại bộ châu đều có một vị Đại Thiên Vương, tức là Đông Thiên Vương, Tây Thiên Vương, Nam Thiên Vương và Bắc Thiên Vương. Đáng dùng thân Tỳ-sa-môn để dùng Phật-pháp hóa độ thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Thiên Vương để thuyết pháp cho họ nghe.

Đáng dùng thân Tiểu Vương để được độ thoát thì hiện thân Tiểu Vương đến nói pháp độ họ.

Tiểu Vương là chỉ cho vị vua quản lý một nước, vị này chỉ xưng vương một nước mà thôi. Đáng dùng thân Tiểu Vương để được độ thoát thì lúc ấy Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân Tiểu Vương đến để nói pháp cho họ nghe.

Đáng dùng thân Trưởng giả để được độ thoát thì hiện thân Trưởng giả nói pháp độ họ.

Sao gọi là Trưởng giả? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Phàm người có đạo đức, có trí huệ, có danh vọng, giọng họ cao sang, tuổi tác lớn, những người lớn tuổi đều ưa thích vị ấy, những người trẻ tuổi đều cung kính vị ấy." Tại sao vị ấy được mọi người đối xử tốt như vậy? Vì vị ấy có tâm từ bi, bình đẳng, đối xử với ai cũng đều một mực nhân từ, nhiệt tâm giúp đỡ, cho nên được mọi người công nhận là "Trưởng giả." Nếu như có người đáng dùng thân Trưởng giả để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Trưởng giả đại trượng phu thật giàu sang đến nói pháp cho họ nghe. Trong chú Đại Bi, Bồ Tát Quán Thế Âm hiện ra tướng đại trượng phu có râu tóc dài mấy thước, dáng ngồi thẳng ngay, oai phong凛凛, đó chính là tướng đại phú trưởng giả.

Đáng dùng thân cư sĩ để được độ thoát thì hiện thân cư sĩ nói pháp độ họ.

Đáng dùng thân cư sĩ để được độ thoát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện ra thân một vị cư sĩ đến nói pháp cho vị ấy nghe. Cư sĩ tức là những người còn ở nhà, cũng chính là những người tại gia tin theo Phật giữ gìn năm giới, phụng hành thập thiện. Năm giới là gì? Đó là năm thứ đại giới: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Sao gọi là thập thiện? Thập thiện là trái ngược với thập ác. Thập ác tức là thân có ba ác: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ý có ba ác là Tham, sân, si. Miệng có bốn ác: Vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt.

"Vọng ngôn" chính là nói dối. "Ý ngữ" là nói những lời tà vạy không đúng đắn, chuyên môn nói chuyện nam nữ khiến người nghe đến việc bất chánh. "Ác khẩu" là cộc cằn mắng chửi người. "Lưỡng thiệt" là một người có hai cái lưỡi. Một người tại sao lại có hai lưỡi? - Thật ra không phải người ấy có hai lưỡi đâu, mà là một cái lưỡi lại nói hai lời không giống nhau. Đến với người kia nói người này không tốt, đến với người này nói người kia không tốt, bươi móc việc xấu để ly gián hai bên, nên gọi là hai lưỡi. Bốn điều ác của miệng chiếm gần phân nửa, thân và ý mỗi thứ chỉ có ba ác nghiệp mà miệng lại có bốn thứ ác nghiệp. Thân có ba ác, ý có ba ác, miệng có bốn ác cộng chung là mười ác (thập ác). Trái ngược với thập ác là thập thiện. Thập thiện chính là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không tham, không sân, không si, không nói dối, không nói thêu dệt, không mắng chửi, không nói hai lưỡi. Không làm ác

chính là làm thiện. Làm cư sĩ một mặt phụng trì ngũ giới, thập thiện, một mặt phải hộ trì Tam Bảo, ủng hộ Phật-pháp, đề xướng Phật-giáo, khiến cho Phật-giáo mỗi ngày một hưng thịnh hơn. Đó là trách nhiệm của mỗi vị cư sĩ. Trách nhiệm của người xuất gia chính là hoằng dương Phật pháp.

Đáng dùng thân Tể Quan để được độ thoát thì hiện thân Tể Quan nói pháp độ họ.

"Tể Quan" tức là chức quan Tể tướng hoặc các chức vị cao khác. Nếu có những chúng sanh đáng dùng thân quan quyền để được độ thoát, thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân Tể tướng hoặc người có quyền cao chức trọng đến nói pháp cho họ nghe.

Đáng dùng thân Bà-la-môn để được độ thoát thì hiện thân Bà-la-môn nói pháp độ họ.

Đáng dùng thân Bà-la-môn (Bà-la-môn là một đạo ở Ấn Độ, chuyên tu phạm hạnh thanh tịnh), để được độ thoát, thì Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân Bà-la-môn ngoại đạo đến nói pháp cho chúng sanh ấy nghe, khiến cho họ hiểu biết Phật pháp, y giáo phụng hành, tương lai sẽ thành Phật.

Đáng dùng thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di để được độ thoát thì hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói pháp độ họ.

Tỳ-kheo là tiếng Phạn, Trung Quốc dịch ra ba nghĩa là:

1. *Bố ma*: Hễ có người xuất gia tu hành, thọ giới Cụ túc thì quyến thuộc ma ít dần, vì thế khiến ma lo sợ.

2. *Khất sĩ*: Vị tăng xuất gia, trên xin pháp của chư Phật để nuôi Pháp thân, dưới xin cơm của chúng sanh để nuôi sắc thân.

3. *Phá phiền não*: Xuất gia tu hành, y lời Phật dạy tu hành có thể phá trừ vô minh phiền não, kiến tánh thành Phật.

Tỳ-kheo-ni là nữ giới xuất gia thọ giới Cụ túc.

Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di là tiếng Phạn, dịch là Cận sự nam và Cận sự nữ. Cận sự là gần gũi phụng sự. Những cư sĩ nam nữ này thường thường gần gũi Tam Bảo, thường đến chùa lễ Phật, tụng kinh, quét dọn, cúng dường phụng sự Tam Bảo, làm các công đức để cầu phước báo. Những thiện nam tín nữ này gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn thấy những chúng sanh nào có cơ duyên đáng dùng thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di để được độ thoát, Bồ-tát liền hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến thuyết pháp cho chúng sanh ấy nghe.

Đáng dùng thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, Tể quan, Bà-la-môn để được độ thoát liền hiện thân phụ nữ nói pháp độ họ.

Trưởng giả cũng gồm có vợ của trưởng giả; cư sĩ, Tể quan, Bà-la-môn cũng có vợ của họ. Trưởng giả cũng có nữ trưởng giả, cư sĩ cũng có nữ cư sĩ, Tể quan cũng có nữ Tể quan, Bà-la-môn cũng có người nữ Bà-la-môn. Nếu có người đáng dùng các thân phụ nữ để được độ thoát, Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, Tể quan, Bà-la-môn đến nói pháp cho họ nghe.

**Đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ để
được độ thoát thì hiện thân đồng nam,
đồng nữ nói pháp độ họ.**

Đáng dùng tức là "nên," hoặc "cần phải;" do đó ở đây ý nói: "Cơ duyên của người ấy là cần phải hiểu rõ Phật-pháp từ thời niên thiếu." Như Bồ-tát Vi-đà khi xưa phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm thân đồng nam. Lại như Bồ-tát Long Nữ trong đời quá khứ cũng phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm thân đồng nữ, chứ không muốn kết hôn. Đồng nam, đồng nữ, là những người mà về mặt sinh lý, thân thể không bị phá hoại. Một khi nam nữ khác phái tiếp xúc nhau thì thân thể không còn hoàn chỉnh nữa. Văn pháp Trung Quốc gọi là "Phá thân," tức là thân thể bị xâm phạm, phá hoại. Nếu không có qua hành vi "phá thân" thì thân thể hoàn chỉnh. Ở Trung Quốc có một thứ công phu quyền cước gọi là "Đồng tử công." Đồng tử công này muốn luyện được tất phải là thân thể hoàn chỉnh, chưa bị phá hoại. Thứ công phu này một khi luyện thành thì gươm đao chém không đứt, thương đâm không thủng. Tại sao gươm đao đâm chém không thủng? Vì

họ "trong luyện một loại khí," tức là họ nương vào một luồng chánh khí trong cơ thể chưa hề bị phá hoại; đồng thời "ngoài luyện gân cốt da," rèn luyện gân cốt và bắp thịt, do đó mà có thể sinh ra tác dụng to lớn như thế.

Trong Phật-pháp, thân đồng nam đồng nữ là thân thể rất thanh tịnh, không bị ô nhiễm; nếu tu đạo hoặc tham thiền thì mau đạt đến kết quả, mau được khai ngộ, chứng được Thiên nhãn thông. Vì thế đồng chơn nhập đạo rất là quý báu. Đồng nam thuộc về Càn, mà Càn là thuần dương. Đồng nữ thuộc về Khôn, mà Khôn là thuần âm. Một đảng là thuần dương, một đảng là thuần âm; nói theo Đạo giáo là thân thể rất thanh tịnh. Bồ Tát Quán Thế Âm quán nhân duyên của người nào đó nếu đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ để tu hành đặc đạo thì Bồ-tát liền hiện ra thân đồng nam, đồng nữ đến nói pháp cho họ nghe, khiến cho họ phát tâm Bồ-đề, mau chóng thành Phật đạo.

Đáng dùng thân trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân v.v... để được độ thoát thì hiện ra các thứ thân ấy nói pháp độ họ.

"Rồng" có rất nhiều loại: có loại rồng ở trên trời, có loại rồng ở dưới biển, có loại rồng giữ kho tàng. Rồng ở trên trời thì làm hộ pháp ở trên trời; rồng dưới biển thì ở trong Long cung, làm thủ lãnh bọn tôm cá trạnh. Rồng giữ kho tàng là loại rồng do tâm tham dẫn

dắt mà tìm đến canh giữ kho châu báu người ta chôn dưới đất. Lại còn có loại rồng chuyên làm mưa. Ngày xưa có rất nhiều rồng, bây giờ thông thường người ta ít thấy rồng rồi bảo là không có thứ động vật này; kỳ thật, loài rồng có rất nhiều. Vào thời Lục Tổ Đại-sư có một con rồng chuyên phun hơi độc, khói mù. Nếu người nào trúng phải độc của khói mù này sẽ sanh bệnh nặng, thậm chí bất trị rồi chết. Nền Thiền đường của chùa Nam Hoa hiện nay nguyên là đầm của con rồng độc. Đầm này diện tích khoảng một mẫu; không ai biết được đầm sâu bao nhiêu. Thuở ấy, trong đầm lại có một con rồng đang ở. Rồng này không phải là rồng hiền mà là con rồng dữ chuyên hại người. Nó thường làm cho chúng ở chùa Nam Hoa sanh bệnh, không tu hành được. Một hôm Lục Tổ Đại-sư đến bên đầm, con rồng này hiện thân hình đầy đặn cả cái đầm ấy. Lục Tổ Đại-sư thấy thế cười nói:

- Nè, mi có tài hiện ra thân lớn chứ không có thể hiện được thân nhỏ. Nếu chỉ hiện thân lớn thôi thì đâu có tài cán bao nhiêu!

Con rồng nghe Lục Tổ Đại-sư nói thế liền ẩn mất thân to lớn ấy đi, hiện lại thân nhỏ xíu độ một tấc dài bơi lội trong nước. Lục Tổ, Đại-sư nói:

- À, mi cũng có đôi chút bản lãnh mới biến lớn biến nhỏ được đấy, nhưng mi có lẽ không dám chui vào bát của lão tăng!

Con rồng ở dưới nước nghe nói thế, bèn "tót một cái" nhảy ngay vào trong bát của Lục Tổ. Đại-sư nói:

- A, đây là người tự ý đến, nhưng không ra được đâu!

Con rồng ấy sử dụng hết cả thành công lực để nhảy ra ngoài, nhưng không cách nào nhảy ra được. Lúc đó Đại-sư mới nói:

- Người đừng vùng vẫy làm chi! Người có biết tại sao đời này người phải mang rồng không? Đời trước người đã là người tu hành, cũng có căn lành, từng học Phật-pháp, nhưng vì người quá nặng tâm sân hận, giận dữ quá lắm, như thế nên đời này mới dọa lạc làm thân rồng. Người đừng cho mình có bản lãnh biển lớn biển nhỏ, biển có biển không là to lớn. Ô này! Người bây giờ ở trong bát của ta rồi, có ra được không nào?

Rồng nghe Lục Tổ nói mấy lời ấy, tỏ ý hàng phục, không còn ý nhảy ra ngoài nữa; bấy giờ Lục Tổ mới thuyết pháp cho nó nghe. Nghe pháp rõ ràng xong, rồng tỉnh ngộ và thoát khỏi kiếp làm rồng. Thi thể của con rồng ấy được cất giữ rất lâu ở chùa Nam Hoa, về sau vì binh lửa chiến tranh nên đã bị mất. Đó là một đoạn nhân duyên Lục Tổ Đại-sư hàng phục rồng độc ở chùa Nam Hoa.

Ở Trung Quốc vào đời Đường có Ngụy Trưng tuy làm Thừa tướng ở nhân gian mà cũng lên làm quan ở cõi trời. Bấy giờ có chú rồng Tiểu Bạch Long làm mưa sai lệnh trời. Ngọc Hoàng bảo mưa một tấc ba thôi mà nó làm mưa đến một thước ba tấc, nên bao nhiêu ruộng lúa đều ngập lụt cả. Như thế là đã phạm

pháp, Ngọc Hoàng bèn sai Ngụy Trung đi giết chú rồng nhỏ đó. Biết được tin này, chú rồng nhỏ chạy đến báo mộng vua Đường Thái Tông, nói: "Ngày mai xin Bệ hạ cứu mạng tôi. Bệ hạ là rồng, tôi cũng là rồng, cho nên xin Bệ hạ cứu cho mạng rồng nhỏ xiu này."

Vua nói: "Chúng ta đều là giống rồng cả, vậy thì chúng ta là anh em với nhau, khi người có việc ta phải giúp người mới phải. Vậy ta có thể làm gì để giúp đỡ người đây?"

- Tôi phạm luật trời, vì làm mưa sai lệnh nên ngày mai tôi bị xử tội chém, mà người chém tôi chính là Thừa tướng Ngụy Trung. Ngày mai nếu Bệ hạ lưu ông ta lại không cho ông ta làm gì thì ông ta không thể giết tôi được.

- Cái đó dễ thôi! Ta là vua, ông ấy là quan của ta, ông ấy nhất định phải nghe theo lời sai bảo của ta. Người cứ yên tâm!

Hôm sau, Đường Thái Tông kêu Ngụy Trung đến đánh cờ. Nhà vua nghĩ: "Ông ta đánh cờ với ta, không rời được ta, nhất định không thể đi chém con rồng nhỏ kia được."

Hai người ngồi đánh cờ, đánh cho tới giữa trưa, Ngụy Trung bỗng nhiên thiu thiu ngủ. Đường Thái Tông rất mừng, nghĩ: "Ông ta đã ngủ rồi thì nhất định không thể đi chém con rồng nhỏ kia được, ta không phải lo nữa." Nào ngờ lúc Ngụy Trung ngủ chính là lúc thần thức ông ta đã ra đi cầm kiếm Thượng phương chém chết con rồng nhỏ. Giây lát sau Ngụy

Trung lại cùng Đường Thái Tông tiếp tục cuộc cờ. Đến quá giờ, cuộc cờ mới kết thúc. Đường Thái Tông tự nghĩ: "Chú rồng nhỏ đã năn nỉ ta, chỉ cần quá giờ Ngộ thì Ngụy Trưng không thể giết nó được. Như vậy là ta đã cứu được người anh em của mình, ta đã làm được công đức thật không phải nhỏ."

Nào ngờ tới đến, con rồng nhỏ lại tới đòi mạng:

- Bệ hạ bảo chúng ta là anh em, muốn cứu tôi mà sao Bệ hạ lại để cho bầy tôi của Bệ hạ giết tôi? Như thế không khác nào Bệ hạ giết tôi. Vậy thì Bệ hạ phải đền mạng cho tôi mới được.*

Đường Thái Tông tỉnh dậy, biết con rồng nhỏ đến đòi mạng, sợ đến toát mồ hôi. Hôm sau đem việc này bàn với quân sư Từ Mậu Công. Từ Mậu Công nói:

- Không hề chi! Ở đây chúng ta có hai người có thể ngăn cản việc ấy, đó là Tần Quỳnh và Kính Đức. Bệ hạ sai bọn họ trấn giữ cửa sau thì con rồng nhỏ đó không dám đến nữa.

Tần Quỳnh là thần tướng mặt vàng, còn Kính Đức là thần tướng mặt đen. Màu đen của ông ta đen còn hơn dầu hắc, đen đến nỗi phát sáng. Dùng hai người này giữ cửa, quả nhiên con rồng nhỏ tới đó không dám tới nữa. Nhưng nếu mỗi tối đều bắt hai người này canh cửa mà họ là đại tướng của quốc gia, cực khổ quá thì cũng không được. Bấy giờ mới vẽ hình hai người này dán ở cửa để canh cửa cho Đường Thái Tông, con rồng nhỏ đó mãi mãi không dám tới. Vì thế người Trung Quốc, mỗi khi Tết đến, cũng đem

hình Tần Quỳnh và Kinh Đức dán ở trước cửa để yêu ma quỷ quái không dám đến quấy rối.

Nhơn quả tái sinh làm rồng là do "thừa cấp giới hoãn." Tu hành Đại thừa giáo rất dụng công, học Phật pháp rất giỏi nhưng không nghiêm giữ giới luật. Nhơn vì "thừa cấp," cho nên được thần thông biến hóa; lại nhân vì "giới hoãn" nên phải đọa lạc làm súc sanh.

"Dạ-xoa" còn gọi là Dược-xoa, đều là tiếng Phạn (Yakshas), có nghĩa là "Tiệp tạt" vì chúng di chuyển rất nhanh, thậm chí hỏa tiễn do khoa học hiện đại chế tạo cũng đuổi không kịp. Thứ quý này trong một niệm có thể đến bất cứ nơi nào chúng muốn đến.

"Càn-thát-bà" (Gandharvas) dịch là Hương thần, vì họ lấy hương làm thức ăn và thân toát ra mùi hương. Lại dịch là Nhạc thần, là vị thần tấu nhạc cho Ngọc đế, đầu đội mũ bát giác, tay cầm ống địch, thân màu đỏ, tóc phát ra ánh sáng. Tây Vực gọi người xướng ca là Càn-thát-bà.

"A-tu-la" là tiếng Phạn (Asura), dịch là "Phi thiên," vì họ có phước trời nhưng không có đức của trời, giống như trời mà chẳng phải trời. A-tu-la còn dịch là "Vô đoan chính," vì dung nhan họ rất xấu xí, chẳng phải chúng sanh sanh ở cõi giới A-tu-la mới gọi là A-tu-la, mà súc sanh giới trong lục đạo cũng có rất nhiều loài súc sanh vốn là A-tu-la chuyển sanh, như chó, ngựa, bò..., nhất là ngựa, tánh A-tu-la rất nặng.

Trung Quốc có câu: "Con ngựa hại bầy," ám chỉ con ngựa ở trong bầy nếu cứ không đá con này thì

cũng cắn con kia, khiến cho cả bầy ngựa không được bình an. Đối với đồng loại thì con ngựa đó có hại, nên gọi nó là "con ngựa hại bầy." Đó cũng là một loại A-tu-la. Dễ thấy hơn hết là loài bò, chúng đích thực là A-tu-la. Trên đầu bò có hai cái sừng, quý vị có biết nó định làm gì không? Nó dự định đánh nhau đấy. Vì khi xưa lúc làm A-tu-la, trên đầu thường đội mũ trụ, trên mình mặc áo giáp, cho nên khi chuyển sanh làm bò cũng không quên được tánh A-tu-la, trên đầu dự bị sẵn hai chiếc sừng để đánh nhau với người. Chẳng những loài bò là A-tu-la, gà chọi cũng là A-tu-la biến thành. Gà chọi hễ gặp nhau thì đá ngay. Chẳng những gà chọi là A-tu-la mà có một thứ dê màu đen rất thích đấu đá, hai con gặp nhau thì nhất định chọi nhau cho đến khi có một con chết mới thôi.

Ở Trung Quốc vào đời Tống, trò đá dê ăn tiền rất thịnh hành. Hễ dê của ai bị đá chết thì người ấy bị thua tiền. Ngoài ra, những loài như rắn, chuột, mèo..., các động vật thích đấu đá, có tánh hiếu sát đều thuộc loại A-tu-la cả. Chúng sanh chuyển sanh làm A-tu-la thì tướng mạo rất xấu xí, không đoan chánh chút nào! Có thể là mõm dài như heo, mũi dài như voi, mỏ nhọn, răng vênh, miệng heo, mũi voi, mắt bò, tai chuột; hoặc là thân người lại có đầu heo, hoặc thân người mà đầu bò, hoặc thân người mà đầu ngựa hay đầu hổ, rất là hung ác.

Trông tướng mạo nam A-tu-la rất là xấu xí, nhưng nữ A-tu-la dung mạo rất mỹ miều. Nữ A-tu-la có thể nói là ai thấy thì thương ngay. Vì thế Thiên

chúa Đế Thích ở cõi trời Lục Dục có một lần thấy nữ A-tu-la đẹp đẽ quá nên phải lòng và cầu hôn. Tu-la vương cũng bằng lòng và đem con gái mình gả cho Ngọc đế. Một hôm Đế Thích rất vui vì mời được nhạc phụ đến dùng cơm với các món ăn ngon nhất trên trời. Lúc ăn cơm xong, khi Tu-la vương sắp trở về, Ngọc đế muốn biểu lộ sự cung kính của mình bằng cách dàn thành hai hàng đội ngũ tất cả thiên binh, thiên tướng để đưa tiễn. Nhưng Tu-la vương nhìn thấy, trong lòng phát giận không vui, tự nghĩ: "A, người dùng thiên binh thiên tướng để dọa ta à? Cái thằng này!"

Tu-la vương giận dữ trong lòng, nhưng Ngọc đế vẫn dửng dưng không biết.

Trên cung trời có một vị tiên nhân thường hay thuyết pháp, vì Ngọc đế thích nghiên cứu đạo lý nên mỗi ngày đến nơi vị tiên nhân ấy nghe pháp. Khi Ngọc đế đi nghe pháp như thế, Tu-la nữ ở nhà nảy sanh ra một mối nghi ngờ, nghĩ thầm: "Ông ta mỗi ngày đều vắng nhà, vậy chớ đi đâu? Đại khái chắc là đi làm việc bận bịu đây! Chắc là đi tìm cô nào đây!"

Chờ khi Ngọc đế trở về, Tu-la nữ mới dò hỏi:

- Ông thường ngày vắng nhà là đi làm gì thế? Có phải là đi tìm một hình bóng khác, ý trung nhân khác hay không? Vì thế mà không ở nhà bồi tiếp tôi chớ gì?

- Không phải đâu! Ta đi đến chỗ vị Tiên nhân để nghe pháp mà.

Nhưng Tu-la nữ đời nào chịu tin, bèn vận dụng thần thông ngấm dò xét chỗ của Đế Thích đến. Đợi Đế Thích lên xe báu xong, nàng dùng pháp thuật ẩn thân cũng lên xe theo. Khi đến chỗ thuyết pháp Đế Thích xuống xe, nàng ta cũng xuống xe theo. Đế Thích thấy thế liền hỏi:

- Sao nàng cũng đến đây?

- Tôi đến để điều tra xem ông có nói thật hay không. Bất luận là ông nói thế nào, tôi cũng không hề tin đâu!

Đế Thích nghe nói tức giận, nổi máu trượng phu ra, lấy gậy đánh cô vợ mình. Nàng Tu-la nữ liền òa khóc lớn. Nào ngờ tiếng kêu khóc đó làm cho đạo hạnh vị tiên nhân tiêu mất đi, không thể nói pháp được nữa. Từ trước đến nay vị tiên nhân này chưa nghe tiếng nói phụ nữ bao giờ, nay nghe tiếng kêu của Tu-la nữ quá ngọt ngào bèn động mỗi tâm dâm dục, mất hết đạo nghiệp đi, nên không thể tiếp tục thuyết pháp được nữa. Việc đó xảy ra càng làm cho Ngọc đế giận thêm, lại càng trách móc vợ. Tu-la nữ cũng lại tức giận, trở về mách lại với cha: "Ông Đế Thích này thật không giữ quy củ chút nào, hiện tại đang theo một cô gái khác, bỏ bê con!" Cô ta còn bịa thêm rất nhiều chuyện, cha cô nghe qua càng thêm nổi trận lôi đình, nói:

- Chà, có như thế à! Hèn nào lần trước nó thị oai với ta, té ra là nó khi dễ ông gia nó mà, không coi nhà vợ nó ra gì hết.

Tức thời kéo binh tướng A-tu-la đi đánh nhau với Đế Thích. Đế Thích tuy có thiên binh, thiên tướng, nhưng càng đánh càng thua, bèn chạy đến chỗ Phật Thích-ca cầu xin giúp đỡ. Đức Phật nói:

- A, bây giờ ông bị khổ nạn à! Không hề gì, để ta giúp cho.

Phật mới dạy trời Đế Thích niệm câu "Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa," và lại bảo:

- Ông niệm câu chú này rồi, cũng nên đem dạy cho binh tướng ông đều niệm câu ấy, thì tất cả khổ nạn đều được giải trừ.

Đế Thích trở về bèn đem câu chú ấy dạy cho các binh tướng của mình. Trước khi cùng A-tu-la đánh nhau mỗi người đều niệm "Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa." Một khi niệm câu chú trên thì không biết tại sao mà tất cả binh tướng của Tu-la đều bị đánh bại. Nhờ đó, Đế Thích mới khôi phục lại được oai thế của mình.

Tóm lại, A-tu-la chính là chúng sanh hay sân hận và ưa đấu tranh. Thời kỳ này chính là thời đại của Tu-la, vì thế mới xảy ra thế giới đại chiến. Hiện tại chính là thời đại mà A-tu-la có quyền lực rất lớn. Người nào thường hay nổi nóng, giận hờn thì tương lai có thể sanh làm A-tu-la, cũng có thể hiện tại là A-tu-la rồi. Nếu có thể sửa đổi tánh hờn giận, tu hạnh nhẫn nhục thì có thể thoát được chuyển sanh vào loài A-tu-la.

"Ca-lâu-la" (Garudas) tức là chim đại bàng cánh vàng, chuyên ăn thịt rồng. Thứ chim này rất to lớn,

cánh nó vươn ra có thể lớn đến ba trăm do-tuần. Do-tuần là đơn vị đo lộ trình của Ấn Độ, có ba thứ đại, trung và tiểu do-tuần. Tiểu do-tuần là bốn mươi dặm, trung do-tuần là sáu mươi dặm, đại do-tuần là tám mươi dặm. Ba trăm do-tuần ở đây là ba trăm đại do-tuần, tính ra là 24.000 (hai mươi bốn ngàn dặm.) Cánh nó trương ra quạt lên thì nước biển rẽ làm hai, làm lộ ra con rồng nào nó bèn bắt con rồng đó ăn thịt. Cứ thế ăn mãi, con cháu loài rồng bị bắt ăn gần hết. Long vương không còn cách nào hơn, đành cầu cứu với Phật. Phật đem ca-sa của mình đắp cho Long vương và bảo: "Làm như vậy, như vậy...." Long vương sau khi trở về Long cung, xé y ra làm nhiều mảnh, buộc cho mỗi con rồng một miếng. Làm như thế, chim đại bàng cánh vàng không thể ăn thịt rồng được. Vì ca-sa của Phật diệu dụng vô cùng, có thể giúp rồng thoát khỏi hiểm nạn.

Bấy giờ đến phiên chim đại bàng cánh vàng đi tìm Đức Phật nói: "Ngài cứu loài rồng dĩ nhiên là tốt rồi, nhưng lại làm cho họ chim của con chết đói mất! Chúng con chỉ có ăn thịt rồng, mà bây giờ không được ăn thịt rồng nữa thì phải làm sao đây?"

Bấy giờ Phật thuyết pháp và truyền Ngũ giới cho chim đại bàng.

Chim nói: "Con không sát sanh cũng được, nhưng không có gì ăn chắc chết đói mất!"

Phật nói: "Con sẽ không chết đói đâu. Từ nay trở đi mỗi ngày vào giờ Ngọ, lúc đệ tử ta ăn cơm, sẽ cho các con ăn."

Vì thế sau này hễ ăn trưa, các Phật tử xuất gia trước niệm chú cúng dường rồi mới đưa ra một ít cơm làm phép cho chim đại bàng ăn. Từ đó về sau, chim đại bàng thọ trì năm giới không còn sát sanh nữa, và lại còn làm một vị Hộ pháp của Phật-giáo, tức là một trong tám bộ chúng quý thần hay Thiên long bát bộ.

Trong Phật-giáo, giờ khắc dùng cơm khác nhau: Chư thiên ăn cơm sáng sớm, Phật ăn giữa ngọ, súc sanh ăn sau giờ ngọ, ngạ quỷ ăn vào chiều tối. Từ trước đến nay ngạ quỷ kiếm không ra thức gì để ăn. Khi nó nhìn thấy chúng ta ăn, nó cũng muốn ăn. Một khi thấy chúng ta ăn, khua chén đĩa lách cách thì nó đồ xô tới. Nhưng đồ ăn đưa đến cửa miệng thì biến thành lửa nên nó ăn không được. Đó là do nghiệp báo của chúng quá nặng. Nhưng quý lại cho rằng đó là do người ta dùng pháp thuật làm cho thức ăn đó biến thành lửa chẳng cho nó ăn, bèn sanh ra giận dữ đánh người, hoặc làm cho người sanh bệnh. Vì thế người xuất gia không nên ăn chiều nhằm giờ ăn của quỷ. Buổi sáng là giờ của chư thiên ăn, nếu người xuất gia sáng sớm có ăn chút cháo, hoặc bánh nướng thì để ra một ít thức ăn cho chư thiên hoặc cho quỷ Từ-mẫu.

Quỷ Từ-mẫu La-sát (rakshasa) này trước nay chuyên môn ăn thịt trẻ sơ sinh. Tại sao gọi là quỷ Từ-mẫu? Vì nó có một ngàn đứa con. Nó dẫn một ngàn đứa con đó đi các nơi ăn trộm con nít của người ta để

ăn thịt. Nhà ai có con nít mới sanh liền bị bọn chúng bắt ăn thịt. Làm như thế nên có nhiều gia đình không có trẻ nít. Bấy giờ có người đến cầu Phật, hỏi tại sao phần lớn con nít đều bị mất tích cả. Vậy phải làm sao? Phật biết bọn trẻ ấy đều bị bọn quỷ Tử-mẫu bắt trộm ăn thịt. Một hôm Đức Phật bắt con quỷ nhỏ nhất trong bọn một ngàn quỷ nhỏ ấy nhốt vào trong bát. Quỷ Tử-mẫu về nhà thấy mất đứa con út của mình bèn chạy khắp nơi tìm kiếm, cuối cùng tìm đến chỗ Phật. Nghe tiếng con mình khóc trong bát, quỷ Tử-mẫu vội chạy đến bên bát tìm cách dờ nắp cứu con mình. Nhưng nắp bát nặng quá dờ không nổi, nó bèn chạy về dẫn 999 con quỷ nhỏ còn lại, ráp nhau cùng dờ nắp bát lên mà dờ cũng không nổi, không nhúc nhích chút nào. Bấy giờ quỷ Tử Mẫu mới phân trần với Phật:

- Sao Ngài lại bắt con tôi, nhốt nó vào trong bát mà không chịu trả cho tôi?

Phật hỏi: Người có bao nhiêu đứa con?

- Có một ngàn đứa.

- A! Người có một ngàn đứa con, nay chỉ mất một đứa thôi mà tại sao lại linh quỳnh như thế?

- Dù chỉ mất một đứa, nhưng đối với tôi thiếu một cũng không được.

- Vậy người bắt con người ta ăn thịt, thì thế nào?

- Không phải tôi muốn ăn thịt con nít đâu! Nhưng không có gì ăn, nếu tôi không bắt trộm con nít để ăn thì cả một ngàn đứa con tôi đều chết đói hết.

- Từ nay về sau, người đừng bắt trộm con nít người ta để ăn thịt nữa. Người nên quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, không nên sát sanh! Người nghĩ xem, người có đông con như thế, mà thiếu một đứa còn không chịu được. Ta chỉ bỏ nó trong bát thôi, mà người còn khổ sở như thế! Thế mà bao nhiêu con nít trong thiên hạ người đều bắt lấy ăn thịt thì cha mẹ chúng không khổ sở sao? Người không nên ích kỷ như thế!

Bấy giờ quý Tử-mẫu mới nghe lời Phật, chịu quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới. Đức Phật liền bảo các đệ tử khi ăn cơm thì để ra bảy hạt cơm hoặc một ít thức ăn gì đó cho quý Tử-mẫu ăn. Vì thế lúc để cơm ra mới đọc bài kệ:

*Đại bành kim sí điều,
Khoáng dã quý thần chúng,
La-sát quý tử mẫu,
Cam-lồ đều no đủ.*

Cam-lồ, là vị thức ăn ngon ngọt như nước cam-lồ, dù chúng quý thần đông bao nhiêu cũng đều được no đủ.

"Khẩn-na-la" (Kinnaras), là một trong tám bộ quý thần, vị này cũng là nhạc thần của Ngọc Đế. Trên đầu Khẩn-na-la có mọc một chiếc sừng, nên còn gọi là Nghi thần.

"Ma-hầu-la-gia" (Mahogaras) là con mãng xà lớn, còn gọi là Địa long, cũng là một loại rất hung ác. Ở Quảng Đông Trung Quốc, người ta rất thích ăn thịt

mãng xà. Mãng xà này mập giống như heo nuôi vậy, nhưng có lúc nó cũng ăn thịt người; vì người ăn nó nên nó cũng ăn người.

Vua Lương Võ Đế có vợ là Hy thị. Nhà vua là một tín đồ Phật-giáo, kính thờ Tam Bảo, nhưng vợ ông ngược lại, không kính trọng Phật Pháp Tăng. Do bà ta không kính tin Tam Bảo, nên sau khi chết bị đọa làm con mãng xà lớn có thể nói được tiếng người. Bấy giờ bà ta trở về yêu cầu Lương Võ Đế siêu độ cho. Bà nói:

- Ông có biết tôi là ai không? Tôi chính là Hy thị, vợ của ông đây. Vì không kính tin Tam Bảo, nên chết rồi phải bị đọa làm thân rắn.

Lương Võ Đế nghe nói thế mới thỉnh Chí Công Thiền sư làm lễ siêu độ cho bà. Nguyên Chí Công Thiền sư là người thuở sinh tiền bà Hy thị phản đối nhất, sau khi bị đọa làm thân mãng xà bà lại đến trước ngài Chí Công đánh lễ sám hối. Lúc đó ngài Chí Công có soạn bộ Lương Hoàng Sám. "Lương Hoàng" là Lương Võ Đế, "Sám" là sám hối, có nghĩa là vì Lương Võ Đế mà lay sám này để siêu độ bà Hy thị, vợ của vua. Nhờ công đức lay Lương Hoàng Sám này, vợ của Lương Võ Đế được thoát khỏi thân rắn lớn, sanh lên cõi trời.

Khi Phật còn tại thế, Ma-hầu-la-già quy y Tam Bảo, nên cũng được coi là một Hộ pháp của Phật giáo.

"Nhân và phi nhân..." Nhân là nhân loại chúng ta, phi nhân là chỉ cho tất cả súc sanh. Bồ Tát Quán

Thế Âm nếu thấy có chúng sanh nào đáng dùng thân Thiên long bát bộ để độ thoát, liền hiện ra thân rồng, hoặc thân Dạ-xoa, La-sát... và tất cả những súc sanh phi nhân để thuyết pháp độ họ.

**Đáng dùng thân thần Cháp Kim Cang
để được độ thoát, liền hiện thân thần
Cháp Kim Cang nói pháp độ họ.**

Thần Cháp Kim Cang này là vị thần hộ pháp của Phật-giáo. Lai lịch thần Kim Cang như thế này: Từ rất lâu xa về trước có một vị Chuyển Luân Thánh Vương. Ông ta có một ngàn người con. Tại sao một bà vợ lại có thể sanh đến một ngàn đứa con như thế? Vì bà ta sống rất lâu, sanh ra một ngàn đứa con là chuyện đâu có gì nhiều!

Nhưng ông ta lại cảm thấy chưa đủ, bèn cưới thêm một bà vợ, bà vợ thứ hai này lại sanh ra hai đứa con, tổng cộng ông ta có 1002 đứa con. Tất cả đều đồng lòng phát nguyện. Một ngàn đứa con của người vợ trước phát nguyện:

- Anh em chúng tôi tu hành, trong tương lai nếu được thành tựu, nguyện sẽ tuần tự thành Phật chứ không làm Chuyển Luân Thánh Vương. Chúng tôi cùng nhau đồng lòng rút thăm.

Đức Phật Thích-ca là người rút số 4 nên là vị Phật thứ tư, tương lai các vị Phật thứ năm, thứ sáu cho đến thứ một ngàn sẽ lần lượt ra đời trong Hiền kiếp này. Một ngàn anh em đều phát nguyện thành

Phật, còn con của bà vợ kế cũng phát nguyện. Nguyện như thế nào? Một người phát nguyện:

- Một ngàn người anh của tôi bắt luận khi ai thành Phật, tôi xin làm người đầu tiên thỉnh vị ấy thuyết pháp và cung kính cúng dường Tam Bảo.

Còn vị kia phát nguyện:

- Tôi phát nguyện làm vị Hộ pháp, khi mỗi anh tôi thành Phật tôi sẽ bảo hộ vị ấy, Hộ pháp cho vị ấy.

Vì vậy vị ấy trở thành một vị Kim Cang Hộ pháp, trong tay thường cầm chày búa để bảo hộ Phật-giáo. Mỗi khi có Đức Phật ra đời, vị ấy liền đến ủng hộ Phật-pháp. Còn vị kia là Đại Phạm thiên Vương, mỗi khi có Phật ra đời, vị ấy đều là người thứ nhất thỉnh Phật thuyết pháp.

Này Vô Tận Ý! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này thành tựu những công đức như thế, dùng các thân hình, đạo khắp các cõi nước để độ thoát chúng sanh. Vì thế các ông phải nên nhất tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm này hay ban bố sự vô úy trong mọi trường hợp hãi sợ, nạn gấp. Cho nên ở thế giới Ta-bà này đều gọi Ngài là vị Thi Vô Úy.

Sau khi Đức Phật giảng nói các thứ hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài lại bảo: "Này Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm đã thành tựu những công đức như vừa kể trên. Ngài dùng các thứ thân hình đến mỗi

quốc gia để độ thoát tất cả chúng sanh. Do những nhân duyên như thế, chúng sanh các ông phải nên nhất tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm," chẳng nên có nhị tâm. Nếu có hai lòng là có tâm hoài nghi rồi. "Nhất tâm" là chỉ có một lòng tin thôi. Nếu quý vị có hai tâm thì không có cảm ứng, không có công đức. Vì thế mới nói: "Phải nên nhất tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm." Quán Thế Âm Bồ Tát Ma-ha-tát là vị đại Bồ-tát sẽ ban bố niềm vô úy nếu quý vị ở trong hoàn cảnh hãi sợ nạn gấp, khiến cho quý vị không còn sợ hãi nữa. Vì lẽ đó mà ở thế giới Ta Bà đều gọi Ngài là "Bồ Tát Thi Vô Úy."

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, con nay nên cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm." Nói rồi liền cởi râu chuỗi anh lạc châu báu trên cổ, giá trị trăm ngàn lượng vàng để cúng dường và nói: "Thưa nhân giả, xin nhận pháp thí trân bảo anh lạc này."

Nghe qua lời Phật dạy: "Tất cả chúng sanh đều phải nên nhất tâm thành ý trì niệm, nhất tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm," nên Bồ Tát Vô Tận Ý cũng muốn cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, mới bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Bây giờ con muốn cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Quán Thế Âm có công đức lớn như thế, sức oai thần không thể nghĩ bàn, vì thế con dù đã thành Bồ-tát, con cũng muốn đến Bồ Tát Quán Thế Âm gieo trồng phước báo, con phải nên cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm."

Nói lời ấy rồi, Bồ Tát Vô Tận Ý tháo xâu chuỗi anh lạc quý báu đang đeo trên cổ xuống, cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm không chút nghĩ ngợi. Anh lạc là thứ trân quý rất có giá trị. Thứ trân bảo này bên trong rỗng ruột có thể nhét vật vào được, người xưa thường dùng làm đồ trang sức, xỏ thành một xâu. Xâu chuỗi ngọc này giá trị liên thành. Giá trị bao nhiêu tiền? Giá trị trăm ngàn lượng vàng, bây giờ cời ra cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Vô Tận Ý lại nói:

- Thưa nhân giả, xin Ngài hãy tiếp nhận xâu chuỗi anh lạc pháp thí quý báu này.

"Nhân giả" tức chỉ người nhân từ có đức độ, Bồ-tát với Bồ-tát xưng hô với nhau là Nhân giả.

Chuỗi anh lạc quý báu nguyên thuộc về tài thí, tại sao trong kinh Bồ Tát Vô Tận Ý lại gọi là pháp thí? Bồ thí có ba loại: Tài thí, pháp thí và vô úy thí. Đương khi Bồ Tát Vô Tận Ý cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, trong tâm không cho chuỗi anh lạc này là một thứ rất có giá trị, mà chính là muốn đem đồ vật mình ưa thích thành tâm thành ý cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng tại sao văn kinh lại nói "giá trị trăm ngàn lượng vàng?" Câu này là Tôn giả A-nan khi kiết tập kinh tạng thêm vào. Lúc đó Bồ Tát Vô Tận Ý không hề nói về trị giá nhiều hay ít. Bồ-tát chỉ dùng tâm chân thật của mình để cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm thôi. Hai bên đều không có quan niệm "của cải," nên nó thuộc về pháp thí. Dù là tài thí nhưng cũng biến thành pháp thí. Đây là "dùng tâm ấn tâm" chứ

không phải để ý đến đồ vật đánh giá bằng tiền. Vì thế Ngài yêu cầu Bồ Tát Quán Thế Âm tiếp nhận thứ pháp cúng dường này là xâu chuỗi báu anh lạc.

Lúc ấy Bồ Tát Quán Thế Âm không chịu nhận lấy. Bồ Tát Vô Tận Ý lại bạch với Bồ Tát Quán Thế Âm: "Nhân giả, xin Ngài thương xót chúng tôi mà nhận lấy chuỗi anh lạc này."

Bồ Tát Vô Tận Ý đem chuỗi anh lạc quý báu cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, song Bồ Tát Quán Thế Âm không chịu nhận. Tại sao Bồ Tát Quán Thế Âm không chịu tiếp nhận? Vì Bồ Tát Quán Thế Âm ở dưới tòa của Phật Thích Ca, đến nghe pháp ở hội Pháp Hoa này. Bồ Tát Quán Thế Âm chưa được sự hứa khả của Phật, nên không chịu tiếp nhận sự cúng dường. Hơn nữa, Bồ-tát không có tâm tham, không giống như phàm phu lại nghĩ:

- "À, xâu chuỗi anh lạc quý giá nổi tiếng này, có người tặng ta, không nhanh tay e chậm mất! Nếu người ta đổi ý, không cúng dường nữa thì biết làm sao?" Vì các ngài không có tâm lý đó nên không sợ người ta không cúng dường. Trong tâm các ngài thật ra không có người thí, vật được thí; cũng không có người nhận, cái được nhận. Do đó, có cúng dường hay không cúng dường đối với các ngài đều như nhau. Mặc nhiên Bồ Tát Vô Tận Ý cũng đã có công đức rồi. Nhưng bản thân Bồ Tát Quán Thế Âm không chịu tiếp nhận phần cúng dường đó, lúc ấy Bồ Tát Vô Tận Ý cũng hơi lo! Ngài không phải như một số người

không thật sự muốn cúng dường: "Ngài không muốn nhận thì thôi, tôi cũng không cúng dường nữa. Để tôi mang về vậy."

Cho nên Bồ Tát Vô Tận Ý lại một lần nữa thỉnh cầu Bồ Tát Quán Thế Âm: "Thưa nhân giả! Xin thương xót giúp chúng tôi mà nhận lấy chuỗi anh lạc này." Câu này có nghĩa là: "Thưa nhân giả! Bồ-tát đại từ bi! Ngài nên thương xót giúp tôi! Thương xót Vô Tận Ý tôi và hàng tứ chúng này. Tôi cúng dường Ngài chuỗi anh lạc quý báu này không phải là vì cầu phước cho chính mình, mà là vì bốn chúng đệ tử đây và hết thảy pháp giới chúng sanh. Tôi thay mặt cho chúng sanh để cúng dường Ngài, cho nên xin Ngài hãy thương xót chúng tôi mà nhận lấy chuỗi anh lạc này." "Bốn chúng" tức là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. "Chúng tôi" là chỉ cho tất cả chúng sanh.

Lúc bấy giờ Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: "Ông nên thương xót Bồ Tát Vô Tận Ý này và bốn chúng trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân... mà nhận lấy chuỗi anh lạc này."

Bồ Tát Vô Tận Ý nhất định muốn cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm mà Bồ Tát Quán Thế Âm lại quyết ý không chịu nhận, nói: "A! Lễ vật của Ngài quá quý báu tôi không dám nhận đâu. Tôi không có đạo đức gì để xứng đáng với lòng tin của Ngài. Xin Ngài cứ giữ lấy là hơn!" Bồ Tát Vô Tận Ý nghe Bồ

Tát Quán Thế Âm nói thế càng thêm lo lắng, thậm chí cúi đầu đánh lễ, năn nỉ Bồ Tát Quán Thế Âm. Cứ như thế, một người không nhận cúng dường, một người lại nhất định muốn cúng dường, hai bên đều kiên trì ý mình. Đến lúc đó Đức Phật Thích Ca bèn hòa giải. Phật mới nhìn Bồ Tát Quán Thế Âm, mỉm cười nói: "Này, ông nên thương xót Bồ Tát Vô Tận Ý và bốn chúng đệ tử, chẳng riêng gì bốn chúng đệ tử này, mà còn có trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân... nữa. Ông nên thương xót tất cả chúng sanh ấy mà tiếp nhận sự cúng dường này đi! Đó là thứ pháp bố thí phát xuất từ lòng thành khẩn rất chân thật, ông không nên cự tuyệt hảo ý này!"

Tức thời Bồ Tát Quán Thế Âm thương xót bốn chúng cùng hàng trời, rồng, nhân và phi nhân... nhận lấy chuỗi anh lạc ấy rồi chia làm hai phần: Một phần dâng lên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một phần dâng lên tháp Phật Đa Bảo.

Này Vô Tận Ý! Bồ Tát Quán Thế Âm có sức thần tự tại đạo đi khắp cõi Ta Bà như thế!

Lúc bấy giờ Bồ Tát Vô Tận Ý dùng bài kệ hồi Phật.

Ngay lúc đó, Bồ Tát Quán Thế Âm thấy Đức Phật Thích-ca đứng ra hòa giải, Ngài liền nghe lời Phật, thương xót bốn chúng đệ tử và bát bộ trời, rồng..., tiếp nhận chuỗi báu anh lạc. Nhưng nói tiếp

nhận là tiếp nhận vậy thôi, chứ sau đó Ngài lại chuyển qua cúng dường Phật, đem chuỗi anh lạc ấy chia làm hai phần. Hãy xem Bồ Tát Quán Thế Âm, Ngài đứng là vị Bồ-tát, những đồ vật giá trị lớn như thế mà Ngài cũng không muốn giữ, lại đem một phần cúng dường Phật Thích Ca Mâu Mi, một phần dâng lên Phật Tháp Đa Bảo. Sự có mặt của Phật Tháp Đa Bảo này là do Phật Đa Bảo trong vô lượng vô lượng kiếp về quá khứ, Ngài đã thành Phật rồi, lại từng phát nguyện rằng: "Bất luận là người nào thành Phật, sau cùng nhất định phải giảng Kinh Pháp Hoa. Đợi đến lúc giảng Kinh Pháp Hoa, tôi phát nguyện từ dưới đất vọt lên một tòa tháp Phật Đa Bảo hiện ra trong hư không để chứng minh cho chúng sanh thấy Kinh Pháp Hoa này là rất vi diệu, rất viên mãn và rất tốt đẹp." Cho nên khi Đức Thích Ca thành Phật, trước hết diễn nói Tam-tạng giáo, Phương-đẳng, Đại Bát-nhã, Phật Đa Bảo cũng chưa từng hiện thân. Đến hội Pháp Hoa, đang lúc giảng Kinh này, thì Phật Đa Bảo liền từ dưới đất vọt lên tháp Phật Đa Bảo để chứng minh Đức Thích Ca đang nói Kinh Pháp Hoa. Bây giờ Bồ Tát Quán Thế Âm bèn đem một phần chuỗi báu anh lạc dâng cúng tháp Phật Đa Bảo.

Sau đó Đức Phật Thích Ca lại bảo: "Này Vô Tận Ý! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này có thần thông diệu dụng, thần lực tự tại như ta đã nói ở trước, vậy tất cả chúng sanh đều nên cúng dường, cung kính và xưng niệm danh hiệu Ngài. Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này đạo đi khắp thế giới Ta Bà để cứu độ tất cả chúng

sanh." Sau khi Đức Phật Thích Ca nói lời ấy rồi, Bồ Tát Vô Tận Ý lại dùng kệ để hỏi Phật.

Vì phần kinh văn trước là thể trường hàng (văn xuôi), có chỗ nói rất rõ ràng, lại có chỗ nói không được rõ, nên dùng kệ để nhắc lại một lần nữa. Kệ giống như các loại thi từ ca phú của Trung Quốc, đều phải có thể cách nhất định, hoặc là một câu sáu chữ, một câu bảy chữ, hoặc một câu năm chữ, một câu bốn chữ... không bắt buộc, nhưng cần phải có số chữ nhất định. Trước kia, Phẩm Phổ Môn do Ngài Cưu-ma-la-thập dịch không có đoạn văn kệ này. Về sau có vị Pháp sư khác xem thấy những câu kệ ấy ý nghĩa giống như đoạn văn trước, nên mới thêm vào sau Phẩm Phổ Môn thứ hai mươi năm của Kinh Pháp Hoa.

Thế Tôn đầy đủ tướng tốt

Con xin nay lại hỏi

Phật tử nhân duyên gì

Tên là Quán Thế Âm?

Bồ Tát Vô Tận Ý nói: "Đức Thế Tôn đầy đủ tướng tốt! Bây giờ con lại hỏi về Bồ Tát Quán Thế Âm kia, vị Phật tử ấy do nhân duyên gì mà có tên là Quán Thế Âm?" Vì tướng mạo của Phật rất viên mãn, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cho nên gọi là Đức Thế Tôn đầy đủ tướng tốt, tức là hoàn toàn, không thiếu cũng không dư. Lại cũng có thể hiểu là phước đủ, huệ đủ, là Lương túc tôn. Song, ở đây là nói về ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật là những tướng hảo vi diệu không thể nghĩ bàn.

Bậc đầy đủ tướng tốt

Kệ đáp Vô Tận Ý:

Ông nghe hạnh Quán Âm

Khéo ứng các nơi chốn.

Do Bồ Tát Vô Tận Ý dùng kệ hỏi Phật, nên Phật cũng dùng kệ để đáp câu hỏi của Bồ Tát Vô Tận Ý: "Này Vô Tận Ý! Ông có biết những sự việc và nhân duyên mà Bồ Tát Quán Thế Âm đã làm chưa? Ông phải nên chú ý nghe, ta sẽ giảng nói cho ông. Vì Bồ tát ấy dùng phương tiện khéo léo, quán cơ đầu giáo, tùy duyên nói pháp, ứng bệnh cho thuốc."

Quán cơ đầu giáo chính là quán sát căn cơ của chúng sanh ra làm sao, thích những gì, đáng nói những pháp gì; cũng giống như trước đã nói: "Đáng dùng thân Phật để được độ thoát liền hiện thân Phật nói pháp để độ họ. Đáng dùng thân Đế Thích để được độ thoát liền hiện thân Đế Thích đến nói pháp để độ họ..." Đó gọi là khéo ứng các nơi chốn. Bất luận là căn tánh nào, Ngài cũng dùng các phương pháp thiện xảo phương tiện này để độ họ. Phương pháp ấy có nhất định không? Không có nhất định! Kinh Kim Cang có nói: "Pháp này bình đẳng, không có cao thấp, không có nhất định." Vì thế, là một vị Pháp sư muốn giáo hóa chúng sanh, cũng phải biết rất nhiều đạo lý cùng pháp thế gian để dễ gặp hạng người nào thì nói thứ pháp đó cho thích hợp. Ví dụ gặp một người buôn bán, thì có thể nói: "À này! Bây giờ anh buôn bán có khá không? Gần đây mãi lực của thị trường rất mạnh đấy!" Hoặc gặp một người công nhân thì nói: "Anh

vất vả dữ dằn! Hôm nay chắc được rảnh rỗi?" Phải dùng đạo lý của người công nhân mà nói với anh ta. Anh ta nghe nói liền vui vẻ nghĩ: "À, thì ra cũng có người biết là mình rất cực khổ, rất bận rộn đấy!" Sau đó mới nói Phật-pháp cho họ nghe, họ mới cảm nhận được: "À phải đó! Thì ra Phật-pháp là như thế." Gặp người đi học, thì hỏi: "Anh theo học ban nào? Khoa học? Hóa học hay Văn học...?" Hôm nay có một nhóm sinh viên đến chùa và được nghe giảng Phật-pháp, nghe rồi họ đều rất thích thú, đối với Phật-pháp bắt đầu có ấn tượng. Trong đầu óc các em đã có một chữ "Phật." Chữ "Phật" này sẽ in vào tâm trí các em mỗi ngày một sâu đậm thêm, tương lai các em cũng sẽ thành Phật. Đó chính là khéo ứng các nơi chốn, ứng bệnh cho thuốc, tùy duyên nói pháp. Ấy cũng gọi là:

*Thiện xảo phương tiện độ chúng sanh,
Khéo lấy trần lao làm Phật sự."*

Đem tất cả những việc trần lao ở thế gian chuyển biến thành Phật sự cả.

*Nguyện rộng sâu như biển
Nhiều kiếp không nghĩ bàn
Hầu nhiều ngàn ức Phật
Phát nguyện lớn thanh tịnh.*

Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, khi chưa thành Phật đã phát nguyện đại từ đại bi rộng lớn. Lời nguyện này rộng lớn như thế nào? Sâu như biển cả vậy. Ngài đã trải qua bất tư nghì đại kiếp, tạo ra bất tư nghì công đức, phát ra bất tư nghì nguyện lực như vậy, vì thế Bồ Tát Quán Thế Âm mọi mặt đều là vi diệu không thể

nghi bàn. Ngài đã từng thờ phụng rất nhiều ngàn ức đức Phật, chẳng những ngàn ức mà còn hơn vạn ức nữa, dù trên văn kinh chỉ nói có ngàn ức thôi. Vì lập những nguyện đại từ đại bi ấy, nên cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm cao sâu khó lường. Bồ Tát Quán Thế Âm đã phát những lời nguyện rất thanh tịnh. Nguyện thanh tịnh là thế nào? Thanh tịnh là không có ý tưởng ích kỷ, riêng tư cho chính mình mà là đại công vô tư. Ngài vì chúng sanh phát nguyện, hoàn toàn phát xuất từ tâm từ bi chân chánh, từ tâm từ ái chúng sanh chân chánh.

Ta vì ông lược nói

Nghe tên và thấy thân

Tâm niệm chẳng luống quên

Năng diệt khổ các Hữu.

Đức Phật nói: "Bây giờ ta nói sơ lược về công đức của Bồ Tát Quán Thế Âm này cho ông nghe." Phải là người có căn lành mới có thể nghe được danh hiệu của Bồ-tát này. Nếu người không có căn lành thì cả danh tự của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng không thể nào nghe thấy, huống chi là gặp được thân Ngài. Nói về "thấy thân" thì không nhất định là thấy được nhục thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, mà là có thể thấy được hình vẽ của Bồ-tát này. Hình vẽ ấy hoặc dùng đất đắp lên, hoặc chạm khắc bằng gỗ hoặc bằng sành sứ, cho đến bằng vàng, bạc, đồng, sắt đúc nên; thấy những hình tượng này cũng giống như thấy nhục thân của Ngài vậy. Chúng ta chỉ cần để tâm nơi đó, niệm niệm không quên danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm,

không cho xen tạp vọng tưởng để thời gian quý báu đó trôi qua uổng phí đi. Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm có được công dụng gì? Có thể diệt tất cả khổ của các hữu. "Các hữu" là gọi chung cho Dục-giới-hữu, Sắc-giới-hữu và Vô-sắc-giới-hữu, tất cả gồm hai mươi năm hữu. Hữu (realms of existence) ở đây nói chính là hai mươi lăm cõi trong Tam giới. Có bài kệ về hai mươi lăm hữu ấy như sau:

*"Bốn châu (4), bốn nẻo ác (4)
Phạm vương (1), Lục dục thiên (6)
Vô tướng (1), năm Na-hàm (5)
Bốn Thiên, bốn Không thiên (4)"*

***Giả sử sanh lòng hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Nhờ sức niệm Quán Âm
Hầm lửa biến thành ao.***

Giả sử có người muốn hãm hại, ví như buôn bán chung với quý vị, cùng lên núi với quý vị. Khi đi qua vực sâu muôn trượng, người ấy vì muốn giựt tiền vốn của quý vị bèn sanh tâm mưu hại, xô quý vị rơi xuống vực sâu. Ngay lúc đó, quý vị chỉ cần chí thành xưng niệm: "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát" thì sẽ được bình an vô sự. Người kia dù có xô quý vị rớt trong hầm lửa đi nữa, thì hầm lửa ấy cũng biến thành ao nước. Quý vị không cần phải dùng phương pháp nào khác, cũng không cần phải niệm bất cứ chú gì, chỉ cần nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm thì sẽ có cảm ứng, sẽ được một sức mạnh vô hình đến cứu hộ, cảm ứng này thật bất khả tư nghì. Vì thế chúng

ta ở chỗ nào nơi nào cũng đều niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì tương lai sẽ được Bồ-tát bảo hộ cho. Cảnh giới cảm ứng đó thật là nói không thể hết được.

Hoặc trôi dạt biển khơi

Các nạn quỷ, rồng, cá

Nhờ sức niệm Quán Âm

Sóng mòi không chìm được.

Trôi là trôi nổi lênh dênh theo giòng nước. Nếu như ở chỗ cạn hoặc nước đứng thì không có vấn đề gì, người ta sẽ dễ dàng lên bờ. Nhưng nếu trôi ở giữa biển khơi, nhìn ra mù mịt không biết đâu là bến bờ thì rất nguy hiểm. Trong biển cả thường có rồng độc, cũng có quỷ La-sát, và cá mập ăn thịt người nữa nên rất nguy hiểm. Lúc quý vị gặp những tai nạn này, nếu có thể niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thì dù sóng to cách mấy cũng không thể nào bị chìm chết được, mà bỗng nhiên quý vị sẽ được đưa vào bờ, hoặc tự nhiên trôi tấp vào chỗ nước cạn, hoặc gặp được thuyền khác đến cứu. Những việc này là do Bồ-tát Quán Thế Âm thị hiện để cứu thủy nạn. Cũng giống như hỏa nạn ở trước, nếu quý vị không biết niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thì sẽ rất nguy hiểm.

Sau khi Nhật Bản đầu hàng, vì đất nước vừa trải qua khói lửa chiến tranh nên bệnh truyền nhiễm lan tràn, lúc ấy ở đại lục Trung Quốc chỗ nào cũng có bệnh ôn dịch hoành hành. Bấy giờ Trương Ngọc Giai cùng với một người rất giàu có hùn vốn đi buôn. Hai người cùng ngồi thuyền ra ngoại quốc để mua thuốc tây mang về Hồng Kông bán lại. Trên đường về,

thuyền ra tới biển khơi, anh ta liền xô người bạn xuống biển. Người bạn ấy vì không biết niệm Bồ-tát Quán Thế Âm nên bị chết đuối. Thế là Trương Ngọc Giai một mình chiếm trọn cả số vốn thuốc tây ấy. Khi trở về Hồng Kông, anh ta bán lại được rất nhiều tiền. Anh ta lại còn ngụy tạo thuốc giả để bán, vì thế càng phát tài thêm. Sau khi phát tài rồi thế nào? Đại khái là bị oan oan tương báo, anh ta mắc phải ung thư.

Bây giờ ở Hồng Kông có sáu vị thầy thuốc rất giỏi, đều đoán chắc anh ta nội trong một trăm ngày là chết. Thế là anh ta lật đật đăng báo tìm người cứu mạng, hứa hẹn nếu ai có thể trừ tuyệt được chứng bệnh ung thư thì anh ta tình nguyện tặng hai trăm ngàn Mỹ kim để đền ơn. Hồi ấy, hai trăm ngàn Mỹ kim ở Hồng Kông rất có giá trị, nhưng cũng không có người nào đến bày cách cứu mạng cho anh ta. Bây giờ anh ta mới đến chùa lạy Phật.

Có một hôm, anh đến Tây Lạc Viên hỏi tôi làm sao có thể trừ được bệnh? Tôi nói với anh: "Muốn trừ được bệnh này, anh phải làm nhiều việc tốt, cúng dường Tam Bảo, gieo trồng công đức. Trước tiên anh phải quy y Tam Bảo, có như thế họa may bệnh anh mới đỡ được!"

Vì thế anh ta mới quy y với tôi vào ngày 18 tháng 9 âm lịch năm đó. Sau khi anh quy y rồi, tôi khuyên anh ta nên phát tâm làm việc tốt. Bây giờ đa số các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy y phục chẳng đủ dùng, cũng không có nơi chốn để nương náu. Vì thế tôi mới bảo anh ta cúng dường cho mỗi vị Tăng hoặc

Ni một xấp vải (may được hai bộ đồ tu) và hai mươi đồng tiền Hồng Kông, anh ta bằng lòng với lời yêu cầu đó. Nhưng bây giờ ở Hồng Kông có nhiều vị Thầy, nhất là lão Pháp sư, nghe tin Trương Ngọc Giai quy y với tôi, bèn trở hết thần thông ra. Trở thần thông như thế nào? Vị này tìm bạn hữu, vị kia nhờ thân thích, lân la phan duyên với Trương Ngọc Giai, bảo anh ta đến chùa họ làm việc công đức. Những vị lão Pháp sư này đều là người rất có danh vọng, lại là người có uy quyền trong Phật giáo, nên kết thân được ngay với Trương Ngọc Giai. Vì thế, Trương Ngọc Giai lúc thì đi làm công đức ở chùa này, lúc lại làm công đức ở chùa nọ, thế rồi hai mươi đồng mà tôi kêu gọi cúng dường cho mỗi Pháp sư ở Đại Lục sang anh ta không cúng đủ. Anh ta chỉ cúng dường năm đồng và một xấp vải hạng trung mà thôi. Vì tôi đã nói với quý Thầy quý Sư cô là sẽ cúng dường mỗi vị hai mươi đồng mà bây giờ chỉ có năm đồng thôi thì làm sao đây? Rốt cuộc chính tôi phải lén đi mượn tiền, không để cho người khác biết. Tiền mượn được cộng thêm năm đồng của Trương Ngọc Giai cho đủ hai mươi.

Trương Ngọc Giai không giữ lời hứa là vì bị các vị lão Pháp sư ấy dụ dỗ phan duyên thôi. Số tiền đó trước kia dự tính cúng dường cho chư Tăng Ni, nhưng lại dùng vào việc khác; vì thế tôi cũng không có trách anh ta, việc đó coi như đã qua đi. Lúc trước các thầy thuốc đều đoán anh ta sống không quá một trăm ngày, bây giờ quá một trăm ngày anh ta vẫn còn sống, đến lúc đó các vị Hòa thượng dụ dỗ phan duyên mới nói:

- A! Đó là kết quả do chúng tôi bái sám cho anh đó!

Vị lão Pháp sư kia lại nói: "Đó là do chúng tôi chí thành tụng kinh cho anh đấy!"

Một vị Pháp sư nọ lại nói: "À! Chúng tôi mỗi ngày cầu nguyện cho anh trước Đức Phật đấy!"

Mỗi một vị Pháp sư đều có công hết! Lúc đó tôi không có chút công lao gì cả, tôi cũng không nói với anh ta vấn đề gì hết.

Qua sáu năm, Trương Ngọc Trai vẫn chưa chết, bây giờ tôi đang cất chùa Từ Hưng ở núi Đại Dục, Hồng Kông. Ngôi chùa này đại khái có thể chứa được trên hai trăm người. Nghe tôi cất chùa, với bốn phận là đệ tử, anh ta sai người đem một số tiền đưa cho tôi làm chùa. Tôi không thèm để mắt đến, cũng chẳng mở ra xem, cầm liệng ra ngoài cửa, nói với người ấy:

"Số tiền này có được không chính đáng, không trong sạch, tôi không cần những thứ tiền này, anh hãy cầm về trả lại cho ông ấy!"

Người gia nhân đem tiền về lại, việc đó làm Trương Ngọc Giai sợ quá! Anh ta lại nhờ một vị lão Pháp sư dụ dỗ phan duyên lúc trước tên là Định Tây đến năn nỉ tôi và đưa tiền.

Tôi nói: "Bây giờ công trình làm chùa đã xong, tôi không cần tiền nữa. Anh ta có tiền, có thể làm những công đức phụng khác. Có biết bao nhiêu là chùa, bao nhiêu vị Pháp sư, anh ta thích làm gì thì cứ làm."

***Hoặc ở đỉnh Tu Di
Bị người xô rớt xuống
Nhờ sức niệm Quán Âm
Như mặt nhật trên không.***

Tu Di là tiếng Phạn, dịch là núi Diệu Cao, là núi cao lớn nhất trong vũ trụ. Đỉnh Tu Di ở đây, không nhất định là chỉ đỉnh núi Tu Di, mà là chỉ chỗ rất cao. Nghĩa là giả sử quý vị đang ở trên đỉnh cao chót vót, cao như núi Tu Di vậy, mà bị người xô té xuống, ngay lúc ấy, nếu quý vị có thể niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì sẽ như mặt nhật trên không, tức như là mặt trời đang ở giữa hư không, không thể bị tổn hoại. Chẳng phải chỉ nói ở trên núi cao xô quý vị té chết, mà cũng có thể là có người bảo quý vị leo đến đầu thang, chờ lúc quý vị đến chỗ cao nhất, họ mới chặt phía dưới thang. Bây giờ quý vị muốn lên cũng không được mà muốn xuống cũng không xong; đó gọi là lên không lên, xuống không xuống, tình trạng rất là nguy hiểm.

Cũng như thế, giả sử mọi người đều cung kính quý vị, khen ngợi quý vị đến cực điểm, rồi sau lại không cung kính nữa, làm quý vị chơi với như thể từ trên chót núi Tu Di té ngã xuống. Lúc bấy giờ nếu quý vị có thể niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì sẽ không có phiền não gì cả, giống như mặt trời ở giữa hư không chiếu sáng muôn dặm, không còn có chút phiền não gì, mà trái lại, rất thư thái, rất có định lực, khen chê đều không động tâm. Đây cũng là một ý nghĩa khác của câu "Như mặt nhật trên không."

***Hoặc bị người ác đuổi
Rớt xuống núi kim cương
Nhờ sức niệm Quán Âm
Chẳng tổn đến lông.***

Thế nào là người ác? Đó là người không biết đạo lý, chuyên làm việc giết người, đốt nhà. Lý lẽ của họ là: "Của anh là của tôi, của tôi cũng là của tôi. Tiền của anh là của tôi, tiền của tôi lại là của tôi." Quý vị xem việc đó có đúng đạo lý không? Những người ác đó có cường quyền mà không có công lý. Họ chỉ dùng thế lực để hiếp đáp người khác mà không kể đến công lý là gì. "Rượt đuổi" là quý vị chạy đi đâu, họ cũng theo quý vị đến đó, luôn luôn canh chừng quý vị. Giả sử quý vị bị những người ác như thế rượt đuổi, nhơn một lúc sơ hở không cẩn thận, không chú ý, quý vị bị rơi vào vực sâu muôn trượng của núi kim cương. Nếu quý vị không niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thì sẽ rớt vào trong khe núi, chắc chắn sẽ mất mạng, thậm chí xương thịt tan nát, toàn bộ da thịt gân xương đều nát như như cám, không tìm thấy tử thi đâu cả. Nhưng nếu quý vị có thể niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì ngay đến một sợi lông cũng không bị hao tổn. Quý vị thấy có kỳ lạ không chứ! Núi kim cương biểu thị cho vách cao muôn trượng, cứng rắn phi thường, rắn chắc như là kim cương vậy. Khi gặp những sự nguy hiểm như thế mà quý vị có thể niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì nhất định có đại cảm ứng - Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ đến cứu độ quý vị, khiến cho việc rủi hóa may, gặp hung hóa cát, nguy mà không nguy, hiểm mà chẳng hiểm.

***Hoặc gặp oán tặc vây
Cầm dao muốn gia hại
Nhờ sức niệm Quán Âm
Đều liền khởi từ tâm.***

Phía trước đề cập đến người ác là những người còn có chút kiêng dè, không phải là hại người công khai. Oán tặc nói ở đây chính là kẻ ngang nhiên đánh cướp của cải, giết người đốt nhà, không việc ác nào chẳng làm. Những gì chúng ta gặp phải đều có quan hệ nhân quả đời trước. "Oán tặc" chính là những người có oán hận với ta, hoặc là đời trước ta từng trộm cắp đồ vật của họ, hoặc giết hại họ, hoặc có điều không phải với họ, cho nên đời này mới gặp nhau liền biến thành oán tặc. Ấy gọi là: "Giết người phải thường mạng, thiếu nợ phải trả tiền." Quý vị giết người ta, người ta cũng sẽ giết lại quý vị; quý vị cướp của người, thì phải trả tiền lại cho họ. Tất cả mọi thứ đều có sự quan hệ liên đới.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từng nêu lên một công án.

- Ngài nói: "Tôi đời đời kiếp kiếp giữ giới không trộm cắp, chưa từng trộm cắp đồ vật của ai, lấy gì để chứng minh? Tôi có thể lấy một hạt châu rất đắt tiền để ngay nơi cửa thành, không cần phải canh, mà ba ngày sau vẫn còn nguyên vẹn, không bị người lượm mất. Do đó có thể chứng minh rằng lời nói của tôi là thành thật."

Nhưng vẫn có người không tin, nên Ngài thí nghiệm thử. Ngài lấy một hạt châu quý đem ra cửa

thành thả ở chỗ đông người, dễ thấy nhất. Quả nhiên ba ngày sau, hạt châu vẫn ở chỗ cũ, không bị người nhặt lấy. Đó là do Ngài đòi đòi kiếp kiếp giữ giới trộm cắp rất thanh tịnh, cho nên mới có quả báo ấy.

Vì thế, chúng ta hiện đời nếu gặp oán tặc thì đành phải cam chịu; cho dù bị mất những thứ gì hoặc bị tổn thất gì, đều không cần phải quá buồn bã, mà phải vui vẻ đón nhận, không nên oán trời trách người.

Nhớ lại hồi ở chùa Nam Hoa tôi đã từng gặp phải nạn oán tặc. Năm nọ, trước vía Quán Âm - ngày 19 tháng 9 - một ngày, có rất nhiều thổ phỉ muốn đánh cướp chùa Nam Hoa. Bọn họ đập cửa ầm ầm, nhưng tôi không mở. Một lát cửa sau bị bọn thổ phỉ phá tung.

Lúc đó, trước sau và hai bên đều có thổ phỉ cầm súng chĩa về phía tôi, nói: "Muốn chết cho chết luôn." Có tên hét lên dọa đánh tôi. Nhưng lúc đó tôi không cảm thấy sợ hãi gì cả, nói chuyện với họ rất tự nhiên.

Tôi hỏi họ: "Tại sao các anh muốn đánh tôi?"

Họ hỏi vặn lại: "Tại sao ông không mở cửa?"

Tôi trả lời: "Giả sử anh là tôi, và tôi là anh, hẳn các anh cũng không muốn mở cửa! Tại sao thế? Vì các anh đến đây là để lấy đồ vật của tôi chứ không phải là tặng quà."

Nghe tôi nói thế, họ lại bảo: "Đưa chi phiếu ra đây!"

Lúc đó tôi đang mặc một chiếc áo tràng vá nát, tôi nói: "Các chú xem chiếc áo tôi đang mặc đây này, thì cũng biết tôi là người có chi phiếu không?"

Chúng nhìn qua một lượt, lại hỏi: "Vậy ở đây ai có tiền hả?"

Tôi nói: "Tôi là Giáo thọ của Phật học viện này, các vị kia đều là học sinh cả. Tôi làm Giáo thọ mà không có tiền, thì học sinh làm gì có tiền? Nếu mấy chú không tin thì cứ vào phòng tôi xem thử. Nếu thấy có vật gì đáng giá hoặc có bảo bối gì thì cứ cầm lấy!"

Lúc ấy trong phòng tôi thật ra có hai món bửu bối, mà lại là hai bửu bối "sống." Ấy là một chú Sa-di và một vị Pháp sư. Hai người này khi nghe thổ phi đến kêu cửa, thì tay chân bủn rủn, sợ đến nỗi đi không được, bỏ đến chỗ tôi nói:

"Pháp sư ơi, làm sao bây giờ? Tôi sợ quá đi mất!"

Tôi nói: "Không sao đâu! Quý vị cứ vào phòng tôi, chui đại xuống gầm giường trốn là được!"

Bây giờ tôi lại bảo bọn thổ phi đi vào phòng xem cái gì lấy được thì lấy, cả hai người sợ đến phát run lấy bầy, rặng đánh vào nhau cầm cập! Rốt cuộc bọn thổ phi lại không vào phòng tôi. Ngay lúc đó, có vị Pháp sư thấy tôi nói chuyện với bọn thổ phi có vẻ thân thiện, cũng từ trong phòng bước ra định góp chuyện.

Thầy vừa bước ra, bọn thổ phi thật lạ lùng, vội bước lên chìa súng vào người, vây quanh đòi đánh, làm Thầy sợ hãi đến phát khóc. Lúc đó trong lòng tôi rất khó chịu, tôi nói:

"Ông ấy cũng không có tiền đâu, các ông muốn tiền thì cứ đòi ở tôi đây nè!"

Nhưng bọn thổ phỉ không để ý gì đến tôi, cứ theo ông ta đòi tiền. Ông ta nói:

"Hãy vào phòng tôi mà lấy!"

Nói rồi dẫn bọn thổ phỉ đi lấy hơn hai trăm đồng. Có lẽ là tiền dành dụm được trong bao nhiêu năm, cuối cùng rơi vào tay thổ phỉ.

Qua ngày hôm sau, vị Pháp sư ấy nói với các Tăng sinh rằng:

"Ở chùa Nam Hoa có hơn hai trăm người mà chỉ có vị Pháp sư này là không biết sợ thôi."

Tôi mới nói với các vị ấy: "Không phải chỉ mình tôi đâu, trong chùa có đến bốn vị không biết sợ đây."

Vị thứ nhất là ai?

"Là Lục Tổ Đại sư, Lão tăng nhập định ngồi ở đó như như bất động. Thổ phỉ đến là việc của họ, họ cướp cái gì thì cướp, Ngài không để ý đến."

"Người thứ hai là Hám Sơn Đại sư, Ngài cũng ngồi như lão tăng nhập định, yên lặng không lay động."

"Người thứ ba là Đan Điền Tổ sư, Ngài không có đại định lực như Lục Tổ và Hám Sơn Đại sư, còn ngược đầu lên (vì nhục thân của Ngài lưng hơi còng) nhìn bọn thổ phỉ."

"Người thứ tư mới đến lượt tôi."

"Hoặc gặp oán tặc vây; Cầm dao muốn gia hại; Nhờ sức niệm Quán Âm; Đều liền khởi từ tâm." Khi

gặp bọn oán tặc tôi không sanh tâm lo sợ, mà rốt cuộc bọn thổ phỉ ấy không đánh cũng không bắt tôi gì cả. Tại sao thế? Vì lúc đó tôi đã niệm Bồ Tát Quán Thế Âm; ban đầu họ đối với tôi rất hung dữ, nhưng thấy tôi là một ông thầy tu rách rưới, mới nghĩ: "Ông thầy tu này thiệt đáng thương!" nên phát khởi lòng từ bi mà không gây phiền phức cho tôi.

Hoặc bị khổ phép vua

Sắp bị đem hành hình

Nhờ sức niệm Quán Âm

Dao gãy vụn từng đoạn.

Phép vua thì không vị nể nhân tình. Nếu phạm phải phép vua thì bị chém đầu. Nhưng cũng có người không phạm mà bị bắt chém đầu là do bị vu cáo; do đó, luật pháp của quốc gia có lợi ích cho người mà cũng có khi làm hại người. Lợi ích là bởi có thể trừng phạt những người phạm tội, còn có hại là đối với những người không phạm pháp mà bị người vu khống. Ví như có người làm chứng giả, nói:

"Anh ta làm những việc xấu xa như thế, chính mắt tôi thấy đây!"

Thế rồi các quan tòa cũng không kể là "ba bảy hăm mốt," phán quyết ngay là người ấy có tội, bắt đem chém đầu, nhưng thực ra đương sự không có làm những việc phạm pháp ấy. Luật sư không chánh nghĩa, người phạm pháp rõ ràng có thể biện hộ cho họ thành vô tội, còn người rõ ràng không có tội, lại chứng minh là có tội. Quý vị xem trên thế giới này,

muốn tìm được chân lý thì tìm ở đâu chứ? Trên thế gian này thực ra không có chân lý mà chỉ có cường quyền thôi. Muốn tìm chân lý thì phải tìm ở trong Phật giáo. Cho nên, quý vị hoặc có tội, hoặc không tội, mà vướng phải luật pháp, lúc sắp bị hành hình, trong thời gian ngắn ngủi ấy (chỉ e rằng quý vị sợ quá đến nhũn người đi rồi quên tất cả thôi) nếu quý vị không quá sợ hãi, vẫn nhớ niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, thì ngọn dao sắp chém đầu quý vị sẽ tự nhiên gãy vụn thành từng đoạn, chứng tỏ rằng cổ của quý vị cứng hơn kim cương cho nên dao mới gãy nát như vậy. Nhưng nếu quý vị có lòng hoài nghi, cố ý phạm tội, thì đầu quý vị nhất định bị rơi rụng. Đó là vì đối với Bồ Tát Quán Thế Âm, quý vị không có lòng tin, chỉ muốn thử nghiệm, thì đương nhiên không thể có cảm ứng được. Nếu có lòng tin chân chánh thì tất cả mọi việc đều có cảm ứng.

Hoặc tù cầm già tảo

Tay chân bị xiềng xích

Nhờ sức niệm Quán Âm

Bỗng nhiên được giải thoát.

Thế nào gọi là tù? Theo chữ Hán, tù (囚) tức là người (人) bị nhốt trong bốn bức tường (口). Cầm là ngăn cầm không được tự do. Già nghĩa là cái gông. Phạm nhân chẳng những bị nhốt vào trong ngục mà còn phải mang gông nữa. Cái gông là gồm hai miếng gỗ kháp lại, ở giữa có khoét một lỗ hổng vừa đủ rộng để mang vào cổ và có thể khóa lại để tội nhân không

thể nào trốn được. Tỏa tức là xiềng cùm chân, xích khóa tay.

Như tôi từng nói, phạm người có gia đình phải nên sớm giác ngộ, chớ để cho ba việc lớn giam hãm. Ba việc ấy là gì? Cha mẹ ví như cái gông mang trên cổ, con cái thì như cái còng tay. Đừng cho rằng có con cháu là thích ý, loại còng này một khi mang vào thì cởi không ra. Có vợ thì không khác nào bị xiềng chân lại, cũng không được tự do.

Hôm nay, có một người đệ tử, nói thế này:

- "Tôi mượn của chánh phủ hơn hai ngàn đồng, nếu bây giờ muốn xuất gia thì hai ngàn đồng này không thể trả được, cho nên trước hết phải đi làm để trả xong hết nợ rồi mới quyết định xuất gia được."

Anh ta nói thiệt hay giả tôi không cần biết, tôi chỉ xin nói trước với mọi người là có thể khi anh ta trả hết nợ rồi thì chân lại bị mắc vào một thứ cùm nào đó, nhưng tôi hy vọng là anh ta sẽ không mang cùm để có thể làm một vị nhân thiên sư biểu của nước Mỹ. Tôi đem việc này nói với mọi người để ai nấy cùng cầu nguyện, chúc anh ta được thành công sớm làm lãnh tụ Phật giáo nước Mỹ.

Hiện tại nước Mỹ rất cần người xuất gia, hễ có ai muốn xuất gia, bất luận trước kia họ là người như thế nào, tôi đều nhiệt liệt tán thán, chỉ cần sau khi xuất gia họ có thể tuân giữ quy củ là được. Tôi tận lực đào tạo hàng Trưởng lão cho nước Mỹ, nhưng tự họ không theo kịp vì không có căn bản, rễ chưa bám sâu.

Tuy nhiên, tôi mong muốn vun bồi để trong giới Phật giáo nước Mỹ, mỗi người xuất gia đều là một vị Trưởng lão, thậm chí là một Tổ sư của đạo Phật ở nước Mỹ.

Tay chân một khi bị hình cụ trói buộc, mất hết tự do thì phải làm sao? Chỉ cần niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thì tự nhiên được giải thoát.

Trước đây có một vị Hòa thượng bị dân tộc miền núi (người Dao) bắt được, trói lại nhốt trong phòng. Dân ở đây tánh tình rất dã man, chuyên môn bắt người Hán giết để ăn thịt. Vị Hòa thượng này lúc bình thường rất tin tưởng Bồ Tát Quán Thế Âm, cho nên lúc đó ngài không hề sợ hãi, chỉ nhất tâm niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Ông cứ niệm, niệm mãi, kết quả có một con hổ đến phòng giam của ngài phá tung cửa để ngài tự do trốn thoát. Gặp cảnh nguy hiểm như thế mà lại có thể hóa nguy thành an, cho nên niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm được sự ứng nghiệm không thể nói hết được.

***Chú trở, các thuốc độc
Muốn hại đến thân đó,
Nhờ sức niệm Quán Âm
Người gây lại gánh chịu.***

Chú là niệm chú; Trở cũng giống như chú. Chú có rất nhiều thứ, Mật tông có nhiều chú nhất. Các vị Lạt-ma ở Tây Tạng có một loại chú, chỉ cần niệm trong bảy ngày là có thể khiến người khác chết được. Có thứ chú giết người, có thứ chú làm lợi ích cho người. Chú nói ở đây là thứ chú hại người. Các thuốc

độc là chỉ chung cho tất cả các loại thuốc độc. Khi quý vị gặp phải những loại chú trớ, thuốc độc làm phương hại đến cơ thể, trong tình cảnh đó, nếu quý vị nhất tâm niệm: "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát," thì những chú trớ cùng thuốc độc này chẳng những không thể làm hại được quý vị mà còn trở lại làm hại chính hung thủ.

Xưa kia ở Trung Quốc có một người chuyên môn đoán quẻ và đoán rất đúng. Do đâu mà người ấy đoán được linh diệu như thế? Vì trong thân người ấy có yêu quái ma quỷ giúp đỡ. Thứ ma quỷ này mỗi năm ăn một đĩa đồng nam và một đĩa đồng nữ, do đó ông thầy bói toán này mỗi năm đều phải bắt cóc một đứa bé trai và một đứa bé gái để cúng tế ma quỷ ấy. Năm đó, ông ta bắt được một đứa bé gái mà ở nhà thường được dạy niệm Quán Thế Âm Bồ-tát. Đang lúc bị nhốt trong phòng để chờ ma quỷ đến ăn thịt, đứa bé ấy liền niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Một lát sau, ma quỷ đến và đứng ngoài cửa sổ nhìn vào. Từ mắt của quỷ phóng ra hai luồng ánh sáng chiếu thẳng vào người đứa bé. Đứa bé ấy như miệng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm nên từ trong miệng nó cũng phóng ra một luồng ánh sáng. Bỗng nhiên đứa bé cảm thấy có một cái gì thật lớn từ trên nóc nhà rớt xuống. Ngỡ là yêu quái đến sắp ăn thịt mình, đứa bé sợ quá kêu toáng lên. Đúng lúc ấy, bên ngoài có vị quan đi tuần đêm vừa tới, nghe thấy trong nhà có tiếng con nít kêu khóc cầu cứu bèn phá cửa xông vào,

và phát hiện xác một con đại mãng xà. Con đại mãng xà này chính là loại Ma-hầu-la-già (Maharaga).

Kết quả là người bói toán ấy bị quan phủ bắt, và thẩm vấn: "Tại sao ông bắt bé gái ấy nhốt trong đó?"

Ông ta đáp: "Tôi được một vị tiên giúp tôi bói toán, vị tiên ấy mỗi năm phải ăn một bé trai và một bé gái. Mỗi năm nay tôi đều cúng tế như vậy, nhờ thế vị tiên ấy giúp tôi bói toán rất linh nghiệm, kiếm được rất nhiều tiền."

Thế rồi ông ta bị bắt giam vào ngục, xử phạt theo pháp luật. Vị thầy bói ấy bói toán rất linh nghiệm, nhưng không tính được kết cuộc của chính mình là bị luật pháp trừng phạt và chém đầu răn chúng.

Đó là một thí dụ về: "Chú trớ, các thuốc độc, muốn hại đến thân đó, nhờ sức niệm Quán Âm, người gây lại gánh chịu." Cho nên, hại người rốt cuộc là hại chính mình vậy!

Câu "Người gây lại gánh chịu," ngày xưa Tô Đông Pha đã từng sửa là "Hai bên đều vô sự." Ông ta cho là Phật giáo rất trọng lòng từ bi, nếu nói "Người gây lại gánh chịu" tức là làm hại chính người ấy thì há chẳng phải là thiếu từ bi sao? Câu sửa của ông ta có ý nói: Người niệm chú trớ và người bị trừ ếm thấy đều bình an vô sự. Kỳ thật, ý đó là sai lầm. Tại sao thế? Phật giáo tuy dạy giới sát, phóng sanh, nhưng mà "trừ bạo để được an lành." Trừ ác chính là một mặt của thiện. Giả như không trừ người ác, họ sẽ làm hại đến người lương thiện.

Nếu họ trù ếm, hay dùng thuốc độc hại người mà kết cuộc họ không bị hề hấn chi, há không phải là khuyến khích cho họ sao? Họ không hại được người, nhưng trước sau vẫn có ý muốn hại người. Họ hại không được người này thì lại có ý muốn hại người khác, mà người khác ấy nếu không biết niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì có thể bị chết vì họ! Nếu biết niệm, dĩ nhiên họ hại không được rồi; nhưng người không biết niệm Bồ Tát Quán Thế Âm lại rất nhiều, nên nói "Hai bên đều vô sự" thì không đúng, phải là "Người gây lại gánh chịu" mới không lầm lẫn. Phải khiến cho người ác tự họ chịu đựng một ít khổ, họ nhận lấy quả báo ấy cũng là xứng đáng, để về sau họ tự nhiên không dám hại người nữa.

Hoặc gặp ác La-sát

Rồng độc các quý dữ

Nhờ sức niệm Quán Âm

Thấy đều không dám hại.

Hoặc là quý vị đến nơi núi hoang rừng vắng, chỗ không có bóng người, và gặp phải quý La-sát, rồng độc, hay các loài quý khác. Quý La sát hung dữ phi thường, giống như người Dao ở Trung Quốc chuyên môn ăn thịt người vậy. Rồng độc cũng có thể hại người. Chúng thường chiếm cứ một vùng, hoặc trong ao hồ, hoặc ở sông lớn, hễ có người đi qua chỗ ở của chúng thì bị chúng phun nọc độc, trúng vào phải chết. Có thứ rồng độc lớn, thậm chí hơi một hơi có thể khiến cả thuyền và người đều chạy tuốt vào bụng, thật là lợi hại! Còn quý, thì chẳng phải chỉ có một thứ mà

có rất nhiều, như Đa tài quý, Thiểu tài quý, Vô tài quý v.v..."Đa tài quý" như là các vị Thổ địa, Thành hoàng. Họ tuy đều là quý, nhưng là thù lãnh của quý, cũng như Quý vương vậy. "Thiểu tài quý" là quý nghèo, dù cho có tiền cũng có rất ít. "Vô tài quý" thì thực sự là không có tiền của chi cả. Vậy thì, quý mà còn dùng tiền sao? Thật ra quý không cần dùng tiền, nhưng do tập quán xấu cho nên bọn Đa tài quý khi cai quản những quý khác cũng tham ô. Thiểu tài quý, Vô tài quý cũng giống như người ta vậy, suốt ngày từ sáng tới tối đều mong muốn có thêm được tí tiền. Tuy không cần dùng tiền, nhưng vì bọn họ chấp trước thành thói quen, thành một thứ mê muội, cho nên mới ưa thích tiền. Tiền họ dùng là tiền giấy, ở Trung Quốc người ta thường đốt giấy tiền cho quý chính là muốn mua chuộc, lấy lòng bọn quý.

Nếu quý vị gặp những quý La-sát, rồng độc hoặc các thứ quý thần ấy, quý vị có thể niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thì những ác quý ấy tự nhiên trốn mất. Tại sao thế? Tại vì khi quý vị niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, trong miệng có phát ra ánh sáng, tất cả những loài quý đều sợ ánh sáng nên không thể làm hại quý vị được.

***Hoặc ác thú vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Nhờ sức niệm Quán Âm
Đều vội vàng bỏ chạy.***

Ác thú tức là lang sói, hổ, beo, những dã thú này chuyên môn ăn thịt người. Ở các núi của nước Mỹ không có hổ, nhưng ở Trung Quốc và Ấn Độ thì hổ

rất nhiều. Lúc nhỏ, có lần tôi đi vào trong núi, đi 5, 6 ngày trời vào chỗ không có người ở, có gặp những ác thú ấy. Nhưng tôi rất lấy làm lạ là không biết tại sao chúng không ăn thịt tôi. Răng của ác thú bén nhọn như dao, móng vuốt cứng chắc như móc sắt. Đương khi quý vị gặp những ác thú vây quanh như thế mà biết niệm ngay Bồ-tát Quán Thế Âm, thì bọn chúng chẳng những không dám làm hại quý vị mà còn bỏ chạy tức khắc. Tại sao lại bỏ chạy? Vì Bồ-tát Quán Thế Âm có sức cảm ứng linh thiêng (linh cảm) khiến cho bọn chúng một khi nhìn thấy quý vị, tự nhiên sanh lòng sợ hãi, lật đật trốn chạy xa.

Ngoan xà và phúc yết

Khí độc xông mịt mù

Nhờ sức niệm Quán Âm

Theo tiếng tự bỏ đi.

Ngoan xà là một thứ rắn độc, phần lớn màu đen. Phúc, ở Trung Quốc gọi là Diên xà (rắn mối), thường thấy ở trên diềm mái nhà. Thứ rắn này rất nhiều ở Thái Lan, thường xuất hiện vào buổi tối và ré lên, cũng không sợ người. Nó có bốn chân nhỏ, thường chạy tới chạy lui ở trên mái nhà.

Phúc xà là loại rắn rất độc. Yết tức là bò cạp, nếu ai bị nó đốt thì có thể trúng độc lập tức chết ngay. Bọn chúng đều có khí độc xông mịt mù, thật là độc dữ vô cùng! Thậm chí làm cho người mất mạng như chơi. Dù gặp phải những loại rắn độc như thế, nếu bọn chúng nghe tiếng quý vị niệm "Nam mô Quán

Thế Âm Bồ Tát" thì sẽ đều tự động chạy trốn mất, không dám tác oai, tác quái nữa.

**Mây sấm điện chớp giăng
Tuôn mưa đổ như trút
Nhờ sức niệm Quán Âm
Tức thời được tạnh yên.**

Trên trời thường có các thứ tai hại như mây sấm chớp nháng hoặc mưa đá xối xả. Có những lúc mưa đá lớn bằng nắm tay, có khi lớn bằng trứng gà, có khi hạt mưa nặng đến mấy mươi cân, thậm chí mưa rơi trúng mình trâu, trâu té chết ngay. Nếu rơi trúng thân người, chẳng cần phải nói, hậu quả cũng có thể đoán được. Hoặc lúc mưa gió to ấy, nếu quý vị có thể niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thì không lâu sau, những hiện tượng ấy sẽ nhanh chóng ngưng bật, không còn nữa.

**Chúng sanh bị khổ ách
Vô lượng khổ bức thân
Quán Âm sức trí diệu
Hay cứu khổ thế gian.**

Chúng sanh tức là do các duyên hòa hợp mà sanh ra. Lại nữa, chúng sanh có ngàn trăm vạn loại khác nhau, cho nên gọi là chúng sanh. Cũng có thể giải thích: "Chúng sanh," chính là sanh ra rất nhiều. Quý vị thấy chữ "chúng" (衆) của Trung Quốc, ở trên là chữ "tứ" (四), ở dưới là ba chữ "nhân" (人), ba người hợp lại một chỗ gọi là "chúng." Loài rắc rối nhất trong chúng sanh là loài nào? Chính là "nhân" (loài người). Con người cần phải mặc áo, phải ăn cơm, phải làm việc, biết bao nhiêu là phiền phức,

không kể hết! Nhưng loài có đầy đủ trí tuệ cũng lại là loài người. Những loài súc sanh tuy chẳng có biết bao phiền phức đó, nhưng chúng lại quá ngu si, không có trí tuệ như con người, nên phải bị con người sai khiến và chi phối.

Ở Trung Quốc có câu: Nhân vi vạn vật chi linh.

Người là vật thông minh nhất trong vạn vật. Nhưng thông minh nhất có lúc cũng lại làm việc ngu si nhất, lại tự gây phiền phức cho mình, chính mình đánh nhau với mình. Thế nghĩa là sao? Tức là lúc "bị khốn ách." Chữ "khốn" này hàm ý:

Thiên hạ bốn vô sự, dung nhơn tự nhiều chi

(Thiên hạ vốn bình yên, kẻ khờ tự khuấy động)

Vì thế mới có vô lượng nỗi khổ. Không có cơm ăn là khổ, không có áo mặc cũng khổ, không có nhà ở cũng khổ, biết bao nhiêu là khổ, kể mãi không hết! Suốt ngày vì áo, cơm, nhà ở; cả đời vội vội vàng vàng vì tìm kiếm sự ăn mặc, thậm chí cướp cái này giựt cái nọ chỉ để duy trì sinh mạng cho chính mình. Tại sao phải duy trì sinh mạng cho chính mình? Cũng nhân vì bị "khổ" bức bách, kết quả phải chiêu lấy vô lượng khổ bức thân!

Bồ-tát Quán Thế Âm có sức trí tuệ vi diệu bất tư nghì, có thể cứu giúp mọi khổ nạn của thế gian; vì thế chúng ta làm người, gặp bất cứ sự việc không vừa ý nào, chẳng cần phải lo rầu khổ não, chỉ cần niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, thì mọi vấn đề đều có thể từ từ giải quyết. Chỉ cần quý vị có lòng thành đối với Ngài

thì Bồ-tát Quán Thế Âm chắc chắn sẽ đến giúp đỡ quý vị ngay.

**Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Các cõi nước mười phương
Không chỗ nào chẳng hiện.**

Sức thần thông là gì? Thần thông gồm có sáu loại.

- Thứ nhất là Thiên nhãn thông. Với Thiên nhãn, quý vị có thể thấy được những động tác của các thiên nhân ở cõi trời Tam thập tam (Đao Lợi).

- Thứ hai là Thiên nhĩ thông. Với Thiên nhĩ, quý vị có thể nghe thấy tất cả âm thanh của mười phương thế gian trong loài người cũng như ở cõi trời.

- Thứ ba là Tha tâm thông, khả năng biết được ý nghĩ của người khác.

- Thứ tư là Túc mạng thông, khả năng biết rõ nhân quả các đời trước.

- Thứ năm là Thần túc thông, cũng gọi là Thần cảnh thông, tức là khả năng bay đi, biến hóa một cách tự tại.

- Thứ sáu là Lậu tận thông.

Thứ thần thông này không dễ gì đạt được. Tất cả quý thần đều có năm thứ thần thông đầu, chỉ riêng Lậu tận thông này là họ không có được. Bồ Tát Quán Thế Âm có đầy đủ trọn vẹn sáu thứ thần thông này, nên gọi nói là "Đầy đủ sức thần thông."

Rộng tu trí phương tiện, do chữ "rộng" này mà biết Ngài không phải chỉ tu một pháp môn, mà còn tu các pháp môn khác nữa. Giống như chúng ta bây giờ không chỉ nghe kinh, mà cũng học Phật pháp, học Hán văn, lại học chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi; chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi học xong rồi lại đến Đại Bi sám. Đại Bi sám mà chưa hiểu rõ, lại phải học nữa! Ấy gọi là "học không chỗ dừng, chỉ siêng đến bến." Chúng ta phải nên học tập theo tinh thần "rộng tu trí phương tiện" khi tu nhơn của Bồ Tát Quán Thế Âm mới được. Ở các quốc gia trong mười phương, không có một nước nào mà Bồ Tát Quán Thế Âm không hiện đến. Bất cứ chỗ nào cũng đều hiện đến, nên Bồ Tát Quán Thế Âm đối với tất cả chúng ta đều có duyên. Chỉ cần ai chịu niệm danh hiệu của Ngài thì Ngài sẽ bảo hộ người ấy. Nếu không niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì sao? Đương nhiên là Ngài đành sẽ bỏ mặc quý vị thôi! Tại sao thế? Vì quý vị và Ngài không có chút quan hệ nào cả! Ngay cả danh hiệu của Ngài quý vị cũng không muốn biết, cũng không muốn niệm, Ngài bèn nói:

- "À, nó không muốn làm bạn với ta, ta cũng không nên để ý tới những việc không đâu của nó."

Nếu muốn làm bạn với Bồ Tát Quán Thế Âm, thì phải niệm cho nhiều "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát." Một khi quý vị niệm danh hiệu Ngài, thì Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ nói:

- "À, ta lại có thêm một người bạn nữa. Được! Người bạn mới này của ta nếu có việc gì, ta sẽ đến giúp đỡ."

Có người muốn biết Thiên nhãn thông làm sao chứng được. Có rất nhiều phương pháp. Quý vị chuyên tâm tụng chú Lăng Nghiêm cũng có thể được Thiên nhãn thông; hoặc quý vị tụng chú Đại Bi và tập theo bốn mươi hai Thủ Nhãn của Đại Bi Pháp, cũng có thể được Thiên nhãn. Quý vị cố thức để học tập Phật pháp, cũng có thể được Thiên nhãn thông, nhưng phương pháp ấy rất nguy hiểm, tôi hy vọng là mọi người sẽ không áp dụng. Tại sao thế? Quý vị có lẽ còn nhớ là khi tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm, có đề cập đến Tôn giả A-na-luật, vị đại đệ tử mà chuyên môn ngủ gật. Về sau Ngài bị Phật quở là:

- "Ái chà ngủ nghỉ hoài, như ốc sên sờ hén, ngủ suốt cả ngàn năm, không nghe được tên Phật."

Nghe Phật trách như thế, Ngài nức lòng ra sức dụng công, không ngủ nữa. Liên tục không ngủ suốt bảy ngày đêm, cặp mắt Ngài bị mù. Đức Phật thương tình mới dạy Ngài tu Kim Cang Chiếu Minh Tam Muội, kết quả Ngài được tôn là Thiên nhãn bậc nhất.

A-na-luật là tiếng Phạn, Trung Quốc dịch là Vô Bần (không nghèo). Tại sao Ngài có tên này? Vô lượng kiếp quá khứ về trước Ngài là một người mới phát tâm Bồ-đề, dù chưa làm đệ tử của Phật nhưng đã biết ý nghĩa của bố thí. Bấy giờ, Ngài là một người nông phu rất nghèo khổ. Gần nhà Ngài, ở trên sườn núi có một vị Tỳ-kheo đã chứng quả Bích-chi Phật cư

ngụ. Vị Tỳ-kheo già này cứ cách bảy ngày mới xuống núi hóa trai một lần, mỗi lần chỉ hóa trai ở bảy nhà thôi, tuyệt đối không hơn nữa; nếu bảy nhà đều bố thí cả thì mới đủ ăn trong bảy ngày; nếu như có một nhà không bố thí thì ngày ấy nhịn đói. Dù hóa duyên không được gì cả thì vẫn qua bảy ngày sau mới xuống núi lần nữa.

Có một hôm anh nông phu ấy ra ruộng, và mang theo phần cơm chuẩn bị cho bữa ăn sau khi cày xong, thì thấy vị Tỳ-kheo nghèo ấy xuống núi hóa duyên mà không xin được thứ gì cả, bèn nảy sinh lòng bố thí. Anh ta suy nghĩ rằng:

- "Hôm nay mình đừng ăn cơm, để đem cơm này cho vị Tỳ-kheo nghèo ấy đỡ lòng!"

Anh nông phu ấy hoàn toàn không biết vị Tỳ-kheo già kia là bậc Thánh nhơn chứng quả Bích-chi Phật, nhưng vị Tỳ-kheo già lại có Tha tâm thông, sau khi quan sát nhân duyên mới nghĩ:

- "À, ta đã biết tại sao anh ta đem cho ta thứ cơm hẩm này rồi? (Đó là một thứ cơm nấu bằng một thứ gạo xấu và rẻ tiền nhất mà người nghèo khổ mới ăn). Thì ra anh ta không có tiền, mỗi ngày phải ăn thứ cơm này đây. Hôm nay biết ta hóa trai không được gì cả, mới đem bố thí cho ta, công đức này thật không thể nghĩ bàn."

Vị Bích-chi Phật rất hoan hỷ, khen ngợi người nông phu:

- "Như thị, như thị! Anh đã cúng dường bằng tấm lòng rất chân thật."

Nói xong, vị Tỳ-kheo đi trở về núi.

Sau đó một thời gian, anh nông phu thấy có một con thỏ chạy về phía mình, đột nhiên nhảy lên vai anh ta và đeo dính cứng, gỡ không ra. Sợ quá, anh ta lật đật chạy về nhà tìm cách gỡ thỏ xuống. Khi gỡ ra được, anh ta nhìn kỹ lại thì là con thỏ bằng vàng. Anh ta mới cắt một khúc chân của thỏ đem bán đổi lấy tiền. Về sau coi lại, thấy chân của thỏ đã mọc lại như cũ. Nhờ thế anh ta phát tài, từ đó về sau, đời đời kiếp kiếp đều có của tiền dư dả, không hề thiếu thốn nữa. Đó là do anh ta cúng dường vị Bích-chi Phật với tâm chơn thật, cho nên mới được quả báo to lớn như thế; đời đời kiếp kiếp đều được "Vô Bản," không còn nghèo túng nữa. Đó là lý do vì sao Tôn giả A-Na-Luật được gọi là "Vô Bản."

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói:

"Cúng dường một trăm người làm ác, không bằng cúng dường một người làm lành.

"Cúng dường một ngàn người làm lành, không bằng cúng dường một vị cư sĩ thọ trì ngũ giới.

Cúng dường mười ngàn cư sĩ thọ trì ngũ giới, không bằng cúng dường một vị Sa-di thọ trì mười giới.

Cúng dường một trăm ngàn vị Sa-di không bằng cúng dường một vị Tỳ-kheo.

Cúng dường một triệu vị Tỳ-kheo cũng không bằng cúng dường một vị chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Cúng dường mười triệu vị Tu-đà-hoàn không bằng cúng dường một vị chứng Nhị quả Tư-đà-hàm.

Cúng dường một trăm triệu vị Tư-đà-hàm không bằng cúng dường một vị chứng Tam quả A-na-hàm.

Cúng dường một trăm tỷ vị A-na-hàm không bằng cúng dường một vị chứng Tứ quả A-la-hán."

Nhưng, quý vị cúng dường vô số không đếm được vị A-la-hán cũng không bằng cúng dường một vị vô tu vô chứng.

Bậc vô tu vô chứng là ai? Đó là Phật. Thế mà quý vị cúng dường hằng hà sa số đức Phật vẫn không bằng cúng dường một vị vô tâm Đạo nhân.

Tôn giả A-na-luật cúng dường một vị Bích-chi Phật mà được đời đời kiếp kiếp không nghèo khổ, lại giàu có phi thường - chẳng làm Thái tử con vua thì cũng làm con của một nhà giàu sang trên toàn thế giới. Cho nên chúng ta muốn đời đời kiếp kiếp khỏi phải nghèo khổ thì hãy cúng dường Tam Bảo, tương lai sẽ có cơ hội được giàu sang. Nhưng khi quý vị giàu sang thì lại có vấn đề khác.

Đó là:

"Bần cùng bố thí nan, phú quý học đạo nan"

(Nghèo hèn bố thí khó, giàu sang học đạo khó)

Ngài A-na-luật tại sao lại được giàu có? Bởi vì Ngài đang nghèo khổ mà lại có thể bố thí, hy sinh phần cơm trưa của cá nhân mình để cúng dường Tam Bảo - nhờ một niệm chân thật mà được vô lượng

phước báo. Thông thường người nghèo chính mình còn ăn không đủ no, nếu đem bố thí thì không có gì để ăn nữa, cho nên nói "bố thí khó."

Còn giàu sang thì sao? Thì "học đạo khó." Những người giàu sang có tiền, quý vị kêu họ đi học Phật pháp họ không đời nào chịu đâu! Đó là hai trong hai mươi thứ khó [xin xem Kinh Tứ Thập Nhị Chương] chúng ta cần nên chú ý.

Các loài trong đường dữ

Địa ngục, quỷ, súc sanh

Khổ sanh già bệnh chết

Lần đầu khiến dứt sạch.

Đường dữ (evil destinies) hay ác đạo chính là những nơi bất thiện, và chẳng phải chỉ có một mà có rất nhiều.

Tổng quát thì có bốn loài là:

- A-tu-la,
- Nga quỷ,
- Súc sanh,
- Địa ngục.

A-tu-la thì như trước đã giải thích rồi, họ chính là đấu tranh kiên cố; những loại chúng sanh thích đấu tranh đều thuộc vào A-tu-la. Địa ngục do đâu mà có? Ấy là do nghiệp chướng của mỗi cá nhân chúng ta mà hình thành. Quý vị tạo tội ác gì thì sẽ có địa ngục tương ứng với tội ác đó hiện ra. Địa ngục lại chia ra rất nhiều thứ.

Kinh Địa Tạng nói:

"Ngục lớn có mười tám, kể đó có năm trăm ngục nhỏ, lại có hàng ngàn trăm vô lượng vô biên địa ngục."

Địa ngục có phải giống như nhà tù ở thế gian không? Do người ta làm ra cái nhà rất chắc chắn, chờ khi có người phạm tội thì đem nhốt vào đó chẳng? Không phải thế! Địa ngục là do tội ác của mỗi cá nhân mà hiện ra. Quý vị tạo ác nghiệp sát nhân thì sẽ có địa ngục sát nhân hiện ra; tạo tội ác đốt nhà thì sẽ có địa ngục đốt nhà hiện ra. Bởi tạo ác nghiệp gì thì sẽ có địa ngục đó hiển hiện, vì thế chủng loại địa ngục không có nhất định. Đến khi trả nghiệp xong rồi thì địa ngục ấy sẽ tự biến mất. Nghiệp chưa hết thì địa ngục vẫn còn.

Tại Mãn Châu nơi sinh quán của tôi, ở huyện Du Thợ có vị "Lưu tiên sinh tay heo," ông ta có thể nhớ được việc trong ba đời trước của mình.

Đầu tiên, ông ta là một người con có hiếu đối với cha mẹ, sau đó được đầu thai làm con nhà giàu. Cha ông ta hơn bốn mươi tuổi mới sanh được đứa con trai là ông. Đến năm ông ta mười ba tuổi, cha mẹ cưới cho ông một cô vợ lớn hơn ông một hay hai tuổi. Cha ông ta tuy đã trên năm mươi nhưng vẫn còn cường tráng lại cưới thêm một cô vợ lẽ, cô vợ này suýt soát tuổi con dâu. Lưu tiên sinh có vợ không đầy hai năm, sanh được một đứa con trai. Đợi cho con mình mười ba tuổi, ông ta lại cưới vợ cho con, cô con dâu lại lớn hơn con ông mấy tuổi. Chẳng bao lâu, cha mẹ ông ta

lần lượt qua đời, chỉ còn lại người vợ lẽ của cha ông thôi. Ông ta thấy bà vợ lẽ của cha quá đẹp bèn chiếm luôn làm vợ mình. Sau đó không lâu, con ông ta lại chết, ông ta lại thấy cô con dâu dung mạo cũng mỹ miều bèn lấy dâu làm vợ nột. Thế là, bà má nhỏ cũng là vợ, nàng dâu cũng là vợ tuốt; đó gọi là "trên thì giết mẹ, dưới thì giành dâu." Lúc đó ông ta chừng hai mươi tám hay hai mươi chín tuổi thôi.

Đến chừng quá bốn mươi tuổi, ông ta mới bắt đầu tỉnh ngộ, tự nghĩ: "Ôi, cả đời mình gây ra tội ác quá nhiều! Lấy mẹ kế làm vợ, bắt con dâu làm vợ, thiệt là tội không phải nhỏ!"

Bấy giờ ông ta mới tu tập, tin Phật, tụng kinh, chuyên trì Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Tụng được mười mấy năm, đến lúc ông năm mươi mấy tuổi thì chết. Chết rồi thần thức ông đến trước vua Diêm La. (Vua Diêm La là ông vua quản lý tất cả quỷ ở địa ngục, rất là dữ tợn, mặt đen sì sì không vị nể ai hết). Vua Diêm La hỏi:

- Tại sao cả đời ngươi toàn làm ác cả vậy? Bấy giờ phải thả ngươi vào ngục dầu sôi, dùng vạc dầu để chiên ngươi mới được!

Nói rồi kêu hai con quỷ kéo ông vào ngục vạc dầu, bấy giờ có vị phán quan ở kế bên nói: "Không thể được!"

- Tại sao? Vua Diêm La hỏi,

- Tại vì ông ta có tụng Kinh Kim Cang. Bây giờ bụng nó đầy Kim Cang trong đó. Phải cho ông ta mửa hết kinh ra rồi hãy đem đi nấu dầu.

Thế là vua Diêm La cho ông ta đầu thai làm người. Ông đầu thai vào một gia đình rất nghèo, cha mẹ chuyên bán đồ điếm tâm. Đứa bé sinh ra đặc biệt từ nhỏ rất thích ăn uống, ăn uống đến nỗi bụng tích lại càng lúc càng to. Đến chừng đứa bé năm tuổi, vì bụng trưởng quá lớn mà chết. Sau khi đứa bé chết, cha mẹ nó cùng bàn với nhau: "Bụng thằng bé này tại sao lại lớn quá vậy? Chắc là có cái gì trong đó. Chúng ta mổ ra xem thử!" Họ bèn mổ bụng đứa bé ra, thấy trong đó có một vật cứng như đá kim cương. Con quý ở kế bên nói: "À, bây giờ thì bắt nó đem nấu dầu được rồi đấy!" Nó bèn dẫn ông ta về gặp vua Diêm La, vua nói:

- Bây giờ, bắt nó đầu thai làm heo trước đã!

Ông ta lại đầu thai làm heo, được người ta vỗ béo rồi đưa đi làm thịt. Sau đó, ông ta lại trở về địa ngục để chờ đem đi nấu dầu. Ông ta nói với vua Diêm La:

- Ngài không cần nấu tôi nữa, cho tôi về nhân gian đầu thai làm người đi! Và xin Ngài lưu lại cho tôi một bàn tay heo làm bằng chứng để tôi khuyên người đời không nên tạo nghiệp ác.

Vua Diêm La nói: Thế cũng được!

Thế là ông ta đầu thai vào nhà họ Lưu. Người ta vì thấy ông có một bàn tay hình thù y hệt cái móng heo nên gọi ông là "Lưu tiên sinh tay heo." Vị này chính tôi có gặp và nói chuyện rất nhiều với ông ta,

nên biết ông ta nhớ được việc đời trước của mình rất rõ ràng. Đó là nhân duyên ác thú (ác đạo) được tạo thành. Địa ngục là nơi rất nguy hiểm, hy vọng mọi người đừng nên tạo ác nghiệp, nếu không thì khổ báo khó tránh.

Lại ở Hợp Nhĩ Tân (Harbin), Mãn Châu, có một vị sư, có lần Thầy bị bệnh nặng, cảm thấy mình chết. Sau khi chết, thần thức theo đường cái chạy đi, chạy đến nơi cách chùa không xa để đầu thai. Đầu thai làm gì? Làm con heo. Khi thấy mình bị làm heo, bèn chẳng chịu bú để chết đói. Sau khi chết đói, thần thức trở về lại nơi thân Thầy. Vừa tỉnh lại, vị Pháp sư nói:

- A, mình mới đầu thai làm heo đây mà!

Người kế bên hỏi: Ngài đến nơi nào đầu thai làm heo thế?

- Bây giờ tôi cảm thấy bớt bệnh nhiều! Để tôi đưa ông và quý Thầy cùng đến đó xem. Ở đó vừa chào đời bảy chú heo con, tôi là một trong số bảy chú heo con đó. Tôi cố ý không bú nên mới chết đây.

Tiếp đến vị sư ấy cùng với các Thầy khác đồng đến nơi đó, quả nhiên có một gia đình kia vừa có bảy con heo nhỏ ra đời, trong đó có một con heo con vừa mới chết.

Đó là vị sư ấy tự nhớ được lai lịch của mình, vị này tôi cũng đã có gặp. Do đây có thể thấy, được sanh làm người thật không phải dễ, thân người của chúng ta thật rất khó được.

Cho nên có câu:

"Thân người khó được, Phật pháp khó nghe."

Quý vị tính thử xem, tại nước Mỹ trong hàng ngàn vạn người có mấy ai được nghe Phật pháp? *"Thiện tri thức khó gặp."* Quý vị muốn gặp một vị Thiện tri thức chân chánh hiểu rõ Phật pháp cũng không dễ đâu. Có những vị tự xưng là Thầy mà ngay cả chính mình cũng không biết đạo lý, họ có giảng đạo lý cho quý vị thì cũng chỉ là nói năng nói cuội mà thôi.

Nga quý, cũng là do nghiệp lực của chúng chiêu cảm nên mới mắc phải quả báo làm nga quý như thế. Về nga quý tôi đã giải thích rất nhiều lần - bụng chúng lớn như trống, cổ lại nhỏ như kim. Những đồ ăn của chúng ta một khi đến miệng của nga quý thì biến thành lửa ngay. Tại sao lại biến thành lửa? Vì nghiệp chướng của chúng quá nặng cho nên hễ thức ăn gì tới miệng đều biến thành lửa cả.

Nói đến vấn đề nghiệp chướng, thì chúng sanh ở cõi trời thấy nước là pha lê; loài người thấy nước là nước; cá thấy nước là nhà, lấy nước làm cung điện của chúng; quỷ thấy nước là lửa. Mỗi loài đều có cảnh giới không giống nhau. Đó đều là do nghiệp lực chiêu cảm nên, cho nên cái thấy cũng không giống nhau.

Vừa rồi tôi có nói đến vị sư đầu thai làm heo. Lại cũng có người đầu thai làm gà, làm bò, làm ngựa v.v... Những người lúc sống không hiểu thảo cha mẹ, không cung kính sư trưởng thì tương lai sẽ có quan hệ liên đới với loài súc sanh. Còn những người thích ăn

thịt, tức là đang có sự dây dưa với "sức sanh", thì tương lai cũng rất là nguy hiểm. "Các loài trong đường dữ" là bao gồm cả bốn ác đạo nói trên.

Ngoài cái khổ của sanh, lão, bệnh, tử, con người còn có ba thứ khổ nữa là:

- Khổ khổ,
- Hành khổ và
- Hoại khổ.

Khổ khổ chính là khổ trong khổ, giống như người nghèo nàn khốn khó đã không có tiền, không có cơm ăn, lại không có nhà ở, kiếm việc làm không được, thật là khổ càng thêm khổ. Nỗi khổ trong khổ ấy người ta không thể chịu nổi. Thế thì người giàu có không khổ sao? Người có tiền càng khổ sở hơn! Có người nói: "Thầy nói đạo lý ấy tôi không tin đâu." Quý vị không tin tôi cũng nói như thế, mà tin tôi cũng nói như thế. Tại sao? Quý vị thấy có tiền nhiều, từ sáng đến tối cứ nghĩ: "Ta có nên đem cọc tiền này gởi ngân hàng không? Đem số tiền này đi buôn bán. Đem số tiền này làm..." Tóm lại, khi có tiền đếm không hết thì phiền phức như thế đấy! Đếm tới đếm lui, đếm đến tóc bạc, răng long, mắt mờ, tai điếc, cũng chưa rồi! Đếm mãi không rồi, quý vị nói thế nào đây? Sẽ có vấn đề đấy. Nhân vì có quá nhiều tiền, suốt ngày cứ đếm tiền mãi, đếm tới đếm lui, rủi ro bị bọn thổ phỉ biết được, tới lại chúng phá cửa xông vào, bao nhiêu của cải để dành bấy lâu bị cướp sạch sành sanh. Đó gọi là Hoại khổ đấy. Thứ hoại khổ này so với khổ

nghèo túng lại càng tệ hại hơn. Bởi vì người nghèo túng khổ quen rồi, không cảm thấy khổ bao nhiêu. Nhưng giàu sang mà bỗng nhiên bị tiêu tan hết thì cái khổ ấy thật là quá mức. Nhất là với người già, tiền bạc không có, tất cả đều không như ý. Đó cũng gọi là Hoại khổ.

Thế thì, người không giàu cũng không nghèo, chắc là không có khổ gì? Cũng vẫn khổ. Còn khổ gì nữa? Đó là Hành khổ: Người ta từ nhỏ rồi lớn, lớn rồi già, già rồi chết, niệm niệm đổi dời không dừng nghỉ. Cho dù không có nghèo cùng khốn khổ, không có hoại khổ của giàu sang thì cũng có hành khổ. Ba thứ khổ này không một ai tránh khỏi được.

Lại còn có *Tám khổ*. Ba khổ đã không ít rồi lại còn chồng chất thêm tám khổ nữa! Sự thật thì "khổ" không chỉ có tám mà thôi, thực ra có đến hàng ngàn, hàng vạn, ngàn ngàn vạn vạn khổ, đếm không hết.

Khổ nhất chính là làm người; làm súc sanh sung sướng hơn làm người nhiều. Vậy chớ làm gì mới không khổ? Chỉ có làm Phật mới không khổ thôi!

Tại sao làm súc sanh sướng hơn làm người? Loài súc sanh chẳng phải lo cái ăn, cũng chẳng phải lo cái mặc, lo chỗ ở. Chúng có điều kiện sinh hoạt thiên nhiên, không phải lo lắng gì, quý vị thấy có phải không? Chỉ có loài người là khổ đủ thứ, chẳng phải chỉ tám mươi bốn ngàn mà cả ngàn ngàn vạn vạn khổ nữa. Bây giờ chúng chỉ nói về tám khổ là: Sanh, lão, bệnh, tử, ân ái xa lìa, oán thù gặp gỡ, cầu mà không

được, năm âm xỉ thanh. Trong tám khổ này, quý vị xem thứ nào khổ nhất? Đó là *sanh khổ* đây! Nếu không có sanh thì các thứ khổ kia làm gì có.

Hỏi: Sanh khổ là khổ như thế nào?

- À, tôi biết là quý vị đã quên thứ khổ ấy rồi. Bây giờ tôi xin nói cho quý vị rõ: Sanh này là do tinh cha huyết mẹ kết thành, lại do thân trung ấm đến đầu thai mà có. Khi còn ở trong bụng mẹ, 4 tuần lễ đầu chưa có cảm giác chi, đến tuần lễ thứ 7 mới có hiểu biết. Lúc đó nếu mẹ ăn cái gì lạnh, quý vị như ở giữa núi băng, khó chịu vô vàn; nếu mẹ ăn thức gì nóng, quý vị như trong vạc lửa, nóng bức không chịu nổi. Đó là những nổi bức bách vì lạnh nóng trong thai mẹ. Lại có lúc mẹ vận lưng khom mình, quý vị cảm thấy như bị Thái sơn đè xuống, còn mẹ thẳng lưng lên thì cảm thấy rất là thoải mái. Đến chừng sanh ra thì còn khổ hơn nữa. Ngay lúc ấy, quý vị khổ sở như bị ép giữa hai trái núi chẳng khác nào cái khổ bị núi ép ở địa ngục, nên quý vị mỗi khi chào đời đều khóc ré lên: "Khổ a! Khổ a! Khổ a!"

Lúc sanh ra thì đau đớn như con rùa sống bị lột mai, nhưng khi lớn lên lại quên hết nỗi thống khổ ấy đi. Rồi tuổi già lật bật đến, *cái khổ của già nua* cũng không kém phần tệ hại. Lúc tuổi già, tai điếc đặc, người ta mắng cũng không hay; mắt bị mờ đi, nhìn vật gì cũng không rõ. Đó là tai và mắt bắt đầu "đình công" rồi đó. Lưỡi tuy còn đó mà răng đã rụng rồi. Trước đây tôi có gặp mấy cụ tám, chín mươi tuổi và hỏi:

- Cụ có thấy ai rụng lưởi chưa? Tại sao răng của cụ rụng hết vậy?

Ông ta nói: "Chưa! Ông có thấy chưa?"

- Tôi lại càng không thấy. Cụ từng ấy tuổi mà chưa thấy ai rụng lưởi thì nhỏ tuổi như tôi đây làm sao thấy việc lạ ấy được!

Tôi lại hỏi ông ta: "Cụ có biết tại sao lưởi cụ không rụng không? Tại sao trên đời này không có lưởi rụng mà chỉ có răng rụng?"

- "Tại sao thế?" Ông ta hỏi.

- Vì răng quá cứng nên phải gãy rụng. Lưởi sô dĩ không rụng là nhờ lưởi mềm. Cụ tuổi tác đã cao cũng không nên cứng rắn quá. Nếu cứng rắn quá thì sẽ giống như răng có thể rụng đấy, nên học mềm một tí.

Thế thì răng rụng có khổ gì? Đương nhiên là ăn mất ngon, nhai thức ăn không có thấy mùi vị. Thức ăn đó vào miệng người khác nhai rau rầu bất thềm, còn vào miệng mình nhai không nổi, muốn cắn thì cắn không đứt, trệu trạo nuốt vào bụng lại trở thành khó tiêu. Quý vị nghĩ có khổ không chứ?

Còn trên mặt thì da nhăn hết, ấy là "tóc bạc da mồi," da thịt trên mặt giống như da gà, sần sùi nhăn nhúm khó coi. Còn tóc thì bạc trắng. "Tóc bạc" đối với người Mỹ thì không phải ngụ ý tuổi già. Vì người Âu Tây, trẻ con mới sanh tóc đã có màu trắng rồi. Đó không phải là tóc bạc của tuổi già mà là tóc trắng của thời son trẻ. Tuy nhiên, đó chỉ là trường hợp đặc biệt thôi. Tóc trắng của người già là từ tóc đen đổi màu.

Tóc đen có thể đổi thành trắng, mà tóc trắng không thể đổi thành đen, nhưng có lúc cũng có thể đổi được.

Hồi ở Hồng Kông, tóc của tôi đều bạc cả. Tại sao thế? Vì tôi cất chùa, sửa ba ngôi chùa. Ôi, sửa đến hao tổn biết bao tâm thần, làm cho tóc đổi thành bạc cả. Về sau tôi tự mình xét lại: "A! Thế là đủ rồi! Không cần phải hao phí tâm lực nữa!" Từ đó cái gì cũng buông bỏ hết. Sau đó, từ từ tóc trở lại màu đen. Cho nên bất cứ việc gì cũng không cố định. Bây giờ quý vị nhìn lên đầu tôi xem, chỉ có một ít tóc bạc, không nhiều lắm!

Khổ về sự già không dễ gì chịu được. Quý vị nếu không tin thì cứ thử xem. Đợi đến lúc quý vị già mới biết mùi vị của nó. Quý vị không ngại sống đến bảy, tám mươi tuổi, hoặc tám, chín mươi tuổi, thậm chí đến một trăm tuổi; bây giờ, quý vị ăn thứ gì cũng không biết mùi. Chừng đó quý vị mới biết: "À, hồi trước có vị Thầy nói già rất khổ, mình không tin, bây giờ mình mới biết, quả đúng không sai."

Lúc đó quý vị lại muốn tu hành, thì quá muộn không kịp nữa.

Sự bình đẳng nhất chính là *bệnh khổ*. Bất cứ ai cũng đều có bệnh khổ cả, không bệnh nhiều thì cũng bệnh ít. Nhức đầu thì đầu khó chịu, đau chân thì chân bứt rứt, thân đau thì thân không an. Bệnh lại có quá nhiều thứ, như có bệnh đau bao tử thì ăn vào khó chịu, nếu có bệnh phổi thì ho hen không ngớt. Tóm lại, ngũ tạng: tim, gan, tỳ, phổi, thận, hễ có bệnh thì đều khổ cả.

Cái khổ nhất chính là khổ "chết". Có người nói: "Chết khổ à? Tôi không biết mùi vị nó như thế nào? Tôi muốn biết trước." Vậy thì quý vị cứ thử chết trước một lần xem, nhưng không có ai dám bảo đảm là quý vị sống lại được, cho nên một lần thử đó cũng không thử được. Chết thì dễ, nhưng chết rồi đi về đâu? Đó là một vấn đề trọng đại. Sau khi chết rồi đọa địa ngục ư? Hay làm súc sanh? Hay làm người? Đâu có ai dám bảo đảm điều đó!

Sanh, già, bệnh, chết đều là khổ. Vì sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni muốn xuất gia? Cũng chính vì Ngài biết được sanh, già, bệnh, chết là những mối khổ không dễ gì chịu đựng. Lúc Ngài mười chín tuổi, có một hôm đi du ngoạn đến cửa thành phía Đông, nhìn thấy một người phụ nữ đang chuyển bụng, bèn hỏi người tùy tùng: "Đó là cái gì vậy?"

- Đó là sanh đứa bé! Người tùy tùng đáp.

Thấy đứa bé lọt lòng khóc thét lên mà thiếu phụ cũng đau đớn quá mức, Thái tử thấy lòng không vui, bèn trở về hoàng cung.

Ngày thứ hai Thái tử đến cửa Nam, thấy một cụ già, tóc đều bạc trắng, mắt mờ đi, lưng còng xuống không thể đứng thẳng được, chân run lẩy bẩy, không thể bước vững, khổ sở trăm bề, bèn hỏi người tùy tùng:

- "Người bị gì vậy? Tại sao lại như thế?"

Người tùy tùng thưa: "Người ấy đã già rồi, tuổi tác quá cao nên mới ra nông nổi."

Thái tử cảm thấy không vui, lập tức trở về cung.

Ngày thứ ba, Thái tử lại đến cửa Tây, gặp người đang quần quai vì cơn bệnh, bèn không vui trở về.

Ngày thứ tư, Thái tử lại đi tham quan ở cửa Bắc. Gặp một người chết, Ngài hỏi kẻ tùy tùng: "Người ấy làm sao thế?"

- Người ấy chết rồi!

Ngài lại cảm thấy buồn bã phi thường, mắt thấy sanh, già, bệnh, chết là con đường mà nhân loại phải đi qua, rất là khổ sở, thật không có ý nghĩa gì cả. Nghĩ thế Thái tử định quay trở về cung. Ngay lúc đó bỗng xuất hiện một vị Sa-môn, tức là người xuất gia. Thái tử lại hỏi: "Người ấy là ai thế?"

Kẻ tùy tùng đến hỏi vị Sa-môn ấy: "Ông là ai thế?"

Vị Sa-môn đáp: Tôi là người xuất gia, tu học theo Phật đạo để có thể lìa cái khổ của sanh, già, bệnh, chết.

Thái tử nghe nói tu hành có thể lìa sanh thoát tử thì rất vui vẻ, lại hỏi vị Sa-môn: "Tôi cũng có thể tu hành giống như Ngài được không?"

- Ai cũng có thể tu được. Vị Sa môn đáp: Bất cứ ai cũng đều có thể xa lìa khổ sanh, già, bệnh, chết cả.

Sau khi trở về cung, tôi lại Thái tử cùng với người giữ ngựa là Xa-nặc lên vượt thành ra khỏi cung điện, để xuất gia tu hành. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhân vì biết được sanh, già, bệnh, chết không có ý nghĩa gì. Cũng không biết sanh từ đâu đến? Chết rồi lại đi về đâu? Cho nên Ngài phát tâm xuất gia, đến Tuyết sơn ngồi tu sáu năm, nhân đó mà tránh được khổ sanh già bệnh chết.

Còn con người ư? Ai cũng có thể sanh ra nhưng không ai tránh khỏi cái chết. Mọi người tương lai đều phải chết, có người chết lành có người chết dữ, mỗi người đều có một cách chết, không ai giống ai. Có người chết vì bệnh, có người chết vì đói, có người làm công việc quá sức mà chết, có người bị xe cán chết, có người bị đá núi lăn đè chết, hoặc theo người đi đánh lộn bị người đánh chết, hoặc đi tác chiến bị chết ở mặt trận, hoặc ngộ độc mà chết, hoặc là tự sát mà chết. Có người không muốn chết mà chết, có khi muốn chết lại không chết. Cho nên, đồng là một tiếng "chết" mà cách chết không giống nhau. Tuy cách chết không đồng mà quả báo trong tương lai sau khi chết thì sao? Cũng không giống nhau! Ví như có người chết đột ngột, như bị xe tông, bị nước cuốn, bị lửa thiêu - tức là bất đắc kỳ tử - thì hồn phách của họ Diêm Vương không biết đến, quý cũng không biết đến, vậy họ được tự do sao? Nói là tự do nhưng là tự do của quý chứ không phải là tự do của người. Người được tự do có lúc còn không theo quy củ hưởng là quý? Quý được tự do cũng có thể không theo quy củ; người chết đột ngột (bất đắc kỳ tử) lại bất kể khác thế chỗ cho mình.

Ví dụ, tại một đoạn nào đó trên xa lộ từng xảy ra tai nạn đụng xe chết người thì trong vòng ba năm thế nào cũng có người bị tông chết ở đó. Tại sao thế? Tại vì hồn quý chết bất đắc kỳ tử kia đang chờ sẵn ở đó, nó nhất định phải làm cho người khác bị tông chết để nó được đi đầu thai, nếu không như thế nó phải ở mãi

chỗ đó, không được thác sanh. Nếu là người tự sát hay uống thuốc độc mà chết thì phải vào địa ngục chịu những hình phạt cực kỳ đau đớn. Chịu những hình phạt nào? Khi còn sống nếu uống thuốc độc mà chết, thì xuống địa ngục phải uống thứ nước sắt nấu chảy. Thứ nước đó rót vào bụng, tới đầu ruột gan cháy tới đó. Sau khi bị cháy chết rồi, gặp luồng gió mát thổi qua lại được hồi sinh. Sống lại rồi lại phải uống thứ nước sắt ấy cháy ruột gan chết đi, rồi gặp gió sống lại. Cứ thế, chết đi sống lại để tiếp tục thọ khổ, lại chết đi, liên miên không ngớt. Nếu quý vị có thể niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì các khổ não về sanh, già, bệnh, chết sẽ dần dần tiêu tan.

Ngoài bốn khổ trên, lại còn có khổ vì "ân ái xa lìa." Thứ "ái" này mọi người đều biết. Có người yêu sắc đẹp, có người yêu tiếng tăm. Người yêu tiền cũng chính là yêu lợi. Ví như có người rất giàu, dự tính buôn bán lớn để kiếm lời, nhưng buôn bán thất bại cụt cả vốn, tiền cũng hết sạch. Người ấy chia lìa với lợi, y đâu muốn lìa tiền, nhưng tiền đã không còn nữa, cũng là một loại khổ thương mến phải xa lìa. "Sắc" là vấn đề của trai gái, trai yêu sắc đẹp của gái, gái yêu sắc đẹp của trai, hai đảng yêu mến nhau nhưng vì đời trước gieo trồng nhân quả không tốt nên tình yêu này không thể kéo dài lâu được. Trong tình trạng đó, nửa chừng phải gãy đổ thôi. Trong thời gian xa nhau ấy, nếu không có tình yêu chân chính thì chia tay cũng không sao; nếu có một thứ tình yêu chân chính mà

chấp trước thì sẽ đau khổ vô cùng. Đó là thứ ái biệt ly khổ của yêu sắc đẹp.

Lại còn có ái biệt ly khổ của yêu tiếng tăm. Thứ tiếng tăm này tại sao lại có biệt ly được? Có người nói như thế này: "Danh là sinh mạng thứ hai của con người." Họ cho rằng danh tiếng là sinh mạng thứ hai của mình, nếu sinh mạng thứ hai ấy một mai bị phá vỡ thì trở thành danh tiếng bị mất hết. Xưa nay không muốn bị mất danh, nhưng vì nhất thời làm bậy, danh dự bị tiêu tan. Đó cũng là một thứ ái biệt ly khổ vì danh.

Thứ ái biệt ly khổ này rất nhiều. Ví dụ vợ chồng dù không có chia cách, nhưng đứa con sinh ra tướng mạo đẹp để lại thông minh, nên họ yêu quý cưng chiều coi như báu vật. Bỗng nhiên báu vật ấy chết đi, bấy giờ mới khóc lóc vật vã đau đớn vô cùng. Đây cũng là một thứ ái biệt ly khổ. Hoặc có người rất có hiếu với cha mẹ, rất cung kính mến yêu, không bao giờ muốn rời xa cha mẹ, nhưng rồi cha mẹ lại qua đời. Đó cũng là ái biệt ly khổ.

Hoặc có người gặp hoàn cảnh thuận lợi vô cùng, cha mẹ vợ con tất cả đều tốt đẹp, nhưng chính bản thân mình lại phải chết. Ngay cả giữa anh em bè bạn cũng có sự việc bất như ý này, xưa nay không muốn rời xa mà rồi phải chia lìa; đó cũng là ái biệt ly khổ.

Đã biết rằng ái biệt ly là khổ thì không nên chấp trước vào thứ ái đó nữa, chẳng nên đem thứ ái đó nhắm vào một người nào, mà nên nhắm vào toàn thể chúng sanh, thực hành Bồ-tát đạo để cứu độ tất cả

chúng sanh, chẳng nên cho riêng mình mà hãy nghĩ tưởng đến tất cả mọi người, thì sẽ không có ái biệt ly khổ nữa.

Còn có thứ ái biệt ly này nữa: Có người chấp trước tình ái, không có khổ lại tự tìm cái khổ để khổ. Như có những cặp vợ chồng, suốt ngày cứ lo rầu không thôi. Lo rầu những gì? Lo sợ bà xã họ có bạn trai khác. Thế chẳng phải là không có cái khổ lại đi tìm khổ sao? Cũng có nhiều cô sau khi có chồng rồi, có lẽ là anh chồng quá đẹp trai, nên suốt ngày chẳng lo nghĩ gì khác hơn là chỉ đau đầu lo rầu chồng mình có thêm người đẹp mới, thậm chí lo đến cơm chẳng buồn ăn. Quý vị nghĩ xem như vậy có quá ngu si không? Lại còn có người không yêu thương ai cả, lại yêu chó như mạng sống của mình; có người lại yêu mèo, coi mèo như mạng sống của mình; cho đến đối với tất cả súc sanh hoặc vật chất gì đều nảy sanh lòng yêu thích. Lòng yêu này khi đã phát sanh thì thế nào? Cũng rất là ngộ nghĩnh. Người yêu chó khi chó ấy chết, người yêu mèo đến khi mèo ấy chết, thì lúc đó giống như mạng mình cũng chết theo vậy. Họ khóc con chó con mèo từng con. Đó cũng là một thứ ái biệt ly khổ.

Tóm lại, quý vị đối với bất cứ sự vật gì, nhìn không thấu, bỏ không được, cho đến có cái gì đó đặc biệt mà phải chia cách khiến cho quý vị cảm thấy đau khổ vô cùng, đó gọi là "Ái biệt ly khổ."

Có người nói: "Chỉ yêu thôi mà khổ đến thế ư? À, thế thì tôi không yêu nữa, tôi sẽ ghét tất cả!"

"Ghét" tức là không yêu. Có một thứ tâm chán ghét, oán hận, căm thù; đối với bất cứ sự vật gì cũng đều không yêu cả. Điều đó lại càng sai lầm. Vậy thì, nói yêu là có khổ, còn không yêu thì sao? Cũng khổ như thường! Đó gọi là "Oán tắng hội khổ." Trong trường hợp này, quý vị cảm thấy chán ghét, ghét cay ghét đắng người khác, không có duyên với ai cả, cảm thấy ai cũng không tốt với mình, cho nên quý vị không thích ai cả. Quý vị không yêu người, cũng không yêu chó, mèo lại càng không ưa nữa. Cái gì cũng không vừa mắt, thấy cái gì cũng dễ giận. Thế rồi dời nhà đến một nơi khác, nào ngờ sau khi dời đi, lại gặp người, vật còn đáng ghét, tệ hại hơn trước! Những việc quý vị không muốn thấy, thấy nó càng ghét thêm mà quý vị lại hay gặp. A, kỳ lạ, thật kỳ lạ! Quý vị sợ mèo thì suốt ngày mèo cứ chạy đến với quý vị, đuổi nó vẫn không đi. Còn ghét chó à! Quý vị càng ghét nó lại càng quấn quýt quý vị. Quý vị ghét phải nữ ư? Phải nữ suốt ngày đến gõ cửa tìm quý vị. Quý vị không thích lại phải dời nhà, nhưng đến chỗ nào rồi cũng gặp cùng hoàn cảnh như thế, so với lúc trước càng tệ hại hơn! Nói chung không có ngày nào được an ổn, vui vẻ cả. Quý vị nói có khổ không?

Khổ này từ đâu mà có?

Thực sự là do tự tánh quý vị chiêu cảm nên, vì bởi tự tánh quý vị thiếu định lực. Quý vị ở tại chỗ này thấy mình với hàng xóm không hòa thuận nhau, song dời đến một nơi khác cũng lại không hòa thuận nốt. Đây không phải là người ta không tốt với quý vị mà là

quý vị không tốt với người ta đấy. Bởi tự mình cảm thấy không có duyên với người ta nên người ta cũng thấy không có duyên với mình. Thế thì cảm thấy tốt cũng là khổ mà cảm thấy không tốt cũng là khổ. Vậy thì phải làm sao đây? Phải hợp với Trung đạo. Tóm lại, bất cứ việc gì cũng không nên thái quá, vì thái quá thì cũng như bất cập. Oán tắng hội khổ này thì rất lạ kỳ! Việc gì quý vị càng không muốn thì càng đối đầu với nó. Người không muốn uống rượu, con quỷ rượu lại suốt ngày kề cận bên mình. Người không muốn hút thuốc, con quỷ hút xách lại chạy đến nhà. Người không thích đánh bạc, con quỷ cờ bạc ngày ngày đến rủ rê. Tại sao thế? Chính vì quý vị có oán tắng (ganh ghét), cho nên chúng mới cùng kéo tới làm khổ đấy. Có oán tắng hội khổ cùng ái biệt ly khổ đều bởi không rõ thấu Trung đạo chân chính, vì nghiêng ngả về một bên, rót ở một bên nên mới khổ. Nếu có thể giữ được Trung đạo thì sẽ không bao giờ có khổ.

Tôi tin rằng không có ai chán ghét "tiền" cả, nhưng mà "tiền" này, quý vị càng không ghét, càng yêu thích nó càng không đến. Việc lạ được yêu mà không đến chính là "*Cầu bất đắc khổ*."

Yêu cũng khổ, ghét cũng khổ. Hễ yêu thì có mong cầu, song thường là cầu không được. Có người cả đời mong muốn được phát tài, nên cần cù làm lụng, chịu đủ điều cay đắng. Từ khi lọt lòng đã mong được phát tài, nhưng mãi cho đến lúc chết mà tài vẫn chưa phát, lại làm con ma nghèo. Đó là cầu bất đắc khổ đấy! Có người cảm thấy làm quan rất thú, bèn tìm

đủ mọi cách để được làm quan, nhưng tìm đến hết đời rồi cuộc cũng không làm được, đó cũng lại là cầu bất đắc khổ.

Có người suốt đời cầu danh mà cả đời cầu không được. Có người không có con cái muốn sanh một bé trai thông minh, một bé gái kháu khỉnh, nhưng cầu mãi cầu hoài vẫn không được toại ý, đó cũng là cầu bất đắc khổ. Nhiều người suốt đời, nếu không cầu cái này thì cầu cái kia, mà cái nào cũng cầu không được cả. Có người đi học thì muốn làm Bác sĩ, nhưng vì đời trước không vun trồng căn lành học hành, nên học đến già mắt mờ, tai điếc, đọc hàng tá sách mà học vị Bác sĩ cũng không rớt tới được. Ở Trung Quốc xưa có một vị tên là Lương Hạo, đi học đến 82 tuổi mới đỗ Trạng nguyên, nhưng đỗ Trạng không bao lâu thì chết. Dù cho cầu được, nhưng chưa hưởng thụ được đã chết rồi. Đó cũng là khổ. Cầu Đông không được Đông, cầu Tây không được Tây; nói tóm lại, quý vị mong cầu mà không được toại nguyện. Đó là khổ!

Lại còn có "*Ngũ âm xí thanh khổ*". Ngũ âm là gì? Tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Tâm Kinh nói: "Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc."

Nếu quý vị xem chúng là không thì sẽ không có khổ. Năm thứ sắc âm, thọ âm, tưởng âm, hành âm và thức âm này khi bốc dậy mạnh mẽ phi thường thì rất là khổ, nhưng người ta không rời xa nó được. Bảy thứ khổ trước thuộc về cấu khổ (*khổ như bản*), còn sắc

thọ tướng hành thức này vốn có sẵn bên trong tự tánh, luôn luôn gắn liền với quý vị, muốn lìa cũng không lìa được. Đó gọi là Ngũ ấm xí thành khổ.

Chơn quán thanh tịnh quán

Trí huệ quán rộng lớn

Bì quán và Từ quán

Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.

Chơn quán thanh tịnh quán: Thế nào là "chơn quán?" Tức là quán Chơn không. Chơn không tức là không tướng nhân, ngã, chúng sanh, và thọ giả. Tuy không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng, mà cũng không rời nhân tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Cho nên "vô tướng" không có nghĩa là phải lìa ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, mà là ở ngay tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả ấy không thấy có tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Đó gọi là ngay nơi tướng mà lìa tướng. Cũng như ở trước tôi đã nói:

Mắt xem hình sắc, trong không có;

Tai nghe thanh sự, tâm như không.

Rõ ràng có hình có sắc, tại sao lại "trong không có?" Đó là vì không có chấp trước. "Không quán" này cũng giống như Đại viên kính trí. Ở Đại viên kính trí tuy có vật thì hiện, có tướng thì ứng, có cảnh giới gì thì hiện cảnh giới đó, nhưng nó không lưu lại dấu vết. Chơn không quán của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng như thế.

Thế nào là "thanh tịnh quán?" Vì đối với nhiễm ô mà nói là thanh tịnh. Sao gọi là nhiễm ô? Hễ có chấp trước tức là nhiễm ô, có ái trước cũng là nhiễm ô, có tham trước cũng là nhiễm ô. Sức thanh tịnh thì không có tất cả tham, sân, si; nếu có tham sân si thì không thanh tịnh. Ví dụ như việc bố thí. Thông thường người ta bố thí hay có những tư tưởng này: "Người ấy có quan hệ với ta, người ấy là bạn bè thân thích với ta, hoặc ở cùng xóm với ta. Ta phải bố thí cho họ, giúp đỡ họ." Đa số bố thí cho những người gần gũi mình, có quan hệ với mình, rồi sau mới bố thí cho những người xa hơn. Đã có tâm phân biệt thân sơ xa gần là có tâm trước tướng, thì không thể nào bố thí một cách bình đẳng vô tư được. Đó gọi là "bất thanh tịnh quán."

Bồ Tát Quán Thế Âm không phân biệt nhân ngã, thân sơ, xa gần, Ngài chỉ vì bố thí mà bố thí. Bố thí có chia làm tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí lại có nội tài thí và ngoại tài thí. Ngoại tài là tài sản ở ngoài thân, nội tài là tài sản ở trong thân. Tài thí là đem những thứ mình có bố thí cho người khác - như đem quốc gia thành trì bố thí cho người, đem vợ con bố thí cho chúng sanh. Quý vị xem thế mới là chân thí chân xả! Cho đến tất cả mọi thứ ruộng vườn, nhà cửa, tài sản đều đem bố thí cho cơ sở từ thiện, hoặc bố thí cho người có đạo đức. Đó gọi là bố thí ngoại tài. Nội tài thí là đem thân, tâm, tánh mạng, đầu, mắt, não, tùy cho đến tứ chi xương cốt đều đem bố thí cả.

"Nếu có thể đem thân này để cứu vớt tất cả chúng sanh trên đời, thì tôi xin đem thân thể này bố thí, cống hiến cho thế giới, cho đến tim tôi cũng xin bố thí cho người, sanh mạng tôi cũng xin bố thí cho người. Giả như có người nào cần đầu tôi, tôi sẽ chặt đầu đem đưa cho họ."

Cũng như Ngài Xá-lợi-phất khi tu hạnh Bồ-tát, có người đến xin một con mắt, Ngài bèn móc ngay một con mắt cho người đó. Nào ngờ người ấy nói: "Ngài lộn rồi! Không phải tôi xin con mắt này, con mắt kia kia!"

Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất thối tâm Bồ-đề, nghĩ thầm: "A, Bồ-tát đạo khó tu thiệt!" Ngài Xá-lợi-phất chỉ xả được một nửa nội tài, còn một nửa xả không được. Nhưng Bồ-tát thì nghĩ như vậy: "Nếu có thể đem óc tôi, xương tôi làm thuốc cứu người, thì tôi xin nguyện bố thí hết." Đó là nội tài thí. Phàm những thứ gì thuộc về trí huệ, tinh thần của bản thân mình đều gọi là Nội tài.

Lại còn có Pháp thí, là nói pháp giáo hóa chúng sanh. Thứ bố thí này là bố thí lớn nhất. Ấy là: "Trong các bố thí, pháp thí là hơn hết." Pháp bố thí là trọng yếu nhất, vì thế chúng ta hiện nay (1969) ở Phật Giáo Giảng Đường, Giảng Đường tuy không rộng lắm, nhưng pháp lực cũng không phải nhỏ. Thứ năm thì có Quả Địa giảng, thứ sáu thì Quả Phổ giảng, thứ bảy thì Quả Toàn giảng, và chủ nhật thì giảng phẩm Phổ Môn. Phật Giáo Giảng Đường này mỗi ngày đều bận rộn tụi bụi như thế, tất cả vì pháp quên mình. Vì Phật

pháp, quên cả thân tâm tánh mạng, ngay đến sức khỏe của chính mình cũng không để ý tới.

Mỗi cá nhân suốt ngày đều phải làm việc, tôi là Sư phụ giảng kinh cho quý vị, nhưng cũng phải làm việc như mọi người. Vì quá nhiều công việc phải làm nên mấy hôm nay gân cốt trên thân đều đau nhức cả. Tối hôm qua tôi hơi mệt một chút, không đến nghe giảng được, tại vì làm việc nhiều quá nên mỏi mệt. Nhưng tôi làm Sư phụ có mỏi mệt, lười biếng một chút cũng không sao, vì tôi học tập quá nhiều năm rồi, lười biếng một chút cũng có thể tha thứ, còn quý vị là học trò thì không thể lười biếng được. Bất luận là ai giảng kinh đều phải đến dự nghe. Đến nghe pháp là biểu hiện hộ trì đạo tràng. Người đến nghe càng đông, không khí giảng kinh càng phấn khởi hơn. Nếu ai cũng không đến nghe thì không còn phấn khởi nữa. Cho nên muốn hộ trì Phật Giáo Giảng Đường thì phải đến nghe thuyết pháp, không phải bỏ ra rất nhiều tiền mới là hộ pháp ủng hộ đạo tràng.

Trong quý vị có *Hộ giáo sư, Bồ giáo sĩ, Tuyên giáo sư*. Tuyên giáo sư thì giảng kinh thuyết pháp. Bồ giáo sĩ phải đến khắp nơi bố cáo, quảng bá. Hộ giáo sư thì phải hết lòng ủng hộ đạo tràng khiến cho đạo tràng ngày càng phát triển tốt đẹp hơn. Hộ pháp đạo tràng chính là hộ trì Phật giáo; hộ trì Phật giáo chính là hộ trì Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Đó là trách nhiệm của mỗi cá nhân quý vị. Người phương Tây, đối với Phật pháp, trước kia và cho tới bây giờ, có thể nói là hiểu biết quá ấu trĩ, thực sự không hiểu Phật

pháp. Như có một vài vị ở Mỹ, tự xưng là Trưởng lão, Pháp sư mà hiện nay chúng ta đều biết! Một khi hỏi đến kiến thức Phật pháp của họ thì sao? Ngay cả chính họ cũng không hiểu thế nào là Phật giáo! Hiện nay quý vị đã nghe giảng Kinh Lăng Nghiêm, có thể nói quý vị đã hiểu khá nhiều về Phật giáo. Hiện đang giảng về pháp bố thí, quý vị hãy đem chỗ hiểu biết về Phật giáo của mình giới thiệu cho tất cả chúng sanh và truyền bá cho từng cá nhân một. Vì truyền bá Phật pháp mà quên cả ăn ngủ cũng không sao. Tôi ngày xưa vì quảng bá Phật pháp mà có tình trạng như thế: Có ai muốn học Phật pháp thì tôi giảng giải cho họ quên cả ăn ngủ. Phải giải bày rõ ràng cho họ nghe mới hết trách nhiệm của mình.

Tôi hy vọng các vị cũng làm giống như tôi vậy, làm hóa thân của tôi để hoằng dương Phật pháp, làm bố thí pháp. Bố thí pháp có giá trị hơn là quý vị bỏ nhiều tiền của ra bố thí. Hiện nay quý vị tích cực học tập Phật pháp, có mấy vị muốn xuất gia, đó là việc làm ít có, có thể nói là phá kỷ lục ở nước Mỹ. Có nhiều người như thế muốn xuất gia, muốn làm Tỳ-kheo, làm Tỳ-kheo-ni, đó thật là việc không thể nghĩ bàn. Quý vị phải xây dựng cơ sở và quy củ và đối với tiền đồ của Phật giáo nước Mỹ, mỗi một cá nhân đều nên gánh lấy trách nhiệm.

Phải nghĩ rằng: "Nếu ta còn một hơi thở, thì công việc hoằng dương Phật giáo này còn là trách nhiệm của ta!"

Nếu có người nói họ cũng muốn gánh vác một chút trách nhiệm, thì nên tùy hỷ; không nên nói là tôi gánh lấy trách nhiệm, anh không thể gánh lấy được.

Cho nên nói: Trách nhiệm hoằng dương Phật giáo là bổn phận của mọi người. Không nên thoái thác, quý vị hãy đứng lên, lấy việc hoằng dương Phật pháp làm nhiệm vụ của mình, đó là điều kiện cơ bản của pháp thí.

Ngoài ra, lại còn có Vô úy thí. Như Bồ Tát Quán Thế Âm cứu bảy nạn, giải ba độc, ứng hai cầu, đều là Vô úy thí. Vô úy thí tức là lúc người khác có sự kinh hoàng sợ hãi, sắp phải thiệt mạng mà quý vị có thể hiện thân vô úy, thực hành hạnh vô úy để an ủi họ. Thế nào gọi là hiện thân vô úy? Ví như có người đang kẹt trong nạn lửa, suýt bị chết cháy, nhân bị khói mù vây hãm không biết đông tây nam bắc là đâu, không biết theo con đường nào để có thể thoát ra khỏi đám lửa. Ngay lúc đó quý vị không kể gì đến thân mạng, ra sức nhảy vào đám lửa kéo người ấy ra. Việc này có thể nói là chẳng dễ gì làm được. Đó gọi là xả thân mạng cứu chúng sanh, cũng tức là Vô úy thí.

Hoặc giả có người bị rơi xuống biển, sắp bị chết chìm. Quý vị thấy thế, cũng không kể gì đến tánh mạng mình, liền hăng hái quyết tâm nhảy xuống nước kéo người ấy lên bờ. Chẳng phải chỉ có nước lửa, cho đến trong nạn đao binh, súng đạn, có người bị bắn hoặc bị thương nơi trận địa, tánh mạng như ngàn cân treo sợi tóc. Trong lúc đó, quý vị hăng hái không nghĩ gì đến thân mình, không quản gì đến sanh mạng chính

mình, nhảy vào chỗ nguy hiểm như thế để cứu người ra. Đó đều gọi là Vô úy thí.

Lại nữa, nếu có người gặp phải các tai ách nguy hiểm như tù tội, giặc cướp..., sinh mạng sắp đến hồi nguy kịch, hoặc đã mê man bất tỉnh, quý vị có thể dùng các phương tiện khéo léo cứu họ thoát khỏi hiểm nguy, đó cũng là Vô úy thí. Tóm lại, ngay khi người ta đang ở hoàn cảnh lo sợ khôn cùng, quý vị dùng tâm từ bi, lòng dũng cảm, phát huy tinh thần đại vô úy, tinh thần không sợ bất cứ thứ gì để cứu giúp tất cả chúng sanh.

Quý vị cũng có thể thực hành Vô úy thí một cách gián tiếp. Cũng giống như Trì Địa Bồ Tát, ngài tuy không phải trực tiếp tu Vô úy thí mà là tu gián tiếp. Ngài tu như thế nào? Ngài biết phàm muốn qua sông thì phải cần có cầu, không có cầu thì qua sông không được, nếu qua liều thì sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Bấy giờ ngài dùng sức mình, bắt chước người xưa, dùng một ít ván hoặc cây gỗ bắc thành một chiếc cầu, khiến người qua sông không bị nguy hiểm.

Tuy có cầu không bị nguy hiểm, nhưng nếu gặp nước lũ, thì thế nào cũng có nguy hiểm đến tánh mạng. Giống như Hư Vân lão hòa thượng khi xuống núi Cửu Hoa để đến chùa Cao Mân dự thiên thất, ngài nhớ ở Định Cảng có bắc một cây cầu gỗ, bèn dò theo lối cũ đi đến đó định qua sông, nào ngờ chiếc cầu ấy vừa mới bị nước lũ cuốn đi rồi. Kết quả là ngài bị rút xuống sông, ở dưới sông đến một ngày một đêm, sau

24 tiếng đồng hồ mới được ngư ông vớt lên bờ. Lúc bấy giờ ngư ông nghĩ bụng:

- "A, phen này phát tài rồi đa! Kéo được một con cá to nặng ơ là nặng."

Nhưng khi kéo lưới lên xem lại, té ra là con cá hòa thượng! Lúc xem kỹ lại, thì không phải là cá hòa thượng mà là Hòa thượng thiệt, có choàng tăng y hẳn hoi nhưng đã hết thờ rồi. Gần đó có một ngôi chùa nhỏ, vị ngư ông ấy liền chạy đến báo với vị thầy trong chùa:

- "Này Hòa thượng! Hòa thượng! Hôm nay tôi đi lưới cá, lưới được một vị Hòa thượng, xin cùng tôi đến đó xem sao." Vị thầy trong chùa nghĩ: "Thiệt là lạ! Tại sao lưới cá lại lưới được vị Hòa thượng kia chứ?" Vị ấy cùng ngư ông đến xem thì ra đó là Lão hòa thượng Đức Thanh! Tiếp đó họ làm cho nước trong bụng ngài ọc hết ra, Lão hòa thượng mới sống lại được. Thật như là sinh mạng có được lần thứ hai.

Sau khi Hư Vân lão hòa thượng bị nước cuốn suýt chết, ngài đi đến chùa Cao Môn dự thiền thất, rồi lâm bệnh nặng. Nhưng Nguyệt Lăng phương trượng không hay biết nên bảo ngài làm đại diện Phương trượng. Hư Lão tự nghĩ: "Ta bệnh như thế này, làm sao có thể thay mặt cho Phương trượng được?" Vì thế ngài không vâng lời. Gia phong của chùa Cao Môn rất nghiêm nhặt - nếu được đề cử mà khước từ thì bị tội khinh mạn tăng chúng. Kết quả ngài bị Nguyệt Lăng hòa thượng phạt đánh bằng hương bảng, từ sáng đến tối phải nhịn đói. Quý vị xem Hư Lão có thể nói là vị

đại Thiện tri thức bậc nhất của Trung Quốc mà còn bị khổ sở không biết bao nhiêu, ở chùa Cao Môn, đi đâu cũng bị người ta coi thường, đối xử rất lạnh nhạt.

Ngài Trì Địa Bồ-tát chuyên môn sửa cầu đắp lộ. Khi ngài Hư Vân sắp tới Vân Nam, trên đường đi gặp một vị Hòa thượng mỗi ngày từ sáng đến tối cầm cuốc sửa đường, không nói một lời nào. Đó cũng là hóa thân của Trì Địa Bồ-tát. Hễ thấy trên đường có miếng ngói hay miếng chai ngài đều nhặt để sang một bên, làm cho con đường được sạch sẽ. Ngài làm cực nhọc suốt ngày như thế mà có ai trả tiền công cho đâu! Không ai trả công mà cứ làm, quý vị có thấy là ngu si không? Nhưng chính vì làm công không như thế ngài mới tu thành Trì Địa Bồ-tát, chứng được cảnh giới Vị bất thoái, Niệm bất thoái và Hạnh bất thoái. Đó cũng là tu Vô úy thí. Pháp môn vô úy thật là rất rộng lớn. Tóm lại, lúc người đang sợ hãi, quý vị nên bố thí sự vô úy.

Một ví dụ gần nhất, như có người đã mấy ngày không có gì để ăn, sắp phải chết đói, trong lòng rất hoang mang sợ sệt! Nghĩ rằng:

-"Chắc là phải chết đói mất! Không tiền mua thức ăn, đi ăn trộm chẳng? Để tù tội à!"

Đang lúc họ ở trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan ấy, quý vị gặp họ, thấy họ mặt vàng gầy ốm, hai chân mềm nhũn, bước đi không nổi. Lúc đó quý vị hỏi họ:

-"Anh sao thế? Bị bệnh phải không?"

Nhất định họ sẽ trả lời: "Bổn, năm ngày nay tôi không có hột cơm nào trong bụng cả."

Quý vị nói: "Được, hãy đến nhà tôi ăn cơm nhé!"

Đừng như người Thiên Tân, hể sáng sớm thức dậy gặp ai đều hỏi: "Anh ăn cơm chưa?"

Người ta đáp: "Chưa!"

Bèn hỏi tiếp: "Chưa à? Vậy về nhà ăn cơm đi!"

Câu "về nhà" của họ không rõ ràng, không biết là về nhà họ? Hay là về nhà mình? Tóm lại, chỗ nào cũng được. Đến nhà tôi ăn cũng được, đến nhà anh ăn cũng được. Vì vậy người chưa ăn cơm cũng không dám chắc là người ta mời mình, bèn nói:

- "Ồ phải, tôi sẽ về nhà ăn cơm."

Người không có y phục để mặc, chịu khổ lạnh lẽo, quý vị cho họ một ít quần áo; người không có nhà để ở, quý vị cho họ nơi ăn chốn ở, đó cũng gọi là Vô úy thí. Nhưng một ngày, hai ngày còn có thể được, chứ không thể ở mãi được. Trung Quốc có câu:

"Có thể cho một lần đỡ đói, không thể cho trăm bữa ăn no."

Cho một bữa cơm thì có thể được, chứ đòi mỗi ngày phải nuôi cơm thì không ai gánh vác nổi. Vì trên thế giới này ai ai cũng phải làm việc, chẳng thể sanh tâm ý lại được. Nếu quý vị có ý nghĩ này:

"Tôi hy vọng có người tu Bồ-tát đạo để tôi khỏi phải làm việc, tới bữa cơm chỉ cần đến nhà một vị Phật tử nào đó kể khổ: Tôi nay không có cơm ăn, xin

quý vị cho tôi một ít 'vô úy thí' khiến tôi không còn lo sợ vì đói ăn, không bị đau khổ vì đói khát nữa!"

Thế là không hợp quy củ rồi. Người ta ngẫu nhiên bị rơi vào hoàn cảnh bất đắc dĩ mới cầu sự trợ giúp nơi người khác thì được, nhưng quý vị còn hơi sức, thì phải cố gắng tự cường, mưu cầu hạnh phúc cho thế giới, chớ không nên tiêu hao vật chất trên thế giới này. Mọi người đều nên giúp đỡ thế giới này, chớ nên ý lại vào nó. Giúp đỡ thế giới này là thế nào? Chính là làm tốt cho mọi người, chớ không đòi mọi người làm tốt cho cá nhân mình. Tức là tôi muốn làm lợi ích người khác mà không muốn người khác làm lợi ích cho cá nhân tôi. Quý vị có ý tưởng hy vọng người khác làm lợi ích cho chính mình, đó chính là tâm ý lại mà không có tâm tự cường.

Mọi người phải nên cố làm việc, cố gắng tự cường, và không nên ý lại vào người khác. Đây là tông chỉ của tôi.

"Thanh tịnh quán" chính là sức quán thanh tịnh, cũng tức là ở tất cả mọi mặt bồ thí, không trụ trước tướng bồ thí. Đó chính là thanh tịnh quán mà không có pháp nhiệm ô. Bồ Tát Quán Thế Âm bồ thí mà không chấp lấy tướng, tất cả lìa tướng, cho nên thanh tịnh. Nếu còn trước tướng thì không thanh tịnh.

Trí huệ quán rộng lớn: Rộng là to rộng, lớn là không có thứ gì so sánh bằng. Bồ Tát Quán Thế Âm có sức quán trí huệ rộng lớn, độ khắp tất cả, giáo hóa chúng sanh.

Bi quán và Từ quán: Ngài lại còn Bi quán. Có người hiểu lầm nghĩa kinh, bèn nói: "Quán Thế Âm Bồ Tát cũng thường hay khóc, không vui, vì ngài Bi quán."

Câu nói này quá lắm lạc! Bi ở đây không phải là bi ai sâu thảm, mà có nghĩa là thương xót. Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh có lòng thương xót chân chánh. Tâm thương xót là thế nào? Ngài thường nghĩ như thế này:

"Những người này thật là đáng thương xót! Ta dùng mọi cách để giáo hóa họ, mà họ vẫn không giác ngộ, vẫn mê muội, nên vẫn điên đảo mãi."

Ngài thương xót chúng sanh như thế, gọi là Bi quán. Vì Ngài thương xót chúng sanh nên luôn luôn muốn cứu độ họ. Giống như quý vị thấy một đứa bé rất là kháu khỉnh lanh lợi, ai thấy cũng thương. Tại sao nó được người ta thích? Vì đứa bé đáng được thương. Thứ tình thương đó gọi là Bi quán. Chớ chẳng phải Bồ Tát Quán Thế Âm không vui, thậm chí suốt ngày khóc lóc buồn bã. Quý vị nếu muốn học theo Bồ Tát Quán Thế Âm thì không nên cả ngày khóc lóc, buồn bã não nuột, mà phải "Luôn sanh hoan hỷ chẳng lo sầu" mới được. Bi quán của Ngài chẳng phải là thứ khóc lóc bi quan yếm thế, vì thế không nên nhầm lẫn.

Từ hay ban vui, Bi hay cứu khổ. "Bi quán" chính là dứt trừ đau khổ cho chúng sanh. "Từ quán" là cho chúng sanh sự vui thích. Thứ vui ban cho này chẳng phải là thứ vui tạm thời mà là thứ vui vĩnh viễn; nó là thứ vui chân chánh, không phải là thứ vui

của thế gian. Thứ vui ấy như thế nào? Tức là ban cho tất cả pháp, khiến cho chúng sanh thực sự hiểu rõ Phật pháp mà không còn làm những việc điên đảo, gây khổ nữa. Đó gọi là ban vui. Thế nào là việc điên đảo? Như người thích uống rượu, uống đến say mềm, cảm thấy như mình biến thành thần tiên. Hiện lộ cái "thần" của mình, đi đứng loạng choạng, ngã xiêu ngã nghiêng, lại cho như thế là hay lắm! Trí óc bị lụt đi, thậm chí không biết gì cả. Quý vị thấy như thế có điên đảo không? Một người khá thông minh, nếu bị sâu rượu chi phối, thì việc gì cũng có thể làm được - giết người, đốt nhà đều dám làm cả.

Có một hôm ở trạm xe bus, có một gã nghiện rượu đến xin tôi tiền để mua rượu uống. Tôi lại nhớ ra một việc cũng xảy ra ở một trạm xe bus. Bấy giờ, có một người da đen đi qua, tôi và anh ta không quen biết nhau. Không biết thế nào mà anh ta chạy đến đánh lễ tôi, không nói một lời nào, lễ xong anh ta đứng dậy bước đi. Người này không phải lạy tôi để xin tiền, mà chỉ quỳ lạy tôi trước mặt bao nhiêu người, lạy xong rồi đi. Cũng không biết anh ta là quỳ hay là thần? Thật là kỳ lạ! Tôi xem anh ta không phải là say rượu, không biết có phải là do một thứ linh cảm mà anh ta đến đánh lễ tôi hay không? Đa số các quỷ thần thấy tôi đều cúi lạy. Mà anh ta, một người da đen lại cung kính quỳ lạy tôi, lạy xong liền đi, không dám nhìn thẳng tôi. Tôi nghĩ chắc có quỷ nhập vào người anh ta.

Uống rượu là như thế, hút thuốc lại càng điên đảo hơn. Tại sao? Lâu nay trong bụng quý vị vốn sạch sẽ, nhưng quý vị lại làm cho nó dơ bẩn đi. Có người nói:

- "Thưa Pháp sư, ngài nói sai rồi. Trong bụng tôi toàn là phân và nước tiểu, không sạch sẽ đâu."

Phải rồi, trong bụng quý vị không sạch sẽ. Song, sự không sạch sẽ đó cũng không hề chi. Một khi quý vị hút thuốc, bên trong cơ thể sẽ có chất nhựa thuốc giống như chất bợn đen xì bám trong ống khói vậy. Quý vị hút vào bụng rồi nhả khói ra, nhưng trong bụng vẫn còn thứ đó, chỉ vì quý vị không thấy nên không biết đẩy thôi. Nếu thấy được, quý vị sẽ biết rằng hễ hút vào một hơi thuốc, thì như phun một lớp khói mờ trên mặt gương; hút thêm một hơi, lại dày thêm một lớp. Xưa nay trong bụng đang sạch trơn nhưng quý vị lại rắc lên một lớp khói bụi. Đó không phải là điên đảo sao? Lại còn hút thuốc phiện nữa, khi hút cảm thấy tinh thần phấn chấn, thậm chí một bước có thể lên trời, như là đăng vân vậy. Đến khi tác dụng của khói thuốc qua rồi, toàn thân cảm thấy uể oải, khắp người khó chịu, không biết phải để cái thân này ở đâu mới thấy dễ chịu! Nhưng lại để đâu cho được? Một nỗi khó chịu khiến họ muốn bò xuống địa ngục cho xong, bởi họ nghĩ ở địa ngục cũng chưa khó chịu bằng như thế. Cho nên quý vị xem, mắc bệnh ghiền rồi, ngay đến địa ngục cũng muốn đâm đầu vào, khổ sở đến thế là cùng. Ngoài ra, vấn đề điên đảo còn rất nhiều. Tôi hy vọng người hút thuốc hãy mau chóng cai đi, người uống rượu mau mau chừa rượu đi; người

biếng lười nên siêng năng một tí, chẳng nên biếng lười nữa; những người chăm chỉ cần kiệm không nên học thói lười biếng, mà nên làm nhiều việc tốt, nhiều việc thiện hơn nữa. Quý vị nếu không làm việc thiện, thì rốt cuộc không có công đức. Quý vị phải làm mới có. Đức là do thiện mà có. Bất cứ làm việc thiện gì, tự nhiên sẽ có đức, tự nhiên không điên đảo. Quý vị chẳng làm việc thiện, lại còn đem tiền đi chơi bời hoang phí, hoặc mua sắm đồ vật không cần thiết, đó là điên đảo. Quý vị đem đồng tiền hữu dụng dùng vào chỗ hữu dụng, gọi là không điên đảo; quý vị đem tiền hữu dụng dùng vào chỗ vô dụng, đó là điên đảo. Vì thế, điên đảo có rất nhiều thứ.

Bồ Tát Quán Thế Âm có thể chỉ cho chúng ta rõ các hành vi điên đảo để chúng ta không còn điên đảo nữa, khiến cho chúng ta đạt được niềm vui chân chính, vĩnh hằng. Đó gọi là "Từ." Bi là hay cứu khổ, không những là cứu quý vị thoát cái khổ tạm thời mà còn cứu thoát cái khổ từ đời đời kiếp kiếp. Chỉ cần quý vị sanh khởi lòng tin. Khi quý vị có lòng tin thì Bồ Tát Quán Thế Âm mới có từ quán, bi quán quý vị. Nếu quý vị không có lòng tin, thì Từ quán và Bi quán của Bồ Tát Quán Thế Âm đối với quý vị chẳng khác nào như nước với lửa, không thể hòa hợp được. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng lòng từ bi bao la đối đãi với quý vị mà quý vị lại lạnh lùng, thờ ơ thì không thể cùng Ngài hòa hợp. Thờ ơ, lãnh đạm tức là không có lòng tin. Nếu quý vị có lòng tin thì sẽ được tương hợp

với Từ quán và Bi quán của Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi đã hợp thì quý vị lia khổ được vui.

Thế nào là chân khổ (cái khổ thực sự)? Có phiền não là chân khổ. Nếu quý vị không có phiền não thì được an lạc. Tại sao quý vị không an lạc? Tại vì quý vị có phiền não. Bồ Tát Quán Thế Âm có thể tiêu trừ phiền não của quý vị, khiến cho quý vị đạt được sự an lạc chân chính.

Thường nguyện thường chiêm ngưỡng: Chúng ta đều muốn thường xuyên được chiêm ngưỡng dung mạo và đức tướng từ bi của Bồ Tát Quán Thế Âm. Chiêm ngưỡng là thường xuyên "quan chiêm ngưỡng vọng" lặng lẽ ngắm nhìn với lòng cung kính, càng nhìn càng ưa thích; đối trước tượng Bồ-tát, năm vóc gieo sát đất, nhất tâm cung kính đánh lễ. Lạy *Đại Bi Sám* chính là một hạnh biểu lộ sự cung kính Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu quý vị không lạy *Đại Bi Sám*, thì cũng giống như người Mỹ không thích cúi đầu lạy vậy. Ngay đến đầu còn không chịu cúi thì làm sao gọi là tin Phật? Quý vị tin Phật là tin Phật nào? Có người nói: "Tôi tin Phật của chính tôi." Nếu quý vị tin ông Phật của chính mình thì không thể có "chính mình" được. Vì quý vị không tìm thấy ông Phật của chính mình, cho nên ông Phật ở bên ngoài quý vị cũng không nhận ra được. Nếu tin vào ông Phật của chính mình thì không thể không cúi đầu lạy. Cúi đầu lạy là biểu thị lòng cung kính thành khẩn nhất. Ngũ thể đầu địa cũng là một hạnh lễ phép. Quý vị ngay cả một phép tắc lễ độ còn không có, thì nói gì đến tin Phật ư?

Trước đây có một ông bác sĩ, có nhiều tin tưởng ông ta, xem ông ta như Phật vậy. Ông ta lại bảo mọi người không nên lạy Phật. Người ta thì lễ Phật, còn ông thì đứng yên như khúc gỗ vậy, nhưng chính ông ta cũng không biết. Tại sao? Vì "ngã tướng chưa không." Người không lạy Phật, thứ nhất là do ngã mạn, cảm thấy mình rất vĩ đại, vĩ đại hơn cả Phật nữa, nên không cần phải lạy Phật. Vì ông ta cống cao ngã mạn nên thấy Phật cũng không lạy. Như vậy thì làm sao học Phật, tin Phật? Thực sự ông ta vốn không hiểu gì về Phật giáo, nhưng đi đến đâu ông ta cũng nói Phật pháp, thật là tai hại quá mức!

***Sáng trong sạch không như
Trời huệ phá tối tăm
Hay phục tại phong hỏa
Chiếu sáng khắp thế gian.***

Bốn câu kệ này thật là kỳ diệu không thể nói! Kỳ diệu như thế nào? Bốn câu kệ này có thể trị được bệnh về mắt. Người nào mắt có bệnh, nếu có thể thường xuyên đọc bốn câu kệ tụng này, thì mắt có thể khá hơn. Nhưng bệnh mắt dù khá, mà quý vị cần phải chính mình phát sanh trí huệ mới có thể trị lành triệt để được. Nếu như chưa phát sanh trí huệ, thì dù cho tạm thời khỏi bệnh, tương lai có thể sẽ tái phát. Trong quyển "Quán Âm Dị Kỳ" có ghi chép việc trị lành bệnh mắt. Làm sao có thể trị bệnh mắt được? Đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn, do nhờ sức oai thần của Bồ-tát Quán Thế Âm gia hộ. Tóm lại, quý vị tin vào lời kinh thì ứng dụng vào bất cứ việc gì cũng đều có

linh nghiệm, hiệu dụng phi thường. Nếu quý vị không tin thì sẽ không có công hiệu. Vì thế trong biển lớn Phật pháp, chỉ có lòng tin mới vào được. Đại pháp của Phật giống như biển cả vô lượng vô biên, mênh mông không biết sâu rộng bao nhiêu? Nếu quý vị có lòng tin thì Phật có thể tiếp dẫn quý vị bước vào.

Sáng trong sạch không như: Thế nào gọi là "không như?" Như là bụi như, cũng là thứ không thanh tịnh. Quý vị không có thứ bụi như không thanh tịnh ấy thì tự nhiên tỏa ra ánh sáng thanh tịnh. Thứ ánh sáng thanh tịnh này là đối với bụi như mà nói. Không có bụi như thì có ánh sáng thanh tịnh; ngược lại, có bụi như thì không có ánh sáng thanh tịnh. Thế nào là không có bụi như? Tức là không có vọng tưởng. Quý vị không có vọng tưởng tức là không có bụi như. Nếu quý vị khởi một vọng tưởng thì có một lớp bụi như, khởi hai vọng tưởng thì có hai lớp bụi như, ba vọng tưởng thì có ba lớp bụi như. Vọng tưởng càng nhiều thì bụi như càng dày.

Người tham thiền thường nói "Minh tâm kiến tánh," minh tâm chính là không có bụi như, kiến tánh chính là thấy được ánh sáng thanh tịnh. Phải không có bụi như mới có thể thấy được ánh sáng thanh tịnh. Nếu có bụi như thì không thể thấy được ánh sáng thanh tịnh. Cho nên "minh tâm kiến tánh" chính là minh bản tâm mình, kiến bản tánh của mình (minh tự bản tâm, kiến tự bản tánh). Tánh của bản tâm như trong Kinh Lăng Nghiêm nói:

"Chân tâm thường trụ, tánh tịnh minh thể."

Chân tâm thường trụ chính là minh tâm; tánh tịnh minh thể tức là thanh tịnh minh thể, cũng là tánh Như Lai Tạng. Minh tâm kiến tánh cũng là rõ biết tánh Như Lai Tạng sẵn có của chính mình. Đó cũng gọi là "không nhớ."

Trời huệ phá tối tăm: Mặt trời huệ tức là trí huệ giống như mặt trời, chiếu tan tất cả hắc ám. Thế nào là hắc ám? Hắc ám rất nhiều, ví dụ: Quý vị không có lòng tin, là hắc ám; không có trí huệ, là hắc ám; không có nguyện tâm, là hắc ám; không có thật hành tâm, là hắc ám. Lại nữa, quý vị không giữ giới luật, chính là hắc ám; quý vị không tu *Định* lực, *Huệ* lực chính là hắc ám; quý vị tu hành không y chiếu theo Giới Định Huệ cũng chính là đi trên con đường hắc ám. Trái lại, quý vị tu hành theo *Giới Định Huệ*, chính là quang minh. Cho nên "Trời huệ phá tối tăm," mặt trời trí huệ phá tan tất cả mọi tối tăm. Quý vị muốn đi nghe Phật pháp, là quang minh. Quý vị nghĩ: "Mình nghe pháp đã mấy ngày rồi, cũng không thấy có gì hay. Vị Pháp sư này ngồi trên pháp tòa, giảng tới giảng lui chỉ có bao nhiêu đó. Mình nghe không biết mấy lần rồi, chỉ là dạy người ta dứt trừ tham sân si, tu giới định huệ mà thôi. Mình nghe chán cả tai."

Quý vị chán không muốn nghe chính là hắc ám hiện tiền đây! Trái lại nghe không thấy chán: "Vị Pháp sư này giảng pháp, càng nghe càng có nghĩa lý, càng có ý vị. Thậm chí tiếng nói giọng cười của vị Pháp sư này, mình nghe kinh xong, vẫn còn đọng lại những lời thuyết pháp ở bên tai mình. Suốt ngày từ

sáng đến tối, tiếng thuyết pháp của vị Pháp sư như còn vang bên tai." Đó chính là quang minh đây! Trái lại không muốn nghe pháp chính là hắc ám.

Giảng đến đây, tôi lại nhớ một chuyện. Lúc còn ở Hồng Kông, có một vị nữ cư sĩ đến gặp tôi. Sau khi gặp tôi, quý vị biết bà ta thế nào không? Bà ta đi đứng nằm ngồi đều thấy tôi đang thuyết pháp cả. Nhưng vị cư sĩ ấy nói thế nào? Bà ta nói: "Vị Pháp sư Độ Luân này chắc là ma quá! Tại sao tôi cứ luôn thấy ông ta thế?" Bà ta thường thấy Pháp sư nói pháp, lại cho là ma; thế thì nếu thấy ma hắc bà lại cho là Phật! Vị cư sĩ ấy thường thấy tôi lại nói là thấy ma, còn mắng chửi, và đòi đánh tôi nữa. Không đầy mấy tháng sau, bà ta mắc bệnh ung thư mà chết. Thực ra tôi cũng muốn cứu bà ta, nhưng bà lại cứ cho tôi là ma, nên tôi cũng đành bó tay. Hôm nay tôi sực nhớ lại chuyện này nên kể cho quý vị nghe. Quý vị thử nghĩ xem, bà ta gặp Pháp sư lại cho là ma; nếu như gặp ma, bà ta sẽ nói như thế nào? Vì thế, ở đời có rất nhiều người nhận giả làm thật. Còn thật lại cho là giả. Khi gặp giả cứ bảo là thật. Thường thường là bị lầm lạc như thế!

Trí huệ của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng giống như mặt trời, phá tan tất cả mọi hắc ám. Chiếu phá những hắc ám gì? Bồ Tát Quán Thế Âm tu "Chân không quán," chiếu phá những hắc ám của Kiến hoặc, Tư hoặc, chứng được đức *Bát-nhã*. Kiến hoặc là gì? Là đối cảnh khởi tham ái. Tư hoặc là gì? Là mê lý khởi phân biệt. Bồ Tát Quán Thế Âm tu "Thanh tịnh quán," phá trừ hắc ám Trần sa hoặc, chứng được đức

Giải thoát. Bồ Tát Quán Thế Âm tu "Trí huệ quán," phá trừ hắc ám Vô minh hoặc, chứng được đức *Pháp thân*. Đó gọi là chứa đủ ba đức (Tam Đức Bí Tạng) - Bát nhã đức, Giải thoát đức và Pháp thân đức. Bồ Tát Quán Thế Âm do tu ba quán (Chân không quán, Thanh tịnh quán, Trí huệ quán) mà chứng được ba đức, đoạn trừ hắc ám Kiến Tư, Trần sa và Vô minh, cho nên nói là "Trời huệ phá tối tăm." Huệ đây chính là quán, và quán chính là Huệ.

Hay phục tại phong hỏa: Bồ Tát Quán Thế Âm có thể dập tắt tam tai. Tam tai là ba thứ tai họa - thủy tai, hỏa tai và phong tai. Nước ngập Sơ thiên thiên, lửa thiêu Nhị thiên thiên, gió quét Tam thiên thiên.

Khi có tam tai, thủy tai xảy ra trước nhất. Bấy giờ, nước không biết từ đâu tràn đến - chẳng rõ là từ tỉnh cầu, mặt trăng, hay là từ các thiên hà - mà cuộn cuộn dâng cao, sóng bủa ngập trời; chẳng những chìm chết nhân loại ở thế gian mà còn tràn ngập cả trời Sơ thiên. Trời Sơ thiên vì sao lại bị nước nhận chìm? Đó là vì thiên nhân của Sơ thiên thiên có nước phiền não, nên mới khơi động nước ở thế gian. Đây là tai họa thứ nhất.

Sau trận thủy tai trên, thế giới này, không rõ là nơi nào, chỉ còn ít người sống sót; nhưng về sau dân số gia tăng và thế giới gặp phải nạn nhân mãn. Nhân loại đông đúc quá thì càng phức tạp, số người tạo nghiệp cũng nhiều thêm. Bấy giờ, tai họa thứ nhì là hỏa tai xảy ra. Con hỏa tai này ngùn ngụt thiêu đốt đến tận trời Nhị thiên; thiên nhân ở trời Nhị thiên cũng không chịu đựng nổi ngọn lửa này.

Tại sao xảy ra trận hỏa tai này? Vì thiên nhân ở Nhị thiên thiên có lửa phiền não, cho nên lửa trong tự tánh của họ dẫn khởi lửa thế gian bên ngoài. Lúc đó, trên không trung bỗng xuất hiện bảy mặt trời. Một mặt trời mà người ta đã chịu không nổi; thế mà khi ấy bảy mặt trời xuất hiện cùng một lúc, khiến cả sơn hà đại địa đều bị nung đốt thành than, không có một nơi nào được mát mẻ, cho nên loài người đều bị chết cháy. Biển bị khô cạn, biến thành lục địa; lục địa biến thành núi cao; núi cao biến thành biển cả. Giữa trời và đất có những sự việc kỳ diệu như thế đấy! Đó là "lửa thiêu Nhị thiên."

Sau trận hỏa tai, trải qua một thời gian rất lâu dài, dân số ở thế gian dần dần gia tăng, loài người đông đúc trở lại và đưa đến nạn nhân mãn. Bảy giờ, tai họa thứ ba là phong tai xảy ra. Không chỉ nhà cửa thành quách, sơn hà đại địa, cây cối thảo mộc ở nhân gian bị gió ào ạt tàn quét, thổi cho tan tành, mà ngay cả trời Tam thiên cũng chẳng thoát được thứ tai họa này. Tam thiên thiên sở dĩ có phong tai là vì thiên nhân ở trời Tam thiên có gió phiền não. Do gió trong tự tánh của họ tiếp xúc với gió bão của thế gian, nên phát khởi phong tai. Sơ thiên thiên có thủy tai, Nhị thiên thiên có hỏa tai, Tam thiên thiên có phong tai - ngay cả thiên nhân cũng không thể tránh khỏi những tai họa này, do đó có bài kệ rằng:

*Lục dục chư thiên đủ ngũ suy
Tam thiên cõi ấy vẫn phong tai
Dù tu đến trời Phi phi tướng*

Nào sánh Tây phương quy khứ lai.

Sao gọi là ngũ suy? Tướng suy thứ nhất là hoa trên đầu héo tàn. Hoa đây là đóa hoa dính trên mũ của hàng thiên chúng. Hoa này không phải là thứ do người ta trồng, mà là hoa tự nhiên dùng để trang sức trên mũ. Khi tướng ngũ suy chưa hiện thì hoa trang sức này tươi tốt mãi; khi tướng ngũ suy hiện ra thì hoa này héo úa, báo hiệu vị thiên nhân ấy sắp mạng chung.

Tướng suy thứ hai là quần áo dơ bẩn. Y phục của trời không giống như y phục ở thế gian, một tuần giặt một lần hoặc hai tuần giặt một lần. Nếu không giặt thì không sạch sẽ. Y phục của trời không cần phải giặt gì cả vì nó không bị lấm dơ. Khi tướng ngũ suy hiện ra, y phục vị trời ấy tự nhiên bị lấm bụi dơ, báo hiệu vị ấy sắp mạng chung. Cũng giống như chúng ta khi sắp chết, hơi thở chưa dứt mà trên thân có chỗ lại sanh dòi. Bình thời không thể sanh dòi được, tới chừng sắp chết, trên thân có rất nhiều chỗ sanh dòi. Người trên trời áo bị lấm bụi cũng là do nghiệp báo cảm vởi ra. Thế giới chúng ta tại sao có quá nhiều bụi bặm như thế? Kinh Lăng Nghiêm nói, "nhân vì tâm chúng ta quá nhiều vọng tưởng nên bụi bặm của thế giới cũng biến ra nhiều." Vọng tưởng của chúng ta không khác nào bụi bặm, nên tất cả bụi bặm đều do tâm vọng tưởng của chúng ta tạo thành. Khi tướng ngũ suy của người trời hiện ra, y phục có bụi bặm là thế.

Tướng suy thứ ba là hai nách đổ mồ hôi. Người trên trời không giống như chúng ta thân thể thường tiết ra mồ hôi đâu. Họ không bao giờ có mồ hôi cả,

nhưng khi tướng ngũ suy hiện ra thì hai nách lại tiết ra mồ hôi.

Tướng suy thứ tư là thân thể hôi hám. Người trên trời suốt ngày thân thể đều toát hương thơm. Họ không cần xức dầu thơm hay thoa phấn thơm mà vẫn có một mùi hương nơi thân tỏa ra. Khi tướng ngũ suy hiện ra, trên thân không còn mùi hương nữa mà tiết ra mùi hôi.

Tướng suy thứ năm là không thích chỗ ngồi của mình. Thiên nhân rất là tự tại, suốt ngày ngồi tham thiền và không có sự việc gì khác lạ xảy ra. Khi tướng ngũ suy hiện ra thì họ ngồi không yên nữa. Hễ vừa ngồi thì lại đứng lên, đứng lên lại ngồi xuống, cứ đứng đứng ngồi ngồi như vậy mãi, một niệm mất đi tri giác thì vị ấy mạng chung.

Sáu cõi trời Dục này có tướng ngũ suy hiện, nhưng ở trời Sơ thiên có hỏa tai, Nhị thiên có thủy tai, Tam thiên có phong tai. Vì thiên nhân Tam thiên có gió phiền não nên tiếp xúc với gió thế gian tạo thành phong tai. Vì thế mà nói:

*Lục dục chư thiên đủ ngũ suy
Tam thiên cõi ấy vẫn phong tai
Dù tu đến trời Phi phi tướng
Nào sánh Tây phương quy khứ lai.*

Dù cho quý vị sanh lên trời Phi phi tướng, hưởng thọ phước trời lâu đến tám vạn đại kiếp, nhưng khi phước trời hết lại bị đọa lạc xuống nhân gian, hoặc đọa vào địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo hay súc sanh đạo. Điều đó không nhất định, nên rất nguy hiểm.

Chẳng bằng tu vãng sanh về thế giới Cực Lạc, rồi quay thuyền Từ lại, giống như Bồ-tát Quán Thế Âm, để hóa độ chúng sanh, như vậy là ổn thỏa nhất.

Chiếu sáng khắp thế gian: Trí huệ sáng suốt của Bồ Tát Quán Thế Âm rực rỡ chiếu khắp cả thế giới Phàm thánh đồng cư. Cõi mà chúng ta hiện đang sống đây gọi là cõi *Phàm thánh đồng cư*, còn gọi là "Thế gian Phàm thánh đồng cư," tức là nơi mà phàm phu và thánh nhân cùng ở chung. Đại trí đại huệ mà Bồ Tát Quán Thế Âm đã tu, lại chiếu khắp đến thế giới *Phương tiện hữu dư*, cảnh giới mà hàng Nhị thừa an trụ. Phương tiện là phương tiện khéo léo. Hữu dư, là chỉ cho những phiền não của thế giới này còn dư thừa chưa dứt hết. Bồ Tát Quán Thế Âm đầy đủ đại trí đại bi, lại chiếu khắp thế giới *Thật báo trang nghiêm*, tức là thế giới mà Bồ-tát ở. Thế giới của Phật ở gọi là thế giới *Thường tịch quang*, còn gọi là Thường tịch quang tịnh độ. Đại trí đại huệ của Bồ Tát Quán Thế Âm chiếu khắp cả tịnh độ Thường tịch quang, cõi Thật báo trang nghiêm, cõi Phương tiện hữu dư, cõi Phàm thánh đồng cư. Cho nên nói là: "Chiếu sáng khắp thế gian."

Thế Bi: giới sám rên
Lòng Từ như mây lớn
Pháp cam lồ mưa xuống
Lửa phiền não diệt tan.

Bốn câu kệ này là khen ngợi đức từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng từ bi làm Pháp thể. Pháp thể từ bi này từ đâu mà có? Từ

"giới" mà phát sanh. Ban sơ Bồ Tát Quán Thế Âm tu hành, do chuyên tu giới luật mà sanh ra Pháp thể Từ bi, Vô duyên đại từ. Thứ Pháp thể này cũng giống như tiếng sấm rền vang, tất cả chúng sanh đều được Ngài cứu tỉnh, gọi là "phát tiếng vang rền," người điếc cũng nghe được, người ngu cũng nghe biết. Vì thế câu "Thể Bi: giới sấm rền" là khen ngợi thân nghiệp Bồ Tát Quán Thế Âm không thể nghĩ bàn.

Lòng Từ như mây lớn: Bồ-tát Quán Thế Âm dùng lòng Từ bi bình đẳng, mắt Từ nhìn chúng sanh. Trong phẩm này cũng có nói:

*Mắt Từ nhìn chúng sanh
Biển phước chứa vô cùng.*

Bồ-tát Quán Thế Âm đã tu phước đức rộng lớn vô biên như biển cả. Với ý niệm Từ bi, Ngài bình đẳng ban vui cho chúng sanh, cảnh giới bất tư nghì này giống như vàng mây lớn giữa hư không.

Pháp cam lồ mưa xuống: Mưa xuống nước pháp cam lồ. Sao gọi là cam lồ? Cam lồ là thứ thuốc trường sanh bất lão trên trời. Mạng sống của người cõi trời dài như thế, là nhờ uống thứ nước trường sanh bất lão này. Có người nói:

- "À, người trời cũng dùng thuốc, hèn chi bây giờ người ta muốn khai ngộ cũng dùng drugs."

Nhưng thuốc trên trời là thuốc tự nhiên, sẵn có, không cần phải qua giai đoạn bào chế. Uống thứ thuốc bất lão thì không già. Vàng mây màu to lớn của Bồ Tát Quán Thế Âm mưa xuống pháp cam lồ, mưa

xuống thuốc trường sanh bất lão, khiến cho mọi người lìa khổ sanh già bệnh chết.

Lửa phiền não diệt tan: Bồ Tát Quán Thế Âm diệt tan lửa dữ phiền não của mỗi cá nhân trên thế giới. Tại sao chẳng thành Phật? Tại vì có phiền não. Vì sao không khai ngộ? Tại vì có phiền não. Tại sao quý vị không được giải thoát, không được tự do chân chánh? Cũng tại quý vị có phiền não. Phiền não cũng chính là chấp trước. Chấp trước chính là tên khác của phiền não. Quý vị có chấp trước thì không được giải thoát, vì còn phiền não. Vậy chấp trước là từ đâu sanh ra? Chính là do lòng ích kỷ, tự tư tự lợi sanh ra. Quý vị nếu là người không có lòng tự tư tự lợi mà đại công vô tư, thì quý vị có gì để chấp trước? Nếu quý vị không có lòng ích kỷ thì cũng không có chấp trước. Không có chấp trước thì không có phiền não; không có phiền não thì giải thoát. Được giải thoát tức là khai ngộ, cũng chính là thành Phật. Cho nên phiền não của chúng ta là một thứ xấu xa, tệ hại nhất. Nhưng mọi người đều không rời bỏ được thứ xấu xa ấy, mà thường gắn bó với phiền não, đi đứng nằm ngồi luôn có nhau! Có người nói:

- "Tôi thường thường vui, không có phiền não." Nếu quý vị được niềm vui chân chánh, thì đương nhiên không có phiền não. Nếu không đạt được niềm vui chân chánh, lại miên cưỡng dụng tâm tạo tác để làm nên sự vui vẻ ấy, thì đó không phải là niềm vui chân chánh, vì vẫn có phiền não tiềm ẩn bên trong, một ngày nào đó nó sẽ bộc phát, giống như dùng một

tảng đá lớn đè lên cỏ, cỏ tuy không lớn được, nhưng đến khi dời tảng đá đi thì cỏ lại mọc lên còn tươi tốt hơn trước nữa!

Trong bốn hoằng thệ nguyện, nguyện thứ nhất là:

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ."

Bồ Tát Quán Thế Âm tại sao lại muốn đến thế giới này? Đó là vì "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ" đấy.

"Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn."

Bồ Tát Quán Thế Âm có phiền não hay không? Phiền não của Ngài thì đã dứt hết rồi, nhưng Ngài lại coi phiền não của chúng sanh như là của Ngài. Ngài thấy phiền não của chúng sanh chưa dứt, bèn dùng mọi phương pháp để giáo hóa chúng sanh, khiến họ dứt trừ được phiền não. Phiền não thì vô cùng tận giống như sóng biển vậy, niệm trước diệt niệm sau lại sanh, niệm sau diệt, niệm sau nữa lại sanh, nối tiếp nhau không dứt.

"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học."

Phật pháp thật vô lượng vô biên. Có người mới đọc qua một hoặc hai bộ kinh đã tự mãn, cho rằng mình đã hiểu Phật pháp. Phật pháp mà họ hiểu đó không bằng một giọt nước biển, thế mà đã tưởng là quá đủ rồi! Chẳng khác nào con kiến vào biển uống nước đầy bụng rồi nói: "Tôi uống sạch cả nước biển." Nó cho rằng đã uống sạch cả nước biển, chớ đâu biết rằng nó chỉ mới uống no bụng nó mà thôi. Còn nước

trong biển lớn kia, ngay đến một giọt nó uống cũng không hết!

- "Phật đạo vô thượng thế nguyện thành."

Không có gì cao quý hơn Phật đạo, vì thế mỗi cá nhân đều nên phát nguyện quyết định thành Phật, không nên tự xem mình là quá thấp kém, mà phải xem mình bản lai là Phật. Nhưng bản lai là Phật chứ không phải hiện đang là Phật. Thực ra chúng ta lúc đầu vốn đầy đủ Phật tánh, cùng Phật không hai không khác. Nhưng hiện tại vì chúng ta không biết tu hành nên không có bản lãnh Tam thân, Tứ trí, Ngũ nhãn, Lục thông như Phật đầy thôi. Vì thế phải phát bốn hồng thế nguyện. Bồ Tát Quán Thế Âm vốn y chiếu theo bốn hồng thế nguyện để giáo hóa chúng sanh, nên Ngài rưới mưa pháp cam lồ, khiến các chúng sanh đều được mát mẻ, không còn phiền não. Đó gọi là "lửa phiền não diệt tan."

Tranh tụng đến cửa quan

Trong quân trận sợ hãi

Nhờ sức niệm Quán Âm

Các oán lui tan ngay.

Tranh tụng đến cửa quan: "Tranh" là đấu tranh. Thời Mạt pháp là đấu tranh liên tục. Lúc Phật còn trụ thế là thời Chánh pháp. Sau khi Phật diệt độ, là thời Tượng pháp. Hai ngàn năm sau khi Phật diệt độ là thời Mạt pháp. Ở thời Chánh pháp là *Thiền định kiên cố*, mọi người đều ưa thích tham thiền, tập định, tu định lực. Thời đại Chánh pháp kéo dài một ngàn năm. Từ lúc Phật ra đời cho đến một ngàn năm sau khi Phật

diệt độ là thời Chánh pháp. Qua thời kỳ Chánh pháp là thời kỳ Tượng pháp. Đây là thời đại *Tự miếu kiên cố*. Người ta ưa thích xây dựng chùa chiền, làm Phật tượng, vì thế trên thế giới một số nước có rất nhiều chùa miếu. Thời Tượng pháp kéo dài một ngàn năm. Sau một ngàn năm này thì đến thời kỳ Mạt pháp, pháp đã đến hồi cuối rồi. Thời kỳ Mạt pháp là mười ngàn năm. Thời kỳ này không phải là Thiền định kiên cố, cũng không phải là *Tự miếu kiên cố*, mà là *Đấu tranh kiên cố*. Nước này đấu tranh với nước kia, nhà này đấu tranh với nhà kia, người này đấu tranh với người kia, súc sanh đấu tranh với súc sanh, quỷ đấu tranh với quỷ, nơi nào cũng đều đấu tranh cả.

Tại sao lại đấu tranh? Vì đó là thời Mạt pháp, người ta chỉ biết đến đấu tranh. Nhưng trong thời kỳ Mạt pháp cũng có thời kỳ Chánh pháp, trong thời Tượng pháp cũng có thời kỳ Chánh pháp. Tại sao nói như thế? Vì mặc dù trong thời kỳ Mạt pháp, cũng không thể nói là không có ai tham thiền tĩnh tọa cả. Như chúng ta hiện nay tuy trong trăm ngàn bận rộn, song vẫn có thể thu xếp thì giờ, lúc sáng sớm, khi chiều tối, hoặc lúc giữa trưa để dụng công tu hành, tham thiền tĩnh tọa; đó chính là biểu hiện của thời kỳ Chánh pháp vậy. Chẳng qua là ở thời kỳ Mạt pháp, Chánh pháp chỉ là một thành phần nhỏ, ít lại càng ít. Cho nên, chúng ta vào thời Mạt pháp còn có thể giảng kinh thuyết pháp, còn có người thu xếp thì giờ trong bận rộn, trong trăm thứ rộn ràng, thậm chí bỏ ngủ quên ăn để nghe kinh, đó cũng gọi là Chánh pháp

trong thời Mạt pháp. Hiện nay mọi người đều đề xướng việc cất chùa, xây dựng đạo tràng, đó cũng là công tác của thời Tượng pháp. Vì thế trong thời Mạt pháp cũng có thời kỳ Tượng pháp, cũng có thời kỳ Chánh pháp. Trong thời kỳ Tượng pháp cũng có thời kỳ Mạt pháp, cũng có thời kỳ Chánh pháp. Vì trong thời Tượng pháp có chỗ không lập chùa, có người không tin Phật pháp, như vậy có khác gì Mạt pháp đâu. Vậy thì trong thời kỳ Tượng pháp tại sao phải cất chùa? Cất chùa có thể khiến mọi người nhóm họp lại một chỗ để dụng công tu hành, nên đó cũng là thời kỳ Chánh pháp. Thế thì trong thời kỳ Chánh pháp cũng có thời kỳ Tượng pháp và Mạt pháp. Người ở thời đại Chánh pháp tham thiền tập định, cố nhiên là thời kỳ Chánh pháp rồi. Nhưng cũng có khi cất chùa lại giống như thời kỳ Tượng pháp. Ở thời kỳ Chánh pháp cũng không phải ai ai cũng học Phật pháp. Có người học chút ít Phật pháp rồi không chịu học nữa, lại cũng không đề tâm nghiên cứu, đây chính là Mạt pháp trong thời Chánh pháp. Cho nên, trong mỗi thời kỳ đều đủ cả Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp.

Bây giờ là thời Mạt pháp đấu tranh kiên cố, mà chúng ta có thể tu trì Phật pháp, làm cho Phật pháp còn mãi ở đời, hành trì sự nghiệp của Chánh pháp, mỗi ngày tụng trì chú Lăng Nghiêm, như thế là chúng ta giúp đỡ cho toà nạn thế giới này vậy! Tại sao thế? Bởi vì nếu thế giới này không còn một ai tụng chú Lăng Nghiêm cả, thì thế giới sẽ sớm đi đến chỗ hủy diệt. Bây giờ tất cả yêu ma quỷ quái, *ly mị vọng*

lượng, đều xuất hiện. Hiện tại vì sao chúng không dám xuất hiện? Vì ở thế giới này vẫn còn có người trù tuýt chú Lăng Nghiêm, tu 42 Thủ Nhãn của chú Đại Bi, tu pháp môn ngàn tay ngàn mắt, nên yêu ma quỷ quái kiêng sợ, không dám xuất hiện, hoành hành.

"Tụng" là tố tụng, thưa kiện. Tranh tụng tức là đưa nhau đến tòa án để tranh cãi cho ra lẽ. Tranh cãi thì cần phải mời luật sư. Có một số luật sư có thể đem việc có lý nói thành vô lý, việc vô lý nói thành có lý. Ấy gọi là thị phi điên đảo.

Mấy tháng trước đây, báo chí đăng tin có một người đàn bà mưu sát chồng, nhưng bà ta có quá nhiều tiền, mới hứa hẹn với vị luật sư rằng, nếu cãi cho bà được trắng án thì bà sẽ trả cho một khoản tiền rất hậu hĩ. Vị luật sư ấy biết rõ bà ta là người giết chồng, nhưng trước pháp đình dùng mọi lý lẽ biện hộ, bẻ cong sự thật khiến cho bà ta được miễn tội. Ôi! Quý vị nói như thế có công lý hay không? Chỉ có tiền thôi, dù giết người cũng không có tội! Đó chính là tranh tụng đấy. Đã không có tội, thì khỏi phải đền mạng. Như vậy há chẳng phải là trên thế giới không còn chân lý nữa hay sao? Xưa nay đến pháp đình là cốt tìm ra lẽ phải, nhưng đến đó có luật sư biện hộ cho, rồi có đạo lý cũng biến thành không đạo lý, không đạo lý cũng biến thành có đạo lý. Quý vị xem thế giới này phải chăng là thế giới tối tăm hắc ám?

"Đến chỗ quan": Đến chỗ quan chính là ra tòa, đến pháp đình tìm lẽ phải, xem lý do của ai đầy đủ, ai là người không có tội. Nhưng khi đến đó rồi, lý do

của quý vị dù đầy đủ nhất, mà quý vị không tiền thì thành có tội. Còn lý do của quý vị không đầy đủ, quý vị không có đạo lý, mà quý vị có tiền thì là người vô tội. Cho nên thế giới này bị tiền bạc chi phối, vùi lấp lương tâm con người đi.

Trong quân trận sợ hãi: Sợ sệt và kinh hãi ở trước quân trận, như tình hình hiện giờ ở Việt Nam (1968). Tại nơi đó, tuy đầy dẫy hãi hùng, nhưng nhờ sức niệm Quán Âm, nếu quý vị tụng niệm "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát," thì các oán đều lui tan, tất cả oán hận đều không còn nữa. Đấu tranh chôn chửa quan và trong quân trận, đều là nhân vì đời đời kiếp kiếp kết oán rất nhiều, nên mới tụ hội lại một chỗ để đền trả quả báo cho nhau; nhưng quý vị nếu hay trì niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì những quả báo như thế đều có thể giảm bớt, nặng biến thành nhẹ, còn nhẹ trở thành không có. Nếu không niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì những vấn đề ấy sẽ trở thành nghiêm trọng, nếu niệm Bồ Tát Quán Thế Âm thì sẽ giảm nhẹ đi. Cho nên cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm không thể nghĩ bàn, không phải người thường có thể biết được.

Hồi đại chiến thế giới thứ hai, tại Thượng Hải có một vị cư sĩ tên là Phí Phàm Cảnh thường ngày niệm Bồ Tát Quán Thế Âm. Vào thời chiến tranh Trung Nhật, Thượng Hải thường bị phi cơ Nhật oanh tạc. Vị cư sĩ này thường hay dời nhà, một khi cảm thấy chỗ mình ở có nguy cơ bị oanh tạc bèn dời đi chỗ khác. Ông ta vừa dời đi thì nơi đó quả nhiên bị phi cơ Nhật dội bom. Ở chỗ thứ hai được bốn, năm hôm, ông ta lại

cảm thấy bất an bèn dời vào Tô giới. Ở Thượng Hải có một khu vực của người Tây phương thuê của Trung Quốc, cho nên người Nhật không dám quấy phá Tô giới. Sau khi dời đến Tô giới, ông ta lại cảm thấy bất an bèn muốn dời đi nữa. Nhưng ngoại vì Tô giới có lưới điện bao quanh, ông ta không có cách nào dời ra khỏi được. Đang lúc tiến thoái lưỡng nan, không thể quyết định được, bỗng có một đứa nhỏ nói với ông ta:

- Mau chạy đi, đằng sau có quân Nhật kéo đến đây!

Bấy giờ ông ta thấy trên lưới điện có một lỗ hổng rộng độ hai thước vừa vặn một người chui qua lọt. Thấy đứa bé chui qua lỗ hổng đó, cả nhà ông ta: bà mẹ, vợ, con cái đều theo lỗ hổng đó thoát ra ngoài. Khi thấy họ, các binh lính Tây phương phòng thủ ở đó, cảm thấy rất lạ kỳ, không biết bọn họ tại sao lại chui ra được! Đến chừng họ tìm lại đứa bé thì không thấy đâu nữa. Xem lại lưới điện vẫn nguyên vẹn, không có lỗ hổng hai thước vuông nào cả. Họ cảm thấy rất lạ kỳ! Từ đó họ đi một mạch đến Tô Châu, lánh khỏi tai nạn chiến tranh. Việc này chứng minh rằng cảnh giới của Bồ Tát Quán Thế Âm thật cao sâu khó nghĩ bàn, người đời không thể nào hiểu nổi. Trong mọi tình huống, Bồ Tát Quán Thế Âm luôn bảo hộ người niệm danh hiệu Ngài. Vì thế mỗi người chúng ta phải nên có lòng tin vững chắc, tha thiết niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm.

"Các oán," như tôi đã nói ở trên, là quốc gia đấu tranh với quốc gia, gia đình đấu tranh với gia đình, cá

nhân đấu tranh với cá nhân, quý đấu tranh với quý. Đây là do nghiệp lực của chúng sanh chiêu cảm ra cục diện như thế. Hiện nay có nhiều quốc gia, nhưng quý vị đừng cho rằng dân chúng trong các quốc gia ấy vốn là người cả. Có nơi là chuột thành bầy kết đội thác sanh làm người mà thành ra một quốc gia. Có rất nhiều ễnh ương cũng thác sanh làm người, thành một quốc gia.

Mùa xuân năm nay (1968) có báo đăng tin rằng ở quốc gia nọ có mấy vạn con ễnh ương tự sát tập thể. Tại sao thế? Vì ở nước đó ễnh ương quá nhiều, chúng tự sát để có thể thác sanh làm người. Sự kiện này chứng tỏ rằng đa số dân chúng trong quốc gia này đều là ễnh ương chuyển sanh. Nhìn kỹ, quý vị sẽ thấy tướng mạo đánh đập của họ có phần nào tương tự ễnh ương. Quý vị không chú ý nên không biết đó thôi! Dân chúng của mỗi quốc gia thường là đồng một chủng loại. Chủng loại ấy đa số đời trước là súc sanh, nay cùng nhau đầu thai làm dân trong một quốc gia. Mùa xuân năm nay tôi giảng về đạo lý này, thì có người hỏi:

- "Người Mỹ đa số là loài gì thác sanh? Là do chủng loại nào hình thành quốc gia này?"

Tôi đáp: "Người và súc sanh đều có cả, vì dân nước Mỹ là do người của các quốc gia di dân tới, nên là một tập hợp gồm người cùng súc sanh."

Thật đấy, không phải đùa đâu. Nếu chúng ta khai được Ngũ nhãn (*Phật nhãn, Pháp nhãn, Huệ nhãn, Thiên nhãn và Nhục nhãn*) thì biết rõ người trên

thế giới này không hẳn đều là người, mà loài nào cũng có. Làm sao nhìn ra được? Quý vị nếu có Phật nhãn, khai mở được mắt trí huệ, mà muốn biết người ấy đời trước là gì hoặc đời trước đã làm gì, thì nhìn vào cái bóng (shadow) đằng sau của người ấy; bởi bóng của thân đời trước vẫn còn đi theo cho đến đời này. Đời trước nếu họ là người thì đời này cái bóng của họ là người, nếu họ là súc sanh thì bóng của họ là súc sanh, nếu họ là yêu quái thì bóng của họ là yêu quái. Chỉ có người mở được Ngũ nhãn mới có thể nhìn thấy được rõ ràng. Nếu không mở được Ngũ nhãn thì sẽ không phân biệt ra được. Cho nên quý vị gặp một người nào đừng vội cho đó là người. Làm sao biết được vấn đề này? Nếu quý vị có được Thiên nhãn thông, thì dễ dàng biết rõ. Chỉ cần quý vị cố gắng dụng công tu hành, thì muốn biết việc gì cũng đều được cả.

Hiện tại ở nước kia *(không phải tôi mắng chửi người)*, đa số dân chúng là chuột biến ra. Nhưng trong đó rất nhiều chuột, cũng có rất nhiều người, rất nhiều quý và súc sanh. Tóm lại, mỗi quốc gia đều có ngựa bò dê gà heo chó đủ loại sanh lên. Người ta cũng từ những chúng sanh này biến ra. Đạo lý này nói ra thật là vi diệu. Người thường vì không chứng thật việc này nên không tin thôi. Nếu muốn chứng thật việc này cần phải thực sự dụng công tu hành chứng được thần thông. Tới lúc đó mới nói:

- "Trước kia có một vị Pháp sư nói về đạo lý này, thật không sai chút nào! Làm sao sự việc vì diệu như vậy ông ta lại nói ra hết như thế?"

Diệu âm, Quán thế âm

Phạm âm, Hải triều âm

Hơn các tiếng thế gian

Cho nên phải thường niệm.

Diệu âm, Quán thế âm: Bài kệ tụng trước: "Chon quán thanh tịnh quán, Quán trí huệ rộng lớn, Bì quán và Từ quán, Thường nguyện thường chiêm ngưỡng" là nói về chữ "quán." Bây giờ nói về chữ "âm." Chữ "âm" này là diệu âm, quán thế âm. Chữ "âm" trong quán thế âm là "âm" thanh rất vi diệu, âm thanh vi diệu này chính là Quán thế âm.

Phạm âm, Hải triều âm: Thanh âm của Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng những vi diệu mà còn thanh tịnh nữa, cũng như tiếng con nước khi biển lặng yên. Biển vào những lúc nhất định, thì phát ra tiếng hải triều (nước triều dâng lên hay rút xuống). Âm thanh thanh tịnh của Bồ Tát Quán Thế Âm cũng như Hải triều âm, âm thanh của hải triều.

Hơn các tiếng thế gian: Âm thanh của Bồ Tát Quán Thế Âm vượt hẳn tất cả âm thanh khác.

Cho nên phải thường niệm: Vì lẽ đó cho nên mỗi người chúng ta phải thường niệm Bồ Tát Quán Thế Âm.

Niệm niệm chớ sanh nghi

Bậc Tịnh thánh Quán Âm

***Trong khổ não từ ách
Giúp đỡ, làm chỗ nương.***

Niệm niệm chớ sanh nghi: Lúc chúng ta niệm Bồ-tát Quán Thế Âm thì đừng bao giờ sanh lòng nghi ngờ. Chớ nên nghĩ như thế này: "Niệm có ích gì không? Niệm Bồ-tát Quán Thế Âm há chẳng phải là không có ý nghĩa gì?" Mỗi ngày đều niệm Bồ Tát Quán Thế Âm và cần nhất là không nên có tâm hoài nghi. Dù chỉ trong một niệm cũng không nên sanh tâm hoài nghi, mà phải nên sanh lòng tin vững chắc.

Bạc Tịnh thánh Quán Âm: Bồ Tát Quán Thế Âm chính là bậc Thánh thanh tịnh.

Trong khổ não từ ách: Ách tức là ách nạn. Đây là nói về lúc quý vị có phiền não khổ đau hoặc là gặp phải hiểm nguy, mạng sống như chỉ mảnh treo chuông.

Giúp đỡ, làm chỗ nương: Lúc bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ làm người bảo hộ cho quý vị. Quý vị có thể đem thân tâm tánh mạng của mình giao cho Ngài, Ngài nhất định sẽ che chở, giúp đỡ quý vị.

***Đủ tất cả công đức
Mắt Từ trông chúng sanh
Biển phước lớn không lường
Cho nên phải đánh lễ.***

Đủ tất cả công đức: Bồ Tát Quán Thế Âm đầy đủ tất cả thần thông diệu dụng, không có thứ công đức nào mà Ngài chẳng đầy đủ. Bao nhiêu thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn Ngài đều có đủ.

Mắt Từ trông chúng sanh: Bồ Tát Quán Thế Âm luôn luôn dùng con mắt của người cha lành nhìn chúng sanh. Chúng sanh bất luận là có lỗi, có nghiệp tội hay không, Ngài đều thương xót cứu độ như nhau.

Biển phước lớn vô lượng: Vì Bồ Tát Quán Thế Âm dùng đại từ bình đẳng cứu độ chúng sanh, nên phước báo của Ngài vô lượng vô biên, giống như biển lớn, sâu không thể lường.

Cho nên phải đánh lễ: Vì Bồ-tát Quán Thế Âm có đầy đủ công đức, phước đức nên mỗi một cá nhân chúng ta phải nên đánh lễ Ngài.

Như vậy là phần kệ tụng đã giảng xong. Chúng ta có cơ hội nghe được toàn bộ Kinh Pháp Hoa, thật là hy hữu. Hiện nay, đừng nói chi ở nước Mỹ, ngay cả ở Trung Quốc cũng không dễ gì nghe được toàn bộ Kinh Pháp Hoa. Ở Hồng Kông, Đài Loan có thể có cơ hội đó, nhưng cũng rất khó khăn. Hiện nay chúng ta đang sống ở Mỹ, sinh hoạt rất ổn định, mà được nghe Kinh Pháp Hoa là một việc rất may mắn. Quý vị đến nghe kinh, là vô hình trung giúp đỡ thế giới này. Chúng ta giảng kinh ở đây, cả thế giới chỗ nào cũng đầy đủ những điềm tốt lành. Hễ chỗ nào có pháp hội giảng kinh thì Thiên long Bát bộ đều đến ủng hộ đạo tràng. Chúng ta có cơ hội này thì đều là người có căn lành lớn. Nếu không có căn lành, muốn đến nghe cũng không thể đến được. Lúc muốn đến, không có ma chướng này sanh cũng có ma chướng khác khởi; tóm lại, nó làm cho quý vị không có cách nào đến nghe kinh được. Chúng ta hiện nay có thể nghe kinh

nghe pháp, công đức đó thật là vô lượng vô biên, không thể cùng tận. Đến nghe kinh pháp, mỗi một cá nhân đều có thể có công đức rồi.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Trì Địa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, nếu có chúng sanh nào nghe được phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát này, biết được các hạnh nghiệp tự tại và sức thần thông phổ môn thị hiện của Ngài, phải biết người ấy công đức không nhỏ."

Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm Vô Đẳng Đẳng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Lúc bấy giờ tức là lúc Đức Phật nói xong phần kệ tụng. Bồ-tát Trì Địa chính là Bồ-tát Trì Địa trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói. Vị Bồ-tát này trong vô lượng kiếp về trước là một người mù chữ, thất học. Tuy chưa được học Phật Pháp, song hành vi của Ngài rất gần với Phật Pháp. Ngài có sức khỏe rất tốt; sức của ngài chẳng những rất mạnh mà còn vô cùng vô tận. Những vật người thường nhắc lên không nổi, ngài nhắc được; vật người ta vác không nổi, ngài vác được; việc người ta làm không được, ngài làm được. Ngài làm việc chi? Ngài sửa sang đường xá, tu bổ đạo lộ. Có lúc lại sửa cầu. Lên dốc xe đi không nổi, ngài giúp người ta đẩy xe. Có người vác đồ vật rất khó nhọc, ngài bèn vác giùm họ. Nhưng ngài chẳng ra giá,

chẳng đòi tiền công. Trải qua một thời gian dài, Ngài cứ làm rất nhiều việc khó nhọc như vậy.

Có một lần, gặp Phật Phù Xá Lư; đức Phật hỏi ngài: "Tại sao ông sửa sang đường lộ như thế?"

Ngài đáp: "Con đắp đường cho bằng phẳng để người ta dễ dàng đi lại."

Phật Phù Xá Lư nói: "Ông chỉ đắp bằng đường sá là bỏ gốc theo ngọn đấy! Đây là dùng công phu trên chót ngọn, chỉ tu hành ngoài da thôi."

Bồ Tát Trì Địa nói: "Vậy thì thế nào mới không phải là dùng công phu ngoài da? Thế nào là dùng công phu ở bên trong?"

Phật Phù Xá Lư nói: "Nếu ông muốn sửa bằng con đường này, nên sửa bằng tâm mình trước. Tại sao con đường này không bằng phẳng? Thế giới có núi cao, có đại địa, có biển cả, đó là bởi lòng người không bằng thẳng. Trong lòng người có núi cao, nên đất cũng không bằng. Tâm địa nếu bình rồi thì thế giới không chỗ nào chẳng bằng thẳng cả."

Bồ Tát Trì Địa nghe Đức Phật Phù Xá Lư dạy bảo xong, bèn tu pháp môn Tâm địa, san bằng mảnh đất tâm, tu hành chứng đến quả vị Bồ-tát. Do đó ngài được gọi là Trì Địa Bồ Tát.

Bồ-tát, trước đã giảng rồi, tức là giác hữu tình, bậc giác ngộ chúng sanh hữu tình. Cũng có nghĩa là Hữu tình giác, là một vị giác ngộ trong chúng sanh. Vị Trì Địa Bồ Tát này liền từ chỗ ngồi của mình đứng dậy đến trước Phật bạch rằng:

- "Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe được phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát với các hạnh nghiệp tự tại, và phổ môn thị hiện sức thần thông - ba mươi hai Ứng thân, bốn thứ Vô úy, mười chín phương tiện thuyết pháp - của Ngài, thì biết rằng người ấy có công đức không phải ít. Công đức lắng nghe Phổ Môn Phẩm là không có hạn lượng."

Không ít tức là nhiều, không có số lượng, vô lượng vô biên. Khi Phật Thích-ca diễn nói Kinh Pháp Hoa, nói đến phẩm Phổ Môn, trong đại chúng có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là "tám muôn bốn ngàn chúng sanh?" Tám muôn bốn ngàn chúng sanh cũng chính là tám muôn bốn ngàn phiền não. Mỗi phiền não của chúng ta là một chúng sanh. Hơn nữa, trong thân mỗi chúng ta đều có tám muôn bốn ngàn vi sinh vật, vi sinh vật này chính là "khuẩn." Trong cơ thể của mỗi chúng ta đều có trùng. Con người chúng ta là một thứ trùng lớn, trong thân trùng lớn đó lại có trùng nhỏ. Trong máu, trong thịt, trong ngũ tạng không biết bao nhiêu là trùng nhỏ. Chúng ta sống như thế nào? Đó chẳng qua là trùng lớn nuôi trùng nhỏ, trùng nhỏ giúp đỡ trùng lớn. Quý vị cho con người là thế nào? Bên trong thân thể có vô lượng vô biên vi sinh vật, mỗi vi sinh vật là một chúng sanh đấy. Vậy thì có bao nhiêu vi sinh vật? Nhiều đến đếm không xuể! Tóm lại, nhiều đến tám muôn bốn ngàn. Thực ra chẳng phải chỉ có tám muôn bốn ngàn, mà mười vạn tám ngàn cũng

không nhất định. Vì thế trong tự tánh của mỗi chúng ta đầy đủ cả tám muôn bốn ngàn chúng sanh. Nhưng theo bên ngoài mà nói, thì chúng sanh trên thế giới này đâu phải chỉ có tám muôn bốn ngàn! Tám muôn bốn ngàn chúng sanh trong pháp hội cũng chính là tám muôn bốn ngàn niệm trong tâm mỗi cá nhân. Niệm niệm sanh diệt, niệm niệm không dừng, niệm sanh chính là một chúng sanh, niệm diệt cũng là một chúng sanh; sanh sanh diệt diệt có tám muôn bốn ngàn chúng sanh, không rời tự tánh. Tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm Vô đẳng đẳng, thứ tâm không có gì ngang bằng, không có gì so sánh được, tức là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề (*Anuttara-samyak-sambodhi*) là tiếng Phạn. *A* nghĩa là Vô, *nậu-đa-la* nghĩa là Thượng, *Tam* là Chánh, *miệu* là Đẳng, *Bồ-đề* nghĩa là Giác, gộp chung lại là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vô thượng là không có thứ gì cao hơn. *Chánh đẳng* là ngang bằng với Phật. *Chánh giác* là giác ngộ của Phật. Đó là quả vị giác ngộ ngang bằng với Phật, cũng chính là phát tâm thành Phật. Có tám muôn bốn ngàn chúng sanh phát tâm thành Phật. Do phát tâm thành Phật rồi sau mới chứng đắc quả vị Phật. Ngay tại pháp hội, tám muôn bốn ngàn chúng sanh nghe được phẩm Phổ Môn đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là nhân duyên rất thù thắng.

Hiện tại chúng ta đang giảng phẩm Phổ Môn, trong giảng đường Phật Giáo Giảng Đường này có

hơn hai mươi người nghe. Hai mươi người này, trong mỗi người đều có tám muôn bốn ngàn chúng sanh. Quý vị tính thử xem có bao nhiêu muôn? Nhưng bao nhiêu muôn này phải chăng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tôi tin rằng tuy không phát tâm ấy, đại đa số cũng phát tâm muốn thành Phật. Ở hội Pháp Hoa, người được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tương lai đều có phần thành Phật. Chúng ta hiện nay nghe được phẩm Phổ Môn của Bồ-tát Quán Thế Âm, đều là do đời quá khứ đã gieo trồng vô lượng vô biên căn lành, cho nên bây giờ mới có được nhân duyên tụ hội lại một chỗ để nghiên cứu Phật pháp. Đó là cảnh giới vi diệu không thể nghĩ bàn.

A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là quả vị cao nhất, tức là quả vị Phật giác ngộ. Từ ngữ trên được phiên dịch là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chánh giác là nói người khai ngộ, có được chánh giác. Nhị thừa La-hán được khai ngộ Chánh giác, nhưng chưa đến được Chánh đẳng. Vậy thì ai được Chánh đẳng? Bồ-tát là người được Chánh đẳng lại được Chánh giác. Chánh đẳng với Phật, nên gọi là Đẳng giác. Chánh giác là La-hán, Chánh đẳng là Bồ-tát. Bồ-tát có thể thành Chánh đẳng nhưng chưa thể thành Vô thượng. La-hán có thể thành Chánh giác, nhưng không thể thành Chánh đẳng. Vì Bồ-tát là bậc hữu thượng sĩ, ở trên ngài còn có bậc cao hơn. Phật gọi là Vô thượng sĩ, tức là không có ai cao hơn Phật nữa. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là Bồ-đề viên mãn, về nơi Vô sở đắc, được ba giác tròn, muôn

đức đủ, không còn có Chánh đẳng Chánh giác nào cao hơn nữa. Chỉ có Phật mới có tư cách nhận danh hiệu đó, ngoài ra các vị Bồ-tát, La-hán đều không thể so sánh với quả vị cao nhất này. Quả vị cao nhất này cũng là từ vị trí thấp nhất mà thành. Tu Đạo, quý vị cần phải khắc ghi một điều là không nên sanh lòng tự mãn, cống cao ngã mạn. Đó là từ nơi thấp nhất mà thành tựu được quả vị cao nhất vậy!

Lão Tử Đạo Đức Kinh nói: *"Bậc thượng thiện như nước, nước khéo lợi cho vạn vật mà không tranh, ở chỗ mọi người đều chê."* Người thượng thiện giống như nước, khéo làm lợi ích cho tất cả vạn vật mà không tranh. Vật là nói về động vật bay nhảy và thực vật. Cả bốn loài (thai, noãn, thấp, hóa) đều cần có nước để nuôi dưỡng, tắm rửa, mà chính bản thân nước không bao giờ nghĩ rằng:

-*"Này, vạn vật các anh đều cần có tôi mang lại sự lợi ích đây nhé, các anh nhờ tôi giúp mới thành đây!"*

Không tranh là gì? Không tranh tức là không kể công, khoe khoang với mọi người: *"Những việc ấy là do tôi làm, công đức này nhờ tôi mới thành tựu, ngôi chùa này do tôi sửa, cây cầu kia là của tôi làm."* Không hề có tâm như thế, đó là không tranh. Nước thì không tự tư cũng không tự lợi, cho nên Lão Tử mới nói: *"Người thượng thiện nên học theo tánh nước, nước khéo lợi vạn vật mà không tranh"*, không kể công, không tranh danh, không tranh lợi. *"Ở chỗ mọi người chê"*, nước ở chỗ thấp, không ở trên cao. Có người nói: *"Nước tại sao chẳng ở trên cao? Khi mưa,*

nước đều từ trên cao rơi xuống mà!" Đứng đây, quý vị nói thật có lý, nước mưa là từ trên cao rơi xuống. Vậy thì, nó làm sao lên trên cao được? Nó là từ chỗ thấp nhất mà lên chỗ cao nhất, chứ chẳng phải là vốn ở trên cao. Nó ở trên cao lại phải rơi xuống mặt đất. Khi rơi xuống mặt đất, lại chảy vào biển, sông lớn, sông nhỏ, đổ vào hạ lưu. Nước chẳng qua là tạm thời ở trên cao mà thôi. Cho nên nói nước ở chỗ mọi người chê ghét, ở chỗ mà mọi người không thích ở. Người tu hành tại sao không ở nơi nhà cửa đẹp đẽ mà suốt ngày cứ ở trong sơn động? Đó cũng là học theo nước, ở chỗ thấp nhất. Vì nước ở chỗ mọi người chê, cho nên hợp với Đạo. Quý vị muốn thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng phải như thế, cũng phải từ chỗ thấp nhất đi lên. Không phải từ trên cao rơi xuống, cũng không phải sanh ra là thành ngay Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được. Quý vị muốn thành Phật, trước phải làm chúng sanh tốt đã. Thế nào là làm chúng sanh tốt? Chính là làm bất cứ việc gì cũng đều hướng về cái thiện, không nên hướng về cái ác. Đó gọi là *"Lựa thiện thì theo, bất thiện thì sửa."* Đường thiện thì theo, đường bất thiện thì sửa. Phải sửa lỗi, tự làm mới lại chính mình. Phải đạo thì tiến, chẳng phải đạo thì lùi. Hợp đạo thì tiến lên phía trước, không hợp đạo thì lùi lại phía sau. Có như thế mới có thể chúng được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Sự vi diệu của Phẩm Phổ Môn vô cùng vô tận, không phải trong thời gian ngắn có thể giảng nói hết được. Sau này có cơ hội sẽ nghiên cứu kỹ hơn. Thứ

bày này là ngày vía Bồ Tát Quán Thế Âm Thành Đạo. Chúng ta đã nghe xong Phẩm Phổ Môn, biết được thần thông diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm, đến hôm đó chúng ta sẽ phát tâm cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm danh hiệu Ngài cùng lạy Đại Bi Sám, cầu Bồ Tát Quán Thế Âm hiển thị diệu dụng bất tư nghĩ. Ai có cầu điều chi, có thể thắm khấn trong tâm xin Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ. Tôi tin tưởng Bồ Tát Quán Thế Âm nhất định sẽ gia hộ quý vị được tùy tâm mãn nguyện. Kinh Pháp Hoa là Pháp Hoa thành Phật, người nghe được Kinh Pháp Hoa là có phần được thành Phật, cho nên cơ hội này là rất khó gặp vậy!

DIỆU PHÁP LIÊN HOA PHẨM PHỔ MÔN

Tác giả: HT. Tuyên Hóa

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Nhà số 4 - lô 11 - Trần Duy Hưng - Hà Nội

ĐT : (04). 5566701 - Fax : (04). 5566702

Chịu trách nhiệm xuất bản

Nguyễn Thanh Xuân

Biên tập	: Đỗ Thị Quỳnh
Trình bày	: Thanh Nguyên
Bìa	: Mai Quế Vũ
Sửa bản in	: Việt Khánh

Số lượng in: 1.000 bản; Khổ 14 x 20 cm

Tại: Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, số 100
Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP HCM. ĐT: 8555812

Số xuất bản: 145-2005/CXB/96-94/TG

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2005.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

PHẨM PHỔ MÔN

LƯỢC GIẢNG



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

235/53 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3,

TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: 8 482 028 - 0908 585 560

(Vào hẻm 283 Nam Kỳ Khởi Nghĩa)

Email : thanhnguyenl@bcm.vnn.vn

FAHASA

RENTER ĐỀ
CÓ

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA P



17,000

11/02/06

17.000